***TCT: 1 + 2***

***Ngày soạn:***

***Ngày dạy:***

***Lớp dạy:***

**BÀI 1**

**NỀN KINH TẾ VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA NỀN KINH TẾ**

Thời lượng: 2 tiết

**I. MỤC TIÊU**:

**a. Về kiến thức**

Nêu được vai trò của các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội

**b. Về phẩm chất.**

*Trung thực*: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, từ đó có những định hướng về nghề nghiệp, việc làm sau khi ra trường. Tích cực tham gia tìm hiểu các hoạt động cơ bản của nền kinh tế để từ đó có kế hoạch học tập, xây dựng mục tiêu cho bản thân sau khi ra trường

*Trách nhiệm*: Nhận biết được trách nhiệm của công dân trong việc tham gia vào các hoạt động kinh tế

*Yêu nước* tin tưởng vào sự phát triển kinh tế của đất nước.

**c. Về năng lực.**

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội.

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến các hoạt động kinh tế.

- Năng lực đặc thù:

+ Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về các hoạt động kinh tế; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước khi tham gia các hoạt động kinh tế; Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức và chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm chuẩn mực đạo đức, pháp luật khi tham gia các hoạt động kinh tế trong xã hội.

+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu, tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi; Bưởc đầu đưa ra các quyết định hợp lí và tham gia giải quyết được một số vấn đề của cá nhân, gia đình và cộng đồng bằng các hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật và lứa tuổi.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.**

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;

- Tranh/ảnh, clip và các mẩu chuyện về các hoạt động trong nền kinh tế;

- Đố dùng đơn giản để sắm vai;

- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,....

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**TIẾT 1:**

**1. Hoạt động: mở đầu**

**a) Mục tiêu:**

Khai thác vốn sống, trải nghiệm của bản thân HS vẽ các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội, tạo hứng thú và những hiểu biết ban đầu của HS về bài học mới.

**b) Nội dung:**

Học sinh quan sát tranh, ảnh, nói về một hoạt động kinh tế đang diễn ra và trả lời câu hỏi:Nêu các hoạt động kinh tế được mô tả trong tranh và chia sẻ hiểu biết của em về các hoạt động kinh tế đó.

**c) Sản phẩm:**

Các hoạt động kinh tế được mô tả trong tranh:

Tranh 1: Nuôi trồng thủy, hải sản.

Tranh 2: Kinh doanh thủy sản

Tranh 3: Kinh doanh các món ăn chế biến từ thủy sản

Tranh 4: Dệt may

Tranh 5: Kinh doanh quần áo

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

GV cho học sinh quan sát hình ảnh và làm việc cá nhân. Sau thời gian quan sát học sinh làm việc cá nhân, yêu cầu học sinh tìm nội dung liên quan đến câu hỏi phía trên. Ghi câu trả lời vào vở

Sau thời gian làm việc cá nhân, học sinh trao đổi cặp đôi với các bạn xung quanh để cùng nhau hoàn thiện câu trả lời

***Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- Học sinh cùng nhau quan sát hình ảnh.

- Học sinh làm việc cá nhân: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.

- Làm việc cặp đôi để hoàn thiện sản phẩm chuẩn bị báo cáo

- Trong quá trình hs làm việc, giáo viên theo dõi, phát hiện các hs chưa tìm được câu trả lời để kịp thời hỗ trợ học sinh tìm được các hoạt động của nền kinh tế

***Báo cáo kết quả và thảo luận***

- Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ suy nghĩ của mình về nội dung trên ( 2 – 3 HS)

- Gọi một số học sinh nhận xét kết quả.

- Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: *Nếu không có các hoạt động kinh tế đó thì xã hội sẽ như thế nào. Trong các hoạt động đó hoạt động nào là cơ bản nhất*

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

*-* Giáo viên nhận xét bài trả lời của một số học sinh đã được yêu cầu trình bày

- Giáo viên chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật vai trò của các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội

**Gv nhấn mạnh:**

*Hằng ngày, chúng ta thường biết đến những vấn đề kinh tế như mua bán, giá cả, lãi suất, thu nhập,... Bài học này sẽ giúp chúng ta biết rõ hơn về các hoạt động kinh tế cơ bản và vai trò của chúng trong đời sống xã hội để chủ động, tích cực tham gia các hoạt động kinh tế, tạo dựng cuộc sống tốt đẹp cho bản thân, gia đình và đóng góp cho sự phồn vinh của đất nước.*

**2. Hoạt động: Khám phá**

**Nội dung 1: 1. Hoạt động sản xuất**

**a) Mục tiêu:**

Học sinh hiểu được khái niệm, vai trò hoạt động sản xuất

**b) Nội dung:**

Học sinh làm việc cá nhân, đọc và tìm hiểu nội dung câu chuyện trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi sau

Hoạt động sản xuất trên đã mang lại hiệu quả như thế nào cho gia đình anh D và xã hội?

**c) Sản phẩm:**

- HS chỉ ra được hoạt động chuyển từ trồng lúa sang trồng bưởi da xanh đã giúp gia đình anh D tận dụng được tối đa diện tích khu đất, phát triển kinh tế gia đình và cung cấp cho thị trường nhiều nông sản sạch, có giá trị cao.

- Nêu được khái niệm,vai trò của hoạt động sản xuất

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| *Chuyển giao nhiệm vụ học tập:*  Học sinh làm việc cá nhân, đọc và tìm hiểu nội dung câu chuyện trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi sau  *Thực hiện nhiệm vụ học tập*  - Học sinh đọc và tìm hiểu nội dung câu chuyện.  - Học sinh làm việc cá nhân: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.  *Báo cáo kết quả và thảo luận*  - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ suy nghĩ của mình về nội dung trên (2 – 3 HS)  - Gọi một số học sinh nhận xét kết quả.  - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: Từ các hoạt động trên chúng ta hiểu thế nào là hoạt động sản xuất và chúng có vai trò như thế nào?  *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*  - Giáo viên nhận xét bài trả lời của một số học sinh đã được yêu cầu trình bày.  - Giáo viên chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm.  - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật vai trò của hoạt động sản xuất trong đời sống xã hội.  Gv nhấn mạnh:  *Hoạt động sản xuất là hoạt động tạo ra sản phẩm vật chất và tinh thần đáp ứng các nhu cầu của con người. Sự phát triển của hoạt động sản xuất là cơ sở thúc đẩy việc mở rộng các hoạt động khác của con người.* | **1. Hoạt động sản xuất**  ***\* Khái niệm:*** Hoạt động sản xuất là hoạt động con người tạo ra sản phẩm vật chất và tinh thần, đáp ứng nhu cầu của đời sống xã hội.  ***\* Vai trò:*** Hoạt động sản xuất là hoạt động cơ bản nhất của con người, quyết định đến các hoạt động - phân phối - trao đổi, tiêu dùng. |

**TIẾT 2**

**Nội dung 2: 2. Hoạt động phân phối – trao đổi**

**a) Mục tiêu:**

Học sinh hiểu được khái niệm, vai trò hoạt động phân phối và trao đổi, mối quan hệ giữa hai hoạt động này.

**b) Nội dung:**

Học sinh làm việc theo nhóm cả lớp chia làm 4 nhóm tiến hành thực hiện nhiệm vụ sau

*+ Nhóm 1,2: Đọc trường hợp 1 và trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa*

*+ Nhóm 3,4: Đọc trường hợp 2 và trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa*

**c) Sản phẩm:**

- HS chỉ ra được

**Trường hợp 1:**

+ Doanh nghiệp dệt may trong trường hợp trên đã có quyết định đúng đắn về việc phân bố nguồn lực và phân chia kết quả sản xuất. Nhờ việc nhanh nhạy nắm bắt kịp xu hướng, cắt giảm lĩnh vực không mang lại hiệu quả cao để đầu tư vào một lĩnh vực có triển vọng hơn. Nhờ đó, các đơn hàng liên tục gia tăng, thu nhập của công nhân được cải thiện.

+ Hoạt động phân phối có vai trò trung gian, giúp kết nối nhà sản xuất với người tiêu dùng. Cả khâu sản xuất và tiêu dùng đều phụ thuộc vào hoạt động phân phối. Ngược lại, hoạt động phân phối cũng bị chi phối bới hoạt động sản xuất và tiêu dùng.

**Trường hợp 2:**

 +Trao đổi sản phẩm là một khâu trung gian giữa một bên là sản xuất và phân phối với một bên là tiêu dùng. Sự trao đổi này là sự kế tiếp của phân phối, đem lại cho người tiêu dùng những sản phẩm phù hợp với nhu cầu của mình.

+ Một số hình thức trao đổi, mua bán trực tuyến khác: bán hàng online bằng hình thức livestream, bán hàng trên các sàn thương mại điện tử như shopee, Lazada, Sendo,...

**-** Hs nêu được khái niệm, vai trò của hoạt động phân phối và trao đổi

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  - GV tổ chức chia lớp thành các nhóm, từ 4-6 nhóm  - Học sinh chia nhóm và làm việc theo nhóm của mình.  *+ Nhóm 1, 2: Đọc trường hợp 1 và trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa.*  *+ Nhóm 3, 4: Đọc trường hợp 2 và trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa.*  ***Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - Học sinh cùng các thành viên trong nhóm, đọc và trao đổi về tình huống của nhóm mình.  - Viết kết quả chung của nhóm mình để báo cáo  ***Báo cáo kết quả và thảo luận***  - Giáo viên cùng học sinh giải quyết từng thông tin  *Thông tin 1:*  + Gọi đại diện các nhóm trình bày nội dung làm việc và thảo luận của nhóm  + Nhóm còn lại nhận xét bổ sung và rút ra khái niệm phân phối là gì  *Thông tin 2:*  + Gọi đại diện các nhóm trình bày nội dung làm việc và thảo luận của nhóm  + Nhóm còn lại nhận xét bổ sung và rút ra khái niệm trao đổi là gì  - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung cho các nhóm  *Từ những thông tin đã nghiên cứu, các em hiểu thế nào là phân phối, trao đổi, hai hoạt động này có vai trò và quan hệ với nhau như thế nào?*  ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.***  - Giáo viên nhận xét bài trả lời của từng nhóm.  - Giáo viên chốt kiến thức làm rõ từng hoạt động mà học sinh đã tìm được.  - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật vai trò của hoạt động sản xuất trong đời sống xã hội.  Gv nhấn mạnh:  *Phân phối - trao đổi đóng vai trò trung gian, là cầu nối sản xuất với tiêu dùng. Phân phối thúc đẩy sản xuất phát triển nếu quan hệ phân phối phù hợp đồng thời có thề kìm hãm sản xuất và tiêu dùng khi nó không phù hợp. Trao đổi giúp người sản xuất bán được hàng, duy trì và phát triển được hoạt động sản xuất và người tiêu dùng mua được thứ mình cần, đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng.* | **2. Hoạt động phân phối – trao đổi**  - Phân phối là hoạt động phân chia các yếu tố sản xuất cho các ngành, các đơn vị sản xuất và phân chia sản phẩm từ người sản xuất đến người tiêu dùng.  - Trao đổi là hoạt động nhà sản xuất đưa sản phẩm đến với người tiêu dùng.  Hoạt động phân phối - trao đổi thực hiện vai trò trung gian, kết nối sản xuất với tiêu dùng. Hoạt động phân phối đóng vai trò phân chia các yếu tố của quá trình sản xuất. Phân phối phù hợp sẽ góp phần vào sự phát triển của sản xuất và tiêu dùng. Hoạt động trao đổi đóng vai trò kết nối sản xuất với tiêu dùng, giúp người sản xuất bán được sản phẩm, duy trì, phát triển hoạt động sản xuất và đáp ứng nhu cầu mua sắm của người tiêu dùng. |

**Nội dung 3: Tìm hiểu hoạt động tiêu dùng**

**a) Mục tiêu:**

Học sinh hiểu được khái niệm, vai trò của tiêu dùng

**b) Nội dung:**

Học sinh làm việc theo nhóm đã phân chia ở trên, các nhóm cùng nhau nghiên cứu thông tin mà sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi

*- Thị hiếu của người tiêu dùng thay đổi như thế nào so với các năm trước.*

*- Hoạt động tiêu dùng có vai trò như thế nào đối với sản xuất, phân phối-trao đổi?*

**c) Sản phẩm:**

- HS chỉ ra được

+ Thị hiếu của người tiêu dùng thay đổi:

  So với các năm trước, người tiêu dùng hiện nay không chỉ quan tâm đến mục đích sử dụng mà còn chú ý đến nguồn gốc, nguyên liệu sản xuất nhằm đảm bảo an toàn sức khỏe.

+ Vai trò:

Hoạt động tiêu dùng là động lực của sản xuất, phân phối-trao đổi hàng hóa.

Cầu tăng thì cung tăng.

Các nhà sản xuất, phân phối dựa và xu hướng tiêu dùng của thị trường để tạo ra các sản phẩm và phân phối chúng.

- HS rút ra được nội dung của khái niệm tiêu dùng,

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Học sinh làm việc theo nhóm đã phân chia ở trên, các nhóm cùng nhau nghiên cứu thông tin mà sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi.  *- Thị hiếu của người tiêu dùng thay đổi như thế nào so với các năm trước.*  *- Hoạt động tiêu dùng có vai trò như thế nào đối với sản xuất, phân phối - trao đổi?*  **Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh cùng các thành viên trong nhóm, đọc và trao đổi về tình huống của nhóm mình.  - Viết kết quả chung của nhóm mình để báo cáo  **Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Giáo viên điều hành hoạt động thảo luận của các nhóm  + Gọi 2 nhóm trình bày kết quả chuẩn bị của mình  + Các nhóm còn lại sẽ nhận xét và góp ý  Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung cho các nhóm  *Từ những thông tin đã nghiên cứu, các em hiểu thế nào là tiêu dùng, tiêu dùng có vai trò như thế nào*  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Giáo viên nhận xét bài trả lời của từng nhóm.  - Giáo viên chốt kiến thức làm rõ từng hoạt động mà học sinh đã tìm được  - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật vai trò của hoạt động sản xuất trong đời sống xã hội  Gv nhấn mạnh:  *Hoạt động tiêu dùng bao gồm tiêu dùng cho sinh hoạt và tiêu dùng cho sản xuất. Tiêu dùng là mục đích, la động lực thúc đầy sản xuất phát triển. Vì vậy. mỗi người cần tiêu dùng hợp lý. có kế hoạch đế trở thành người tiêu dùng thông minh.* | **3. Hoạt động tiêu dùng**  Hoạt động tiêu dùng là hoạt động con người sử dụng các sản phẩm được sản xuất để thỏa mãn nhu cẩu vật chất và tinh thần của mình.  Tiêu dùng là mục đích của sản xuất. |

**Nội dung 4: 4. Trách nhiệm của công dân khi tham gia vào các hoạt động kinh tế**

**a) Mục tiêu:**

Học sinh hiểu được trách nhiệm của công dân khi tham gia vào các hoạt động kinh tế

**b) Nội dung:**

Học sinh làm việc theo nhóm đã phân chia ở trên, các nhóm cùng nhau nghiên cứu thông tin 1 và 2 mà sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi

Trường hợp 1:

- Em có nhận xét gì về dự định hoạt động kinh doanh của anh K?

- Nếu là anh K, em sẽ thực hiện kinh doanh như thế nào?

Trường hợp 2:

- Em có nhận xét gì về hoạt động của Doanh nghiệp Q?

- Hoạt động đó có ý nghĩa như thế nào đối với kinh tế-xã hội?

**c) Sản phẩm:**

HS chỉ ra được

Trường hợp 1:

- Dự định kinh doanh của anh K là không tốt và sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của người tiêu dùng. Có thể những tính toán của anh sẽ mang lại cho anh nhiều lợi nhuận, tuy nhiên, nó lại làm hại đến người tiêu dùng, cụ thể ở đây là những người uống trà sữa ở quán của anh.

- Nếu là anh K, em sẽ lựa chọn những nguyên vật liệu chất lượng để làm trà sữa, nhằm đảm bảo sức khỏe cho người tiêu dùng. Mặc dù giá thành của chúng có thể sẽ cao hơn một chút, nhưng theo xu hướng hiện nay, người tiêu dùng rất quan tâm đến sức khỏe và họ sẵn sàng bỏ ra nhiều tiền hơn để có một cốc trà sữa chất lượng.

Trường hợp 2:

- Hoạt động của doanh nghiệp K rất chuyên nghiệp và cần được nhân rộng.

- Việc doanh nghiệp đặt sức khỏe của người tiêu dùng làm tiêu chí hàng đầu, sử dụng nguyên liệu thân thiện với môi trường sẽ mang đến cho thị trường những sản phẩm an toàn, giá trị dinh dưỡng cao. Đồng thời, doanh nghiệp cũng có ý thức bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất. Đây là một điều rất cần thiết và phải được phổ cập rộng rãi đối với các doanh nghiệp sản xuất hiện nay.

- Học sinh rút ra được một số việc cần làm khi tham gia vào các hoạt động kinh tế

***d) Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Học sinh làm việc theo nhóm đã phân chia ở trên, các nhóm cùng nhau nghiên cứu thông tin 1 và 2 mà sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi  Trường hợp 1:  - Em có nhận xét gì về dự định hoạt động kinh doanh của anh K?  - Nếu là anh K, em sẽ thực hiện kinh doanh như thế nào?  Trường hợp 2:  - Em có nhận xét gì về hoạt động của Doanh nghiệp Q?  - Hoạt động đó có ý nghĩa như thế nào đối với kinh tế-xã hội?  ***Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - Học sinh cùng các thành viên trong nhóm, đọc và trao đổi về tình huống của nhóm mình.  - Viết kết quả chung của nhóm mình để báo cáo  ***Báo cáo kết quả và thảo luận***  - Giáo viên điều hành hoạt động thảo luận của các nhóm  + Gọi một số nhóm trình bày kết quả chuẩn bị của mình  + Các nhóm còn lại sẽ nhận xét và góp ý  Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung cho các nhóm  *Mỗi công dân cần có trách nhiệm như thế nào khi tham gia và các hoạt động của nền kinh tế?*  ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - Giáo viên nhận xét bài trả lời của từng nhóm.  - Giáo viên chốt kiến thức làm rõ từng hoạt động mà học sinh đã tìm được  - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật vai trò của hoạt động sản xuất trong đời sống xã hội  Gv nhấn mạnh:  *Mỗi công dân khi tham gia vào nền kinh tế có thể đóng nhiều chủ thể khác nhau, mỗi người cần trang bị những kiến thức cơ bản để có thể thực hiện tốt vai trò của mình cũng như góp phần tạo ra của cải cho bản thân và gia đình* | **4. Trách nhiệm của công dân khi tham gia vào các hoạt động kinh tế**  - Tích cực tìm hiểu các kiến thức về kinh tế.  - Chủ động tham gia vào các hoạt động của nền kinh tế.  - Tuyên truyền vận động mọi người cùng tham gia.  - Phê phán đấu tranh với các hành vi vi phạm. |

**3. Hoạt động: Luyện tập**

**Bài tập 1:** Trao đổi cùng các bạn và cho biết, em đồng tình hoặc không đồng tình với ý kiến nào? Giải thích vì sao?

**a) Mục tiêu:**

Học sinh vận dụng được các kiến thức cơ bản về các hoạt động kinh tế vào lý giải các hiện tượng kinh tế đang diễn ra trong xã hội

**b) Nội dung:**

Học sinh thảo luận nhóm, các nhóm cùng nghiên cứu 4 trường hợp sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:**

\* HS chỉ ra được

Em đồng tình với các ý kiến b, d.

\* Giải thích:

- Hoạt động tiêu dùng là khâu cuối cùng, là động lực và mục đích của quá trình sản xuất, phân phối-trao đổi hàng hóa. Do đó, các yếu tố liên quan đến hàng hóa (số lượng, chất lượng, kiểu dáng, mẫu mã,...) sẽ được định hướng theo nhu cầu của thị trường.

- Phân phối - trao đổi đóng vai trò là cầu nối thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng, vì nếu không có các hoạt động phân phối - trao đổi, hàng hóa sản xuất ra sẽ khó tiếp cận người tiêu dùng. Từ đó, hạn chế khâu sản xuất mà người tiêu dùng có nhu cầu lại không biết mua hàng ở đâu.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm.

Các nhóm cùng nghiên cứu 4 trường hợp sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi trong từng trường hợp.

***Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm.

- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống.

- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp.

***Báo cáo kết quả và thảo luận***

- Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời.

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

*-* Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tham gia vào các hoạt động kinh tế.

**Bài tập 2:** Em hãy đọc trường hợp sau và thực hiện yêu cầu***.***

**a) Mục tiêu:**

Học sinh vận dụng được các kiến thức cơ bản về các hoạt động kinh tế vào lý giải các hiện tượng kinh tế đang diễn ra trong xã hội.

**b) Nội dung:**

Học sinh thảo luận nhóm, các nhóm cùng nghiên cứu 3 trường hợp sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:**

HS chỉ ra được

Trường hợp 1:

- Các hãng xe công nghệ đang tham gia hoạt động sản xuất. Họ cung cấp cho thị trường các sản phẩm dịch vụ: di chuyển, giao hàng, chuyển đồ, ...

- Các hãng xe công nghệ giúp phát triển nền kinh tế số ở Việt Nam, kết nối vận tải giữa các tỉnh thành trong cả nước, kết nối nhà phân phối với người tiêu dùng thông qua hình thức giao hàng. Đặc biệt là trong thời gian giãn cách do đại dịch, dịch vụ giao hàng đã giúp các nhà sản xuất, nhà phân phối duy trì mối quan hệ với khách hàng, duy trì nền kinh tế, giảm khả năng bị đứt gãy chuỗi cung ứng trong nước do dịch bệnh.

Trường hợp 2:

- K và T đã tham gia hoạt động sản phân phối - trao đổi.

- Khi tham gia hoạt động kinh tế trên, K và T đã mang lại cho thị trường những sản phẩm phong phú, đa dạng, có giá trị thẩm mĩ, đáp ứng đời sống tinh thần của người tiêu dùng.

Trường hợp 3:

- Hoạt động kinh tế trong tình huống là hoạt động tiêu dùng.

- Xu hướng "tiêu dùng xanh" giúp đảm bảo sức khỏe cho chính người tiêu dùng và cũng góp phần cắt giảm những chất thải gây ô nhiễm môi trường. Đây vừa là cơ hội vừa là thách thức đối với các đơn vị, cửa hàng, doanh nghiệp trong việc sản xuất, cung ứng hàng hóa theo các tiêu chí xanh, sạch, minh bạch thông tin sản phẩm để thu hút người tiêu dùng.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm.

Các nhóm cùng nghiên cứu 3 trường hợp sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi trong từng trường hợp.

***Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm.

- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống.

- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp.

***Báo cáo kết quả và thảo luận***

Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tham gia vào các hoạt động kinh tế.

**Bài tập 3:** Em hãy đọc trường hợp sau và trả lời câu hỏi.

**a) Mục tiêu:**

Học sinh vận dụng được các kiến thức cơ bản về các hoạt động kinh tế vào lý giải các hiện tượng kinh tế đang diễn ra trong xã hội

**b) Nội dung:**

Học sinh thảo luận nhóm, các nhóm cùng nghiên cứu trường hợp sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi

**c) Sản phẩm:**

HS chỉ ra được:

- M đã tham gia hoạt động phân phối-trao đổi hàng hóa, còn gia đình M thực hiện hoạt động sản xuất.

- Việc làm của M rất cần thiết và hợp lí. M đã mở rộng quảng cáo, giới thiệu sản phẩm, giúp những sản phẩm rau hữu cơ của nhà mình tiếp cận được nhiều người tiêu dùng hơn, từ đó, tăng doanh thu bán hàng cho gia đình.

- Để tham gia vào các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi, em sẽ cùng một vài người bạn tìm hiểu và nghiên cứu các mô hình kinh doanh đơn giản.Có thể tự sản xuất hoặc tham gia hoạt động phân phối. Một số hoạt động có thế thực hiện như:

+ Làm đồ handmade từ những vật liệu đã qua sử dụng.

+ Bán sách cũ

+ Quảng bá sản phẩm của gia đình qua các kênh online.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm.

Các nhóm cùng nghiên cứu trường hợp sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi trong từng trường hợp.

***Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm

- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống

- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

***Báo cáo kết quả và thảo luận***

Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tham gia vào các hoạt động kinh tế

**Bài tập 4:** Em hãy đọc tình huống sau và trả lời câu hỏi

**a) Mục tiêu:**

Học sinh vận dụng được các kiến thức cơ bản về các hoạt động kinh tế vào lý giải các hiện tượng kinh tế đang diễn ra trong xã hội

**b) Nội dung:**

Học sinh thảo luận nhóm, các nhóm cùng nghiên cứu tình huống sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi

**c) Sản phẩm:**

\* HS chỉ ra được:

Em đồng tình với hành động của B

\* Giải thích: nếu không có những biện pháp răn đe, xử phạt thì hộ kinh doanh kia sẽ vẫn ngang nhiên buôn bán, chỉ nghĩ đến lợi nhuận mà không quan tâm đến sức khỏe người tiêu dùng. Những người mua không biết hoặc không để ý sẽ phải chịu hậu quả về sức khỏe.

- Nếu là B, em sẽ nói rõ những tác hại, hậu quả của việc bán hàng không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm cho mẹ để mẹ không vì tình làng nghĩ xóm mà bỏ qua cho hộ kinh doanh đó.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm.

Các nhóm cùng nghiên cứu tình huống sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi.

***Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm.

- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra câu trả lời cho tình huống.

- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp.

***Báo cáo kết quả và thảo luận***

Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời.

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tham gia vào các hoạt động kinh tế.

**4. Hoạt động: Vận dụng**

**Bài tập 1:** Em hãy cùng các bạn lên ý tưởng cho kế hoạch kinh doanh một vài mặt hàng phù hợp với đối tượng người mua là học sinh trung học phổ thông.**.**

***a) Mục tiêu:***

HS tự giác áp dụng những điều đã học về vai trò của các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới nhằm tăng cường ý thức và kĩ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo.

**b) Nội dung:**

Học sinh cùng trao đổi và thảo luận để hoàn thành bài tập ở nhà. Lựa chọn một hoạt động có thể đã làm hoặc có thể thực hiện được từ đó tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh một cách phù hợp.

**c) Sản phẩm:**

HS xây dựng được ý tưởng, tổ chức được một hoạt động kinh doanh cụ thể đảm bảo tính khả thi của ý tưởng

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

- Giáo viên tổ chức chia nhóm, sử dụng các nhóm đã chia trong các tiết học.

- Học sinh lên ý tưởng để tổ chưc một hoạt động sản xuất kinh doanh, yêu cầu ý tưởng

+ Có tính khả thi cao

+ Dự kiến các phương thức để tổ chức thực hiện: Kinh phí, nhân lực, loại hình, đầu ra

+ Bước đầu đánh giá được hiệu quả kinh tế của ý tưởng đó

***Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm, phân công công việc và lên ý tưởng

- Lựa chọn ý tưởng, nghiên cứu hoàn thiện ý tưởng

- Có thể thực nghiệm ý tưởng trong thực tế

***Báo cáo kết quả và thảo luận***

Giáo viên bố trí thời gian để các nhóm báo cáo ý tưởng đề xuất cũng như để các nhóm có thể phản biện và tranh luận với nhau từ đó hoàn thiện ý tưởng của nhóm mình

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra cũng như việc báo cáo, phản biện ý tưởng của các nhóm giáo viên đánh giá, kết luận về tính khả thi, tính thực tiễn cũng như đưa ra những nhận xét để giúp các nhóm có thể hiện thực hóa ý tưởng trong thực tế

**Bài tập 2:** Em hãy tìm hiểu và viết bài giới thiệu một sản phẩm thân thiện với môi trường và chia sẻ cùng các bạn trong lớp.

**a) Mục tiêu:**

HS tăng cường ý thức và kĩ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo.

**b) Nội dung:**

Học sinh cùng trao đổi và thảo luận trong nhóm để hoàn thành bài tập ở nhà. Khuyến khích các mô hình, ý tưởng sáng tạo để thể hiện rõ hoạt động tiêu dùng xanh.

**c) Sản phẩm:**

HS xây dựng được ý tưởng, hoàn thành tranh vẽ theo các yêu cầu và tiêu chí giáo viên đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

- Giáo viên tổ chức chia nhóm, sử dụng các nhóm đã chia trong các tiết học.

- Học sinh lựa chọn một sản phẩm thân thiện với môi trường, đưa ra các tiêu chí để xác định hoạt động đó đảm bảo sản phẩm thân thiện với môi trường

- Khuyến khích các ý tưởng vẽ sáng tạo

***Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm, phân công công việc và tổ chức thực hiện

- Lựa chọn ý tưởng, nghiên cứu hoàn thiện ý tưởng

- Viết bài thuyết trình cho bức tranh mà nhóm hoàn thiện

***Báo cáo kết quả và thảo luận***

Giáo viên bố trí thời gian không gian để các nhóm trình bày trưng bày bức tranh và thuyết trình về ý tưởng của bức tranh.

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra cũng như việc thuyết trình của các nhóm, giáo viên đánh giá kết luận về việc thực hiện nhiệm vụ của mỗi nhóm, xếp loại cho mỗi bức tranh.

***TCT: 3 + 4 + 5***

***Ngày soạn:***

***Ngày dạy:***

***Lớp dạy:***

**BÀI 2**

**CÁC CHỦ THỂ CỦA NỀN KINH TẾ**

Thời lượng: 3 tiết

**I. MỤC TIÊU**:

**a) Về kiến thức:** Nhận biết được các chủ thể tham gia trong nền kinh tế, vai trò của các chủ thể khi tham gia nền kinh tế

**b) Về phẩm chất:**

*-* Chăm chỉ: Tích cực tham gia tìm hiểu các hoạt động cơ bản của nền kinh tế để từ đó có kế hoạch học tập, xây dựng mục tiêu cho bản thân sau khi ra trường.

- Trung thực và có trách nhiệm công dân khi thực hiện vai trò là chủ thế kinh tế phù hợp với lứa tuổi. Nhận biết được vai trò của các chủ thể, xác định được vị trí của bản thân với tư cách là một chủ thể từ đó có kế hoạch thực hiện tốt vai trò của mình.

- Yêu nước, tin tưởng vào sự phát triển kinh tế của đất nước.

**c. Về năng lực:**

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về vai trò của các chủ thể kinh tế trong nền kinh tế.

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến vai trò của các chủ thể kinh tế.

- Năng lực đặc thù:

+ Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước khi tham gia nền kinh tế với vai trò chủ thể kinh tế cụ thể; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước khi thực hiện vai trò chủ thể kinh tế; Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức và chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm chuẩn mực đạo đức, pháp luật khi thực hiện vai trò của chủ thể kinh tế cụ thể.

+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu, tham gia và vận động người khác tham gia thực hiện tốt vai trò là chủ thể kinh tế phù hợp với lứa tuổi; Bước đầu đưa ra các quyết định hợp lí và tham gia giải quyết được một số vấn đề của cá nhân, gia đình và cộng đồng bằng các hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật và lứa tuổi khi thực hiện vai trò là chủ thể kinh tế.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.**

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;

- Tranh/ảnh, clip và các mẩu chuyện về các chủ thể tham gia nền kinh tế;

- Đồ dùng đơn giản đế sắm vai;

- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**TIẾT 1:**

**1. Hoạt động: mở đầu**

**a) Mục tiêu:**

Khai thác vốn sống, trải nghiệm của bản thân HS về chủ đề các chủ thể của nền kinh tế, tạo hứng thú và những hiểu biết ban đầu của HS về chủ đề bài học mới.

**b) Nội dung:**

Học sinh cùng nhau quan sát tranh, xác định các chủ thể kinh tế được mô tả trong tranh và chia sẻ hiểu biết của em về các chủ thể kinh tế đó.

**c) Sản phẩm:**

Xác định các chủ thể kinh tế được mô tả trong tranh:

* Tranh 1: Người sản xuất => là những người trực tiếp tạo ra các sản phẩm.
* Tranh 2: Nhà nước => Điều tiết hoạt động kinh doanh trong nước, có quyền hạn cao nhất về pháp luật.
* Tranh 3: các chủ thể trung gian => phân phối hàng hóa đến tay người tiêu dùng.
* Tranh 4: các chủ thể trung gian => phân phối hàng hóa đến tay người tiêu dùng.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

Học sinh cùng nhau quan sát tranh, xác định các chủ thể kinh tế được mô tả trong tranh và chia sẻ hiểu biết của em về các chủ thể kinh tế đó.

***Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- Học sinh làm việc cá nhân: quan sát tranh và tìm ra đặc điểm của từng bức tranh gắn với mỗi nhân vật.

- Làm việc cặp đôi để hoàn thiện sản phẩm chuẩn bị báo cáo.

***Báo cáo kết quả và thảo luận***

- Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ suy nghĩ của mình về nội dung trên ( 2 – 3 HS).

- Gọi một số học sinh nhận xét kết quả.

- Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: *Trong nền kinh tế thị trường mỗi cá nhân có thể đóng những vai trò nào trong các hoạt động kinh tế?*

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

*-* Giáo viên nhận xét bài trả lời của một số học sinh đã được yêu cầu trình bày.

- Giáo viên chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm.

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật vai trò của các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội.

**Gv nhấn mạnh:**

*Mỗi chúng ta đều tham gia vào nền kinh tế với những vai trò khác nhau, nền kinh tế đang hoạt động bởi nhiều chủ thể khác nhau, mỗi chủ thể lại có vai trò của họ trong sự phát triển của đời sống xã hội. Bài học này sẽ giúp chúng ta nhận biết được các chủ thể của nền kinh tế và vai trò của họ khi tham gia các hoạt động kinh tế .*

**2. Hoạt động: Khám phá**

**Nội dung 1: 1.a. Chủ thể sản xuất**

**a) Mục tiêu:**

Học sinh hiểu được khái niệm, vai trò chủ thể sản xuất

**b) Nội dung:**

Học sinh cùng làm việc nhóm, các nhóm cùng nhau đọc tình huống sách giáo khoa và trả lời câu hỏi

Em hãy xác định những việc làm của anh H thể hiện trách nhiệm với tư cách là chủ thể sản xuất tham gia vào nền kinh tế. Theo em, những việc làm của anh H đã đóng góp gì cho nền kinh tế và cho đời sống xã hội?

**c) Sản phẩm:**

- HS chỉ ra được

- Những việc làm của anh H thể hiện trách nhiệm với tư cách là chủ thế sản xuất tham gia vào nền kinh tế là: tạo việc làm cho nhiều lao động, đóng thuế, đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội trong vùng.

- Theo em, những việc làm của anh H giúp ổn định cuộc sống cho người dân trong vùng, nâng cao đời sống người dân và góp phần làm giàu đẹp cho quê hương.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Học sinh cùng làm việc nhóm, các nhóm cùng nhau đọc tình huống sách giáo khoa và trả lời câu hỏi  Em hãy xác định những việc làm của anh H thể hiện trách nhiệm với tư cách là chủ thể sản xuất tham gia vào nền kinh tế. Theo em, những việc làm của anh H đã đóng góp gì cho nền kinh tế và cho đời sống xã hội?  ***Báo cáo kết quả và thảo luận***  - Giáo viên gọi 2 nhóm cử học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu của nhóm mình.  - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.  - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: Từ các hoạt động trên chúng ta hiểu thế nào là chủ thể sản xuất và chủ thể đó có vai trò như thế nào?  ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - Giáo viên nhận xét bài trả lời của các nhóm đã được yêu cầu trình bày và nhóm tiến hành nhận xét.  - Giáo viên chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm.  - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật vai trò của chủ thể sản xuất trong đời sống xã hội.  **Gv nhấn mạnh:**  Chủ thể sản xuất có trách nhiệm đối với con người - cung cấp những hàng hoá, dịch vụ không làm tổn hại tới sức khoẻ và lợi ích của con người trong xã hội | **1.a. Chủ thể sản xuất**  Chủ thể sản xuất: Là những cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp,...sử dụng các yếu tố đầu vào như nguồn vốn, sức lao động, tài nguyên,... tạo ra hàng hoá (sản phẩm, dịch vụ) cho xã hội, phục vụ nhu cầu tiêu dùng, góp phần thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế. |

**Nội dung 2: 1.b. Chủ thể tiêu dùng**

**a) Mục tiêu:**

Học sinh hiểu được khái niệm, vai trò của chủ thể tiêu dùng

**b) Nội dung:**

Học sinh cùng làm việc nhóm, các nhóm cùng nhau đọc tình huống sách giáo khoa và trả lời câu hỏi

*- Chị V đã thể hiện vai trò chủ thể tiêu dùng của mình như thế nào trong trường hợp trên?*

*- Việc làm của chị V có ý nghĩa như thế nào đối với các hoạt động kinh tế?*

**c) Sản phẩm:**

- HS chỉ ra được

- Với vai trò là chủ thể tiêu dùng, chị V là một người biết chọn lọc, có ý thức sử dụng các vật dụng thân thiện với môi trường.

- Việc làm của chị V đã đóng góp một phần vào việc phát triển xu hướng "tiêu dùng xanh".

Những người tiêu dùng như chị V sẽ là động lực để các nhà sản xuất chế tạo ra những dòng sản phẩm thân thiện với môi trường.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Học sinh cùng làm việc nhóm, các nhóm cùng nhau đọc tình huống sách giáo khoa và trả lời câu hỏi  *- Chị V đã thể hiện vai trò chủ thể tiêu dùng của mình như thế nào trong trường hợp trên?*  *- Việc làm của chị V có ý nghĩa như thế nào đối với các hoạt động kinh tế?*  ***Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - Học sinh cùng nhau đọc thông tin, suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.  - Thống nhất câu trả lời của nhóm để báo cáo trước lớp  ***Báo cáo kết quả và thảo luận***  - Giáo viên lần lượt yêu cầu các nhóm trình bày kết quả của nhóm mình,  - Các nhóm khác theo dõi và bổ sung nếu cần thiết  ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  *-* Giáo viên nhận xét bài trả lời của các nhóm  - Giáo viên chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm  - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật vai trò của các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội  *Nền kinh tế có nhiều khởi sắc khiến tiêu dùng của người dân có xu hướng tăng. Nhờ vậy, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ nhanh hơn, kích thích sản xuất, kinh doanh phát triển. Nhu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng ngày càng phong phú, đa dạng là động lực quan trọng, định hướng cho sản xuất phát triển* | **b. Chủ thể tiêu dùng**  Là người tiêu thụ các sản phẩm, dịch vụ để thoả mãn nhu cầu của mình. Chủ thể tiêu dùng có vai trò quan trọng trong việc định hướng, tạo động lực cho sản xuất phát triển, có trách nhiệm đối với sự phát triển bền vững. |

**TIẾT 2**

**Nội dung 3: 1.c. Chủ thể trung gian**

**a) Mục tiêu:**

Học sinh hiểu được khái niệm, vai trò của chủ thể trung gian

**b) Nội dung:**

Học sinh làm việc theo nhóm (4-6 nhóm), các nhóm cùng nhau nghiên cứu tìm hiểu tình huống sách giáo khoa và trả lời câu hỏi

Chủ thể kinh tế nào được đề cập trong trường hợp trên? Hoạt động của hệ thống siêu thị A đã giúp ích gì cho người sản xuất và người tiêu dùng?

**c) Sản phẩm:**

- HS chỉ ra được các chủ thể tham gia trong thông tin

- Chủ thể kinh tế được đề cập trong trường hợp trên là hệ thống siêu thị A.

- Lợi ích:

Hệ thống siêu thị A đã trở thành cầu nối giữa người sản xuất và người tiêu dùng.

Mang đến cho người tiêu dùng những sản phẩm chất lượng, giới thiệu các sản phẩm mới.

Có những chính sách chăm sóc khách hàng chu đáo.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Học sinh làm việc theo nhóm (4-6 nhóm), các nhóm cùng nhau nghiên cứu tìm hiểu tình huống sách giáo khoa và trả lời câu hỏi:  *Chủ thể kinh tế nào được đề cập trong trường hợp trên? Hoạt động của hệ thống siêu thị A đã giúp ích gì cho người sản xuất và người tiêu dùng?*  ***Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - Học sinh cùng nhau đọc thông tin, suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.  - Thống nhất câu trả lời của nhóm để báo cáo trước lớp  ***Báo cáo kết quả và thảo luận***  - Giáo viên lần lượt yêu cầu các nhóm trình bày kết quả của nhóm mình.  - Các nhóm khác theo dõi và bổ sung nếu cần thiết.  ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  *-* Giáo viên nhận xét bài trả lời của các nhóm.  - Giáo viên chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm.  - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật vai trò của các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội.  *Do sự phát triển của sản xuất và trao đổi dưới tác động của phân công lao động xã hội. Những chủ thể trung gian xuất hiện trên thị trường thực hiện kết nối các quan hệ mua vá bán.* | **c. Chủ thể trung gian**  Gồm những tồ chức cá nhân giữ vai trò kết nối giữa người tiêu dùng và người sản xuất trong nền kinh tế. Dưới tác động của phân công lao dộng xã hội, những chủ thể trung gian xuất hiện trên thị trường thực hiện kết nối các quan hệ mua và bán, sản xuất và tiêu dùng,... giúp nền kinh tế linh hoạt, hiệu quả. |

**Nội dung 4: 1.d. Chủ thể nhà nước**

**a) Mục tiêu:**

Học sinh hiểu được khái niệm, vai trò của chủ thể nhà nước

**b) Nội dung:**

Học sinh tiếp tục làm việc theo nhóm, các nhóm cùng nhau nghiên cứu tình huống sách giáo khoa và trả lời câu hỏi:

*- Nhà nước đã làm gì trước khó khăn của doanh nghiệp do tác động của dịch Covid-19?*

*- Theo em, Nhà nước có vai trò như thế nào đối với nền kinh tế?*

**c) Sản phẩm:**

Học sinh trả lời được câu hỏi và rút ra kiến thức cơ bản

- Nhà nước đã cắt giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19.

- Nhà nước có vai trò điều tiết nền kinh tế, hỗ trợ, tạo điều kiện để các doanh nghiệp tư nhân có thể phát huy hết hiệu quả hoạt động. Đồng thời, Nhà nước cũng tác động để điều chỉnh và khắc phục những vấn đề nảy sinh trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Học sinh tiếp tục làm việc theo nhóm, các nhóm cùng nhau nghiên cứu tình huống sách giáo khoa và trả lời câu hỏi  - Nhà nước đã làm gì trước khó khăn của doanh nghiệp do tác động của dịch bệnh Covid-19?  - Theo em, Nhà nước có vai trò như thế nào đối với nền kinh tế?  ***Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - Học sinh cùng nhau đọc thông tin, suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.  - Thống nhất câu trả lời của nhóm để báo cáo trước lớp  ***Báo cáo kết quả và thảo luận***  - Giáo viên lần lượt yêu cầu các nhóm trình bày kết quả của nhóm mình,  - Các nhóm khác theo dõi và bổ sung nếu cần thiết  ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  *-* Giáo viên nhận xét bài trả lời của các nhóm  - Giáo viên chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm  **Gv nhấn mạnh:**  *Nhà nước là một chủ thể của nền kinh tế có vai trò điều tiết và tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể kinh tế khác hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả. Nhà nước cũng tác động để điều chỉnh và khắc phục những vấn đề nảy sinh trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội* | **d. Chủ thể nhà nước**  Có vai trò điều tiết và tạo điều kiện thuận lợi cho các ngành kinh tế khác nhau hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả. Đồng thời, Nhà nước cũng tác động để điều chỉnh và khắc phục những vân đề nảy sinh trong quá trình phát triển kinh tế. |

**Nội dung 5: 2. Trách nhiệm của công dân với tư cách là một chủ thể kinh tế**

***a) Mục tiêu.*** Học sinh hiểu được trách nhiệm của công dân với tư cách là một chủ thể kinh tế

**b) Nội dung.** Học sinh tiếp tục làm việc theo nhóm, các nhóm cùng nhau nghiên cứu 3 tình huống sách giáo khoa và trả lời câu hỏi

+ Nhóm 1: Tình huống 1

+ Nhóm 2: Tình huống 2

+ Nhóm 3: Tình huống 2

***c) Sản phẩm.***

Học sinh trả lời được câu hỏi và rút ra kiến thức cơ bản

**Trường hợp 1:**Việc làm của anh H và gia đình đã góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế địa phương, cung cấp các sản phẩm rau sạch, đáp ứng nhu cầu của thị trường.

**Trường hợp 2:**

- Nhận xét việc làm của chị B:

Giúp cho người mua yên tâm về chất lượng hàng hóa mà chị bán.

Việc chị chủ động tìm hiểu nguồn gốc sản phẩm trước khi nhập vào thể hiện trách nhiệm của một người phân phối sản phẩm đến tay người tiêu dùng.

Giá cả và hạn sử dụng được niêm yết công khai, rõ ràng giúp người sử dụng dễ dàng theo dõi và lựa chọn sản phẩm phù hợp.

- Vai trò của bản thân với tư cách là một chủ thể tham gia trong nền kinh tế: Đảm bảo chất lượng sản phẩm mình phân phối, đảm bảo quyền lợi cho người tiêu dùng,không tự ý nâng giá sản phẩm, không đầu cơ, tích trữ, gây bất ổn cho nền kinh tế chung của đất nước.

**Trường hợp 3:**

- Nhận xét về việc làm của chị N và cách ứng xử của người quản lí trung tâm thương mại:

Việc làm của chị N là cần thiết.

Người quản lí trung tâm thương mại đã có cách ứng xử khéo léo để khách hàng tin tưởng và yên tâm, tiếp tục mua hàng tại trung tâm thương mại này.

- Theo em, những tiêu chí người tiêu dùng luôn đặt lên hàng đầu khi mua sắm là:

Chất lượng sản phẩm (vệ sinh an toàn thực phẩmhành phần dinh dưỡng, hạn sử dụng)

Giá thành

Nguồn gốc xuất xứ

Sản phẩm có thân thiện với môi trường hay không.

***d) Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Học sinh tiếp tục làm việc theo nhóm, các nhóm cùng nhau nghiên cứu 3 tình huống sách giáo khoa và trả lời câu hỏi.  + Nhóm 1: Tình huống 1  + Nhóm 2: Tình huống 2  + Nhóm 3: Tình huống 2  ***Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - Học sinh cùng nhau đọc thông tin, suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.  - Thống nhất câu trả lời của nhóm để báo cáo trước lớp.  ***Báo cáo kết quả và thảo luận***  - Giáo viên lần lượt yêu cầu các nhóm trình bày kết quả của nhóm mình,  - Các nhóm khác theo dõi và bổ sung nếu cần thiết  ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  *-* Giáo viên nhận xét bài trả lời của các nhóm.  - Giáo viên chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm.  **Gv nhấn mạnh:**  *Mỗi công dân khi tham gia vào các chủ thể của nền kinh tế cần thể hiện tốt trách nhiệm xã hội của mình. Đấu tranh với các hành vi vi phạm.* | **2. Trách nhiệm của công dân với tư cách là một chủ thể kinh tế**  - Tích cực tham gia các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi.  - Thực hiện tốt vai trò và trách nhiệm xã hội khi tham gia vào các chủ thể của nền kinh tế.  - Đấu tranh với những hành vi vi phạm khi tham gia vào các hoạt động kinh tế. |

**TIẾT 3**

**3. Hoạt động: Luyện tập**

**Bài tập 1:** Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào dưới đây? Vì sao?

**a) Mục tiêu:**

HS củng cố tri thức về các chủ thể của nền kinh tế; rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống. Biết nhận xét đánh giá các hiện tượng của đời sống xã hội đang diễn ra liên quan đến các thủ thể của nền kinh tế.

**b) Nội dung:**

Học sinh thảo luận nhóm, các nhóm cùng nghiên cứu 2 trường hợp sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:**

\* HS chỉ ra được

Em đồng ý với các ý kiến b, c và không đồng ý với ý kiến a, d.

\* Giải thích:

- Người sản xuất, ngoài mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận còn cần phải có trách nhiệm cung cấp những hàng hóa không làm tổn hại đối với con người, môi trường và xã hội.

- Hoạt động sản xuất nhằm mục đích tạo ra những sản phẩm đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng. Sản phẩm nào thị trường có sức mua lớn sẽ được sản xuất nhiều và ngược lại. Do đó, nhu cầu người tiêu dùng sẽ có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất.

- Chủ thể Nhà nước có vai trò điều tiết và tạo điều kiện thuận lợi cho các ngành kinh tế khác nhau hoạt động sản xuất hiệu quả. Đồng thời, Nhà nước cũng tác động để điều chỉnh và khắc phục những vấn đề nảy sinh trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

- Chủ thể trung gian giữ vai trò kết nối giữa người tiêu dùng và người sản xuất nên không thể tồn tại độc lập với người sản xuất và người tiêu dùng.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm.

Các nhóm cùng nghiên cứu 4 trường hợp sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi trong từng trường hợp.

***Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm.

- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống.

- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp.

***Báo cáo kết quả và thảo luận***

- Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời.

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tham gia vào các hoạt động kinh tế.

**Bài tập 2:** Em hãy đọc các trường hợp sau và trả lời câu hỏi***.***

**a) Mục tiêu:**

Học sinh vận dụng được các kiến thức cơ bản về các hoạt động kinh tế vào lý giải các hiện tượng kinh tế đang diễn ra trong xã hội.

**b) Nội dung:**

Học sinh thảo luận nhóm, các nhóm cùng nghiên cứu 4 trường hợp sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:**

\* HS chỉ ra được

**Trường hợp 1:**

- Em không đồng tình với quan niệm mua sắm của cô N vì những sản phẩm giá thành rẻ thường có xuất xứ không rõ ràng, đươc sản xuất trôi nổi, không đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng, có thể ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe nên rất nguy hiểm.

- Với tư cách là người tiêu dùng, em sẽ lựa chọn hàng hóa có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo an toàn khi sử dụng, ưu tiên các sản phẩm thân thiện với môi trường.

**Trường hợp 2:**

- Hộ kinh doanh A đã thực hiện trách nhiệm cung cấp những vật dụng thân thiện với môi trường, đảm bảo sức khỏe cho người sử dụng. Ngoài ra, hộ kinh doanh này còn có đóng góp vào phát triển kinh tế địa phương.

- Theo em, hoạt động của Hộ kinh doanh A là khá phù hợp.

\* Giải thích: trong bối cảnh cả thế giới đang cắt giảm lượng rác thải nhựa và những ảnh hưởng không tốt của các đồ dùng nhựa đối với sức khỏe con người thì việc tìm kiếm, thay thế chúng bằng các sản phẩm thân thiện với môi trường như tre, nứa,... là rất cần thiết. Hộ kinh doanh A liên kết với nông dân trồng tre, nứa để thu mua nguyên liệu sẽ giúp giảm giá thành sản xuất, đảm bảo không bị thiếu hụt nguồn nguyên liệu.

**Trường hợp 3:**

- Là người tiêu dùng, em thấy cách xử lí của công ti B thể hiện trách nhiệm đối với người tiêu dùng, giữ được uy tín của công ty.

\* Giải thích: Nếu công ty B không thu hồi các sản phẩm bị lỗi thì sản phẩm đến tay người sử dụng sẽ không đảm bảo chất lượng, có thể dẫn đến những hậu quả khôn lường.

**Trường hợp 4:**Trong trường hợp trên, nhà nước có vai trò điều chỉnh và khắc phục những vấn đề nảy sinh trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm.

Các nhóm cùng nghiên cứu 4 trường hợp sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi trong từng trường hợp.

***Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm.

- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống.

- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp.

***Báo cáo kết quả và thảo luận***

Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời.

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tham gia vào các hoạt động kinh tế.

**Bài tập 3:** Em hãy xử lí tình huống sau

**a) Mục tiêu:**

Học sinh vận dụng được các kiến thức cơ bản về các hoạt động kinh tế vào lý giải các hiện tượng kinh tế đang diễn ra trong xã hội.

**b) Nội dung:**

GV cho học sinh làm việc cá nhân, đọc trường hợp sách giáo khoa và đưa ra quan điểm cá nhân về trường hợp sách giáo khoa đưa ra.

**c) Sản phẩm:**

HS chỉ ra được: Để bảo vệ quyền lợi của mình, khi mua sắm trực tuyến, chị H cần tìm hiểu kỹ về sản phẩm mình định mua (xuất xứ, chất liệu, kiểu dáng...), cũng như uy tín của người bán thông qua những mô tả và bình luận của những người đã mua. Nếu không biết được các thông tin đó, chị H nên mua sắm trực tiếp tại các cửa hàng***.***

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân.

Các cá nhân cùng nghiên cứu trường hợp sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi.

***Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- Học sinh cùng nhau làm việc theo cá nhân.

- Các cá nhân đọc tình huống, thảo luận và đưa ra quan điểm cá nhân mình.

- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp.

***Báo cáo kết quả và thảo luận***

Giáo viên mời từng một số học sinh trình bày ý kiến của mình, các học sinh khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời.

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tham gia vào các hoạt động kinh tế.

**4. Hoạt động: Vận dụng**

**Bài tập 1:** Em hãy viết bài viết chia sẻ suy nghĩ của bản thân về vai trò của người tiêu dùng, người sản xuất khi tham gia trong nền kinh tế.

**a) Mục tiêu:**

HS tự giác áp dụng những điều đã học về các chủ thể của nền kinh tế vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới.

**b) Nội dung:**

Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ và viết bài viết nói về vai trò của người tiêu dùng, người sản xuất khi tham gia trong nền kinh tế.

**c) Sản phẩm:**

HS xác định rõ được chủ thể mình tham gia là gì, những việc cần làm để thể hiện tốt vai trò đó.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ và viết bài viết nói về vai trò của người tiêu dùng, người sản xuất khi tham gia trong nền kinh tế.

***Thực hiện nhiệm vụ học tập***

Học sinh làm việc ở nhà, bài viết có thể dưới dạng là một câu chuyện, một kinh nghiệm sống hoặc cùng chia sẻ về một nội dung theo yêu cầu.

***Báo cáo kết quả và thảo luận***

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ bài viết của mình.

- Hoặc giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi.

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về vai trò, vị trí của từng chủ thể tham gia vào nền kinh tế.

**Bài tập 2:** Với tư cách là người tiêu dùng có trách nhiệm, em hãy thiết kế infographic thể hiện những điều cần lưu ý khi sử dụng sản phẩm, dịch vụ cho bản thân và gia đình.

**a) Mục tiêu:**

HS tăng cường ý thức và kĩ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo.

**b) Nội dung:**

Học sinh làm việc cá nhân, tìm hiểu để thiết kế một infographic để nói về hoạt động tiêu dùng của gia đình.

**c) Sản phẩm:**

HS xây dựng được ý tưởng, hoàn thành infographic theo các yêu cầu và tiêu chí giáo viên đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

Học sinh làm việc cá nhân, tìm hiểu để thiết kế một infographic để nói về hoạt động tiêu dùng của gia đình.

***Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- Học sinh làm việc cá nhân tại nhà.

- Lựa chọn ý tưởng, nghiên cứu hoàn thiện ý tưởng.

- Xây dựng infographic và hoàn thiện.

***Báo cáo kết quả và thảo luận***

Giáo viên bố trí thời gian không gian để các học sinh trình bày trưng bày infographic và thuyết trình về ý tưởng của mình.

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra cũng như việc thuyết trình của các học sinh, giáo viên đánh giá kết luận về việc thực hiện nhiệm vụ của mỗi học sinh, xếp loại cho mỗi infographic.

***TCT: 6 + 7***

***Ngày soạn:***

***Ngày dạy:***

***Lớp dạy:***

**BÀI 3**

**THỊ TRƯỜNG VÀ CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG**

Thời lượng: 3 tiết

**I. MỤC TIÊU**:

**a) Về kiến thức:** Nêu được khái niệm thị trường, liệt kê các loại thị trường, các chức năng cơ bản của thị trường.

**b) Về phẩm chất**

*Chăm chỉ:* Thường xuyên tìm hiểu tình hình thị trường ở địa phương từ đó có những điều chỉnh thích hợp để phù hợp với bản thân.

*Trách nhiệm:* Thể hiện ở việc học sinh có ý thức tôn trọng các chủ thể kinh tế khi tham gia vào thị trường, có thái độ và ứng xử phù hợp

Yêu nước, tin tưởng vào đường lối phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước.

**c. Về năng lực.**

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về thị trường.

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thảo luận nhóm, khảo sát và viết báo cáo khảo sát về thị trường.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến thị trường.

- Năng lực đặc thù:

+ Năng lực điều chỉnh hành vi: Có những hành vi đúng khi tham gia thị trường; phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm chuẩn mực đạo đức, pháp luật khi tham gia thị trường.

+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu, tham gia thị trường phù hợp với lứa tuổi.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.**

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;

- Tranh/ảnh, clip và các mẩu chuyện về thị trường;

- Đồ dùng đơn giản để sắm vai;

- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,...).

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**TIẾT 1:**

**1. Hoạt động: Mở đầu**

**a) Mục tiêu:**

Huy động những kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm của HS về những vấn đề có liên quan đến thị trường; tạo hứng thú, tâm thế học tập cho HS, dẫn vào bài mới.

**b) Nội dung:**

Học sinh làm việc cá nhân, cùng nhau Chia sẻ hiểu biết của mình về một số loại thị trường ở địa phương sinh sống.

**c) Sản phẩm:**

Chỉ ra được một số thị trường thường gặp như: Chợ, siêu thị…

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

Học sinh làm việc cá nhân, cùng nhau Chia sẻ hiểu biết của mình về một số loại thị trường ở địa phương sinh sống.

***Thực hiện nhiệm vụ học tập***

Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.

***Báo cáo kết quả và thảo luận***

- Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ suy nghĩ của mình về nội dung trên (2 – 3 HS).

- Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: *Khi tham gia vào thị trường một cá nhân có thể đóng những vai trò nào?*

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

*-* Giáo viên nhận xét bài trả lời của một số học sinh đã được yêu cầu trình bày.

- Giáo viên chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm.

Chúng ta vừa xem đóng vai cảnh mua bán trong cửa hàng bán đổ dùng học tập. Đó là một thị trường hàng tiêu dùng. Vậy thị trường là gì? Thị trường có những chức năng gì? Bài học hôm nay sẽ giúp các em trả lời những vấn đề đó.

**Gv nhấn mạnh:**

Thị trường là "cầu nối"giữa sản xuất với tiêu dùng. Việc sản xuất ra hàng hoá gì, cần có dịch vụ nào đều xuất phát từ nhu cầu thị trường. Bài học sẽ giúp các em tìm hiểu các loại thị trường và chức năng của thị trường giúp các chủ thể kinh tế đưa ra được những quyết định tối ưu khi tham gia vào các hoạt động kinh tế.

**2. Hoạt động: Khám phá**

**Nội dung 1: 1. Khái niệm thị trường**

**a) Mục tiêu:**

Học sinh hiểu được khái niệm thị trường

**b) Nội dung:**

Học sinh cùng làm việc nhóm, các nhóm cùng nhau đọc thông tin đưa ra trả lời câu hỏi sau

*- Hoạt động kinh tế nào diễn ra tại chợ trong trường hợp trên? Các yếu tố nào tham gia vào hoạt động kinh tế đó?*

*- Trong các hoạt động kinh tế kể trên, các chủ thể kinh tế tác động với nhau nhằm xác định điều gì? Các quan hệ kinh tế nào được xác lập?*

**c) Sản phẩm:**

\* HS chỉ ra được

- Hoạt động kinh tế diễn ra tại chợ là hoạt động mua bán các mặt hàng Tết.

- Các yếu tố tham gia vào hoạt động kinh tế đó là: người mua, người bán và hàng hóa.

- Trong các hoạt động kinh tế trên các chủ thể tác động với nhau nhằm xác định giá cả, số lượng hàng hóa.

- Các quan hệ kinh tế được xác lập là phân phối - trao đổi và tiêu dùng.

\* Nêu được khái niệm thị trường

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Học sinh cùng làm việc nhóm, các nhóm cùng nhau đọc thông tin đưa ra trả lời câu hỏi sau  *- Hoạt động kinh tế nào diễn ra tại chợ trong trường hợp trên? Các yếu tố nào tham gia vào hoạt động kinh tế đó?*  *- Trong các hoạt động kinh tế kể trên, các chủ thể kinh tế tác động với nhau nhằm xác định điều gì? Các quan hệ kinh tế nào được xác lập?*  ***Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận.  - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.  ***Báo cáo kết quả và thảo luận***  - Giáo viên gọi 2 nhóm cử học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu của nhóm mình.  - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.  - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: *Thị trường gắn liền với mối quan hệ giữa ai với ai, sự tác động qua họ nhằm mục đích gì?*  ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - Giáo viên nhận xét bài trả lời của các nhóm đã được yêu cầu trình bày và nhóm tiến hành nhận xét.  - Giáo viên chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm.  - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật vai trò của chủ thể sản xuất trong đời sống xã hội.  **Gv nhấn mạnh:**  *Theo nghĩa hẹp, thị trường là nơi diễn ra hoạt động trao đổi, mua bán hàng hoá.*  *Theo nghĩa rộng, thị trường là lĩnh vực trao đổi, mua bán mà ở đó các chủ thể kinh tế tác động qua lại lẫn nhau để xác định giá cả và số lượng hàng hoá, dịch vụ.*  *Thị trường là nơi các chủ thể kinh tế gặp nhau để xác định số lượng, giá cả hàng hoá, dịch vụ khi mua và bán, đáp ứng nhu cầu của mỗi bên.* | **1. Khái niệm thị trường**  Thị trường là lĩnh vực trao đổi, mua bán mà ở đó các chủ thể kinh tế tác động qua lại lẫn nhau để xác định giá cả và số lượng hàng hoá, dịch vụ. |

**TIẾT 2**

**Nội dung 2: 2. Các loại thị trường**

**a) Mục tiêu:**

Học sinh hiểu được các loại thị trường, cách phân chia các loại thị trường

**b) Nội dung:**

Học sinh làm việc theo nhóm, các nhóm cùng quan sát các hình ảnh giáo viên đưa ra đọc thông tin và trả lời câu hỏi để từ đó phân biệt được các loại thị trường, cách phân chia thị trường.

*- Xác định các loại thị trường và căn cứ xác định thị trường trong thông tin trên.*

*- Ngoài những loại thị trường trên, em hãy kể những loại thị trường khác mà em biết.*

**c) Sản phẩm:**

HS chỉ ra được

Các loại thị trường tương ứng với các bức tranh:

Tranh 1: Thị trường bất động sản

Tranh 2: Thị trường máy móc, thiết bị

Tranh 3: Thị trường chứng khoán

\* Các loại thị trường:

Căn cứ theo đối tượng hàng hóa, dịch vụ được trao đổi, mua bán: thị trường hoa quả, thị trường thực phẩm.

Căn cứ vào vai trò của các yếu tố được trao đổi, mua bán: thị trường tiêu dùng.

Căn cứ vào phạm vi hoạt động: thị trường trong nước và thị trường thế giới.

Căn cứ vào tính chất và cơ chế vận hành: thị trường cạnh tranh hoàn hảo.

\* Các loại thị trường khác mà em biết:

Thị trường nông sản

Thị trường may mặc

Thị trường vật liệu xây dựng

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Học sinh làm việc theo nhóm, các nhóm cùng quan sát các hình ảnh giáo viên đưa ra đọc thông tin và trả lời câu hỏi để từ đó phân biệt được các loại thị trường, cách phân chia thị trường.  - Xác định các loại thị trường và căn cứ xác định thị trường trong thông tin trên.  - Ngoài những loại thị trường trên, em hãy kể những loại thị trường khác mà em biết.  ***Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - Học sinh cùng nhau quan sát hình ảnh, đọc thông tin.  - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và thảo luận câu hỏi giáo viên đặt ra.  ***Báo cáo kết quả và thảo luận***  - Giáo viên gọi 2 nhóm cử học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu của nhóm mình.  - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.  - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: *Dựa vào các tiêu chí nào để phân chia các loại thị trường.*  ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - Giáo viên nhận xét bài trả lời của các nhóm đã được yêu cầu trình bày và nhóm tiến hành nhận xét.  - Giáo viên chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm.  **Gv nhấn mạnh:**  *Việc phân chia các loại thị trường có vai trò quan trọng đối với người sản xuất và tiêu dùng, nó góp phần đinh hướng cho mỗi chủ thể trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng* | **2. Các loại thị trường**  + Căn cứ theo đối tượng hàng hoá, dịch vụ được trao đổi, mua bán: thị trường hàng hoá (thị trường gạo, thị trường sắt thép,...), thị trường dịch vụ (thị trường chăm sóc sắc đẹp, thị trường chứng khoán,...) gắn với các loại hàng hoá, dịch vụ khác nhau.    + Căn cứ vào vai trò của các yếu tố được trao đồi, mua bán: thị trường tư liệu tiêu dùng; thị trường tư liệu sản xuất.  + Căn cứ vào phạm vi hoạt động: thị trường trong nước và thị trường thế giới.  + Căn cứ vào vào tính chất và cơ chế vận hành: thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường cạnh tranh không hoàn hảo (độc quyền). |

**Nội dung 3: 3. Các chức năng của thị trường**

**a) Mục tiêu:**

Học sinh hiểu được các chức năng cơ bản của thị trường.

**b) Nội dung:**

Học sinh làm việc theo nhóm (4 nhóm), các nhóm cùng nhau nghiên cứu các nhiệm vụ đặt ra và trả lời câu hỏi.

*Nhóm 1,2: Thông tin 1*

*Nhóm 3,4: Thông tin 2*

**c) Sản phẩm:**

Học sinh chỉ ra được

Trường hợp 1:

- Thị trường đã cung cấp cho công ty A các thông tin: nhu cầu về sản phẩm dầu gội có nguồn gốc tự nhiên, hiện dòng sản phẩm này chưa được bán trên thị trường. Những thông tin này giúp công ti A nghiên cứu, mở rộng sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có nguồn gốc tự nhiên.

- Sản phẩm mới của công ty đã được người tiêu dùng đón nhận và đánh giá cao vì hiện sản phẩm của công ti A đang được bán độc quyền trên thị trường.\

Trường hợp 2:

Dựa vào thông tin thị trường là giá cà phê tăng, người trồng cà phê đã có quyết định mở rộng sản xuất, tăng diện tích đất canh tác và đầu tư vốn lớn vào chăm sóc cà phê vụ mới.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Học sinh làm việc theo nhóm (4 nhóm), các nhóm cùng nhau nghiên cứu các nhiệm vụ đặt ra và trả lời câu hỏi.  *Nhóm 1,2: Thông tin 1*  *Nhóm 3,4: Thông tin 2*  ***Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - Học sinh cùng các thành viên trong nhóm, đọc và trao đổi về tình huống của nhóm mình.  - Viết kết quả chung của nhóm mình để báo cáo.  ***Báo cáo kết quả và thảo luận***  - Giáo viên điều hành hoạt động thảo luận của các nhóm.  + Gọi 2 nhóm trình bày kết quả chuẩn bị của mình.  + Các nhóm còn lại sẽ nhận xét và góp ý.  Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung cho các nhóm.  *Các chức năng cơ bản của thị trường được thực hiện như thế nào trong quá trình sản xuất kinh doanh?*  ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - Giáo viên nhận xét bài trả lời của từng nhóm.  - Giáo viên chốt kiến thức làm rõ từng hoạt động mà học sinh đã tìm được.  **Gv nhấn mạnh:**  *Các chức năng cơ bản của thị trường có vai trò quan trọng đối với người sản xuất, kinh doanh. Việc vận dụng tốt các chức năng này sẽ góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.* | **3. Các chức năng cơ bản của thị trường**  *- Chức năng thừa nhận:* Thị trường thừa nhận công dụng xã hội của hàng hoá và lao động đã hao phí để sản xuất ra nó, thông qua việc hàng hoá có bán được hay không và bán với giá như thế nào.  *- Chức năng thông tin:* Thị trường cung cấp thông tin cho người sản xuất và người tiêu dùng thông qua những biến động của nhu cầu xã hội về số lượng, chất lượng, chủng loại, cơ cấu các loại hàng hoá, giá cả, tình hình cung - cầu về các loại hàng hoá,...  *- Chức năng điều tiết, kích thích:* Trên cơ sở những thông tin thu được từ thị trường, người sản xuất và người tiêu dùng sẽ có những ứng xử, điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với sự biến đổi của thị trường, nhờ đó sản xuất và tiêu dùng được kích thích hoặc hạn chế. |

**TIẾT 3**

**3. Hoạt động: Luyện tập**

**Bài tập 1:** Em hãy phân biệt thị trường hàng hóa và thị trường dịch vụ. Cho ví dụ.

**a) Mục tiêu:**

HS củng cố những kiến thức vừa khám phá qua việc bày tỏ ý kiến, nhận xét hành vi, xử lí tình huống,... về những vấn đề liên quan tới thị trường.

**b) Nội dung:**

Học sinh làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, để chỉ ra sự khác nhau giữa thị trường hàng hóa và thị trường dịch vụ.

**c) Sản phẩm:**

HS chỉ ra được

* Thị trường hàng hóa: các sản phẩm được mua bán, trao đổi trên thị trường là những vật dụng cụ thể, hữu hình, có giá giá trị sử dụng nhất định. Ví dụ: thị trường hoa quả, thị trường dệt may, thị trường thủy sản,...
* Thị trường dịch vụ: các sản phẩm trên thị trường là những sản phẩm phục vụ đời sống tinh thần, phục vụ nhu cầu về sức khỏe, tiện nghi trong cuộc sống của con người. Ví dụ: thị trường chăm sóc sắc đẹp, thị trường du lịch,...

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân.

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về 2 loại thị trường cụ thể.

***Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân.

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời.

***Báo cáo kết quả và thảo luận***

Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung.

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tham gia vào thị trường.

**Bài tập 2:** Hãy thảo luận cùng các bạn và cho biết em đồng ý hay không đồng ý với ý kiến nào dưới đây? Giải thích vì sao.

**a) Mục tiêu:**

Học sinh vận dụng được các kiến thức cơ bản về thị trường vào lý giải các hiện tượng kinh tế đang diễn ra trong xã hội.

**b) Nội dung:**

Học sinh thảo luận nhóm, các nhóm cùng nghiên cứu 4 trường hợp sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:**

\* HS chỉ ra được

Em đồng ý với các ý kiến c, d.

\* Giải thích:

- Các nhân tố cơ bản của thị trường bao gồm người sản xuất, người tiêu dùng, tiền tệ và hàng hóa.

- Các giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ diễn ra gắn với một không gian, thời gian cụ thể thì mới có thể xác định được giá cả, số lượng,...

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm.

Các nhóm cùng nghiên cứu 4 trường hợp sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi trong từng trường hợp.

***Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm.

- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống.

- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp.

***Báo cáo kết quả và thảo luận***

Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tham gia vào các hoạt động kinh tế cho phù hợp với quy luật của thị trường.

**Bài tập 3:** Em hãy xử lí các tình huống sau:

**a) Mục tiêu:**

Học sinh vận dụng được các kiến thức cơ bản về thị trường vào lý giải các hiện tượng kinh tế đang diễn ra trong xã hội

**b) Nội dung:**

GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm nội dung các tình huống, đưa ra cách xử lí. GV cũng có thể tổ chức cho HS sắm vai thể hiện nội dung tình huống và đưa ra giải pháp xử lí tình huống. Sau khi HS phát biểu ý kiến hoặc một đến hai nhóm thể hiện kịch bản của nhóm mình, GV mời các nhóm khác nhận xét, sau đó kết luận

**c) Sản phẩm:**

HS chỉ ra được

**Trường hợp 1:**

- Việc làm của anh B là một hành động gian lận trong buôn bán, gây ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi và sức khỏe của người tiêu dùng.

- Việc làm này sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực đến thương hiệu Gạo thơm A:

* Người tiêu dùng sẽ có những đánh giá không tốt về thương hiệu này và chuyển sang mua loại gạo khác.
* Nếu hành động của anh B bị phát hiện thì Gạo thơm A sẽ mất thương hiệu trên thị trường.

**Trường hợp 2:**

- Việc làm của người dân địa phương nắm bắt xu thế tiêu dùng của thị trường. Do nhu cầu maccadamia của thị trường đang lên cao và giá thành tốt, ngược lại, giá cà phê lại xuống thấp nên người dân đã chuyển đổi loại cây trồng.

- Việc làm này có thể làm thị trường cà phê bị thiếu hụt nguồn cung do người dân chuyển đổi một cách ồ ạt, không có lộ trình phù hợp.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm.

Các nhóm cùng nghiên cứu 2 trường hợp sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi trong từng trường hợp.

***Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm.

- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống.

- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp.

***Báo cáo kết quả và thảo luận***

Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời.

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tham gia vào các hoạt động kinh tế cho phù hợp với quy luật của thị trường.

**Bài tập 4:** Em hãy xử lí các tình huống sau

**a) Mục tiêu:**

Học sinh vận dụng được các kiến thức cơ bản về thị trường vào lý giải các hiện tượng kinh tế đang diễn ra trong xã hội.

**b) Nội dung:**

GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm nội dung các tình huống, đưa ra cách xử lí.

**c) Sản phẩm:**

HS chỉ ra được:

- Câu trả lời của ông H thể hiện chức năng cung cấp thông tin cho các chủ thể kinh tế; điều tiết, kích thích hoặc hạn chế sản xuất và tiêu dùng.

- Để đạt được hiệu quả kinh tế, người trồng dừa vận dụng chức năng của thị trường:

* Người dân nhận thấy thông tin từ thị trường là giá dừa lên cao đã đổ xô trồng dừa.
* Ông T trong tình huống còn tính mua thêm đất để trồng.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm.

Các nhóm cùng nghiên cứu 1 trường hợp sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi trong từng trường hợp.

***Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm.

- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống.

- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp.

***Báo cáo kết quả và thảo luận***

Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời.

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tham gia vào thị trường cụ thể.

**4. Hoạt động: Vận dụng**

**Bài tập 1:** Em hãy vẽ sơ đồ tư duy về chức năng của thị trường.

**a) Mục tiêu:**

HS tự giác áp dụng những điều đã học về các chức năng của thị trường vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới.

**b) Nội dung:**

Học sinh làm việc theo nhóm tại nhà, suy nghĩ và hoàn thành sơ đồ tư duy về các chức năng cơ bản của thị trường.

**c) Sản phẩm:**

Sơ đồ tư duy về các chức năng cơ bản của thị trường.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

Học sinh làm việc theo nhóm tại nhà, suy nghĩ và hoàn thành sơ đồ tư duy về các chức năng cơ bản của thị trường.

***Thực hiện nhiệm vụ học tập***

Học sinh làm việc ở nhà, lên ý tưởng, sử dụng các công cụ để hoàn thành sơ đồ tư duy về các chức năng cơ bản của thị trường.

***Báo cáo kết quả và thảo luận***

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ bài viết của mình.

- Hoặc giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi.

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về các chức năng cơ bản của thị trường.

**Bài tập 2:** Em hãy tìm hiểu và viết bài nhận xét về một loại thị trường hàng hóa ở địa phương theo gợi ý: giá cả, chất lượng, mẫu mã, địa điểm mua bán,...

**a) Mục tiêu***:*

HS tăng cường ý thức và kĩ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo.

**b) Nội dung**:

Học sinh cùng trao đổi và thảo luận trong nhóm để hoàn thành bài tập ở nhà.

**c) Sản phẩm:**

HS xây dựng báo cáo hoàn chỉnh về kết quả khảo sát thị trường.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

Khảo sát một loại thị trường có ờ địa phương em và chia sẻ nhận xét về thị trường đó theo gợi ý sau:

* Đối tượng khảo sát: cửa hàng văn phòng phẩm/đồ dùng học tập/đồ ăn/vật liệu xây dựng,...
* Nội dung khảo sát:

+ Giá cả, chất lượng, mẫu mã,...

+ Thái độ, cách bán hàng.

* Phương pháp khảo sát: quan sát, phỏng vấn, điều tra,...

***Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm, phân công công việc và tổ chức thực hiện.

- Lựa chọn ý tưởng, nghiên cứu hoàn thiện ý tưởng.

- Viết bài báo cáo về kết quả thực hiện.

***Báo cáo kết quả và thảo luận***

Giáo viên bố trí thời gian để học sinh có thể báo cáo trước lớp, các nhóm khác cùng bổ sung hoàn thiện

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra cũng như việc thuyết trình của các nhóm, giáo viên đánh giá kết luận về việc thực hiện nhiệm vụ của mỗi nhóm, xếp loại cho mỗi báo cáo.

***TCT:***

***Ngày soạn: 8 + 9 + 10***

***Ngày dạy:***

***Lớp dạy:***

**BÀI 4**

**CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG**

Thời lượng: 3 tiết

**I. MỤC TIÊU**:

**a) Về kiến thức:**

Nêu được khái niệm cơ chế thị trường, ưu, nhược điểm của cơ chế thị trường.

**b. Về năng lực.**

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về cơ chế thị trường.

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thảo luận nhóm, khảo sát và viết báo cáo khảo sát về tình hình giá cả một loại hàng hoá trên thị trường ở địa phương.

+ Giải quyết vấn đê' và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến cơ chế thị trường.

- Năng lực đặc thù:

*Năng lực điều chỉnh hành vi:* Học sinh có thái độ, hành vi, việc làm phù hợp khi tham gia vào các quan hệ thị trường, chủ động thích ứng với những yêu cầu, đòi hỏi của cơ chế thị trường.

*Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội:* Có nhận thức đúng đắn về cơ chế thị trường, tích cực, chủ động, tham gia một cách có hiệu quả vào thị trường.

**c) Về phẩm chất**

*Chăm chỉ:*  Thường xuyên tìm hiểu, nắm bắt các diễn biến của thị trường để có những cách ứng xử, hành vi viêu dùng hợp lý

*Trách nhiệm:* Tôn trọng tác động khách quen của cơ chế thị trường, phê phán những hành vi không đúng khi tham gia vào thị trường

*Yêu nước,* tin tưởng vào đường lỗi phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.**

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;

- Máy tính, máy chiếu, bài giảng PowerPoint;

- Kế hoạch dạy học, tranh ảnh, clip,... về cơ chế thị trường;

- Báo cáo khảo sát thị trường của HS.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**TIẾT 1:**

**1. Hoạt động: mở đầu**

**a) Mục tiêu:**

Kết nối kiến thức, kĩ năng từ bài học trước với bài học mới; tạo hứng thú, tâm thế học tập cho HS để dẫn vào bài mới.

**b) Nội dung:**

Học sinh làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ và Chia sẻ hiểu biết của em về nội dung các câu dưới đây:

*- Chớ bán gà ngày gió, chớ bán chó ngày mưa.*

*- Trăm người bán, vạn người mua.*

**c) Sản phẩm:**

Từ việc giải thích các câu nói trên để chỉ ra được mối quan hệ qua lại giữa các nhân tố của thị trường như là: *hàng hóa, tiền tệ, người mua, người bán.*

*Chớ bán gà ngày gió, chớ bán chó ngày mưa*

=> *Giải thích*: bán gà, bán chó vào những ngày đó không được giá vì mưa rét nên lông của chúng xù lên trông xấu mã.

*Trăm người bán, vạn người mua*

=> *Giải thích*: Người bán đông thì kẻ mua cũng nhiều. Sự sòng phẳng trong trao đổi, mua bán trên thị trường.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập:***

Học sinh làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ và Chia sẻ hiểu biết của em về nội dung các câu dưới đây:

*- Chớ bán gà ngày gió, chớ bán chó ngày mưa.*

*- Trăm người bán, vạn người mua.*

***Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- Học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi

- Học sinh làm việc cá nhân: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.

- Trong quá trình hs làm việc, giáo viên theo dõi, phát hiện các hs chưa tìm được câu trả lời để kịp thời hỗ trợ học sinh tìm được các hoạt động của nền kinh tế.

***Báo cáo kết quả và thảo luận***

- Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ suy nghĩ của mình về nội dung trên (2 – 3 HS)

- Gọi một số học sinh nhận xét kết quả.

- Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: *Khi tham gia vào thị trường các chủ thể kinh tế cần quan tâm đến những yếu tố nào? Vì sao?*

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

*-* Giáo viên nhận xét bài trả lời của một số học sinh đã được yêu cầu trình bày

- Giáo viên chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật vai trò của các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội

**Gv nhấn mạnh:**

Tác động của nhu cầu người tiêu dùng, của việc cung ứng hàng hoá trên thị trường,... dẫn tới sự biến động của giá cả hàng hoá. Nhìn bề ngoài, dường như các chủ thể tham gia thị trường hoàn toàn tự do hoạt động theo ý muốn của mình, song thực tế không phải như vậy. Hoạt động của họ chịu sự chi phối vô hình của các quy luật kinh tế trong cơ chế thị trường. Vậy cơ chế thị trường là gì? Bài học này sẽ làm rõ bản chất, ưu - nhược điểm của cơ chế thị trường, giá cả thị trường để có những ứng xử đúng đắn khi tham gia thị trường.

**2. Hoạt động: Khám phá**

**Nội dung 1: Tìm hiểu khái niệm cơ chế thị trường**

**a) Mục tiêu:**

Học sinh hiểu được khái niệm thị trường

**b) Nội dung:**

Học sinh cùng làm cá nhân, đọc thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi sau

*- Xác định các mối quan hệ tác động qua lại giữa các chủ thể kinh tế trong trường hợp trên.*

*- Nêu các yếu tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn của các chủ thể kinh tế.*

*- Cho biết, sự lựa chọn của các chủ thể kinh tế sẽ làm thay đổi yếu tố nào của thị trường.*

*- Em hiểu thế nào là cơ chế thị trường?*

**c) Sản phẩm:**

- HS chỉ ra được một số nội dung liên quan đến thông tin sách giáo khoa đưa ra

- Các chủ thể kinh tế trong trường hợp trên có sự tác động qua lại mang tính tự điều chỉnh theo yêu cầu của các quy luật kinh tế như quy luật cung - cầu, quy luật giá cả.

- Các yếu tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn của các chủ thế kinh tế:

Nhu cầu tiêu thụ sản phẩm của thị trường.

Sự biến động của giá cả thị trường.

Chi phí chăn nuôi, sản xuất.

*­*- HS nêu được khái niệm cơ chế thị trường là gì

***d) Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV cho học sinh làm việc cá nhân  Học sinh cùng làm cá nhân, đọc thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi sau  *- Xác định các mối quan hệ tác động qua lại giữa các chủ thể kinh tế trong trường hợp trên.*  *- Nêu các yếu tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn của các chủ thể kinh tế.*  *- Cho biết, sự lựa chọn của các chủ thể kinh tế sẽ làm thay đổi yếu tố nào của thị trường.*  *- Em hiểu thế nào là cơ chế thị trường?*  ***Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận.  - Học sinh làm việc cá nhân: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.  ***Báo cáo kết quả và thảo luận***  - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra.  - Các học sinh còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.  - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: *Cơ chế thị trường điều chỉnh các chủ thể kinh tế như thế nào?*  ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét.  - Giáo viên chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm.  Gv nhấn mạnh:  *Cơ chế thị trường là hệ thống các quan hệ kinh tế mang tính tự điều chỉnh tuân theo yêu cầu của các quy luật kinh tế như quy luật cạnh tranh, cung cầu, giá cả, lợi nhuận,... chi phối hoạt động của các chủ thể kinh tế, đóng vai trò như bàn tay vô hình điều tiết nền kinh tế.* | **1. Khái niệm cơ chế thị trường**  Cơ chế thị trường là hệ thống các quan hệ mang tính tự điều chỉnh tuân theo yêu cầu của các quy luật kinh tế như quy luật cạnh tranh, cung - cầu, giá cả,... chi phối hoạt động của các chủ thể kinh tế. |

**TIẾT 2**

**Nội dung 2:** Tìm hiểu nội dung 2. **2. Ưu điểm của cơ chế thị trường**

**a) Mục tiêu:**

Học sinh hiểu được ưu điểm của cơ chế thị trường.

**b) Nội dung:**

Học sinh cùng làm việc theo nhóm, đọc thông tin trường hợp 1 và 2 trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi sau.

**Trường hợp 1:**

- Xác định những tác động từ cơ chế thị trường đến Doanh nghiệp T.

- Nếu các biện pháp mà Doanh nghiệp T đã thực hiện dưới sự tác động của cơ chế thị trường. Các biện pháp đó mang lại những hiệu quả gì cho Doanh nghiệp T?

**Trường hợp 2:**

Cho biết điều gì đã giúp cho Công ti bánh kẹo C ngày càng phát triển. Chia sẻ hiểu biết của em về ưu điểm của cơ chế thị trường.

**c) Sản phẩm:**

- HS chỉ ra được những nội dung liên quan đến trường hợp 1 và 2 sách giáo khoa đưa ra.

**Trường hợp 1:**

- Những tác động từ cơ chế thị trường đến Doanh nghiệp T:

Kích thích họa động và tạo động lực sáng tạo cho các chủ thế kinh tế.

Thúc đẩy các doanh nghiệp cải tiến, phát minh và ứng dụng thành tựu của khoa học - công nghệ, đổi mới tổ chức sản xuất và quản lí kinh doanh

Phát huy tiềm năng của mọi chủ thể, thúc đẩy liên kết kinh tế trong nước và hội nhập quốc tế.

- Các biện pháp mà Doanh nghiệp T đã thực hiện dưới sự tác động của cơ chế thị trường:

Chú trọng đầu tư công nghệ sản xuất nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm

Đầu tư dây chuyền kĩ thuật xử lí trứng gà bằng ozon và tia cực tím, tạo ra sản phẩm trứng gà tươi.

=> Hiệu quả: giúp doanh nghiệp T đạt doanh thu cao ở thị trường trong nước, kí kết được nhiều đơn hàng xuất khẩu sang nước ngoài, khẳng định được vị thế của mình trên thị trường.

**Trường hợp 2:**

- Điều giúp Công ti bánh kẹo C ngày càng phát triển là sự đổi mới trong dây chuyền sản xuất, tạo ra những sản phẩm với hương vị riêng.

- Học sinh rút ra được những ưu điểm của cơ chế thị trường

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Học sinh cùng làm việc theo nhóm, đọc thông tin trường hợp 1 và 2 trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi sau  *Trường hợp 1:*  - Xác định những tác động từ cơ chế thị trường đến Doanh nghiệp T.  - Nếu các biện pháp mà Doanh nghiệp T đã thực hiện dưới sự tác động của cơ chế thị trường. Các biện pháp đó mang lại những hiệu quả gì cho Doanh nghiệp T?  *Trường hợp 2:*  - Cho biết điều gì đã giúp cho Công ti bánh kẹo C ngày càng phát triển. Chia sẻ hiểu biết của em về ưu điểm của cơ chế thị trường.  ***Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận.  - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.  ***Báo cáo kết quả và thảo luận***  - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra.  - Các học sinh còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.  - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: *Cơ chế thị trường có những ưu điểm, mặt tích cực nào cần chú ý.*  ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét  - Giáo viên chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm  **Gv nhấn mạnh:**  Cơ chế thị trường thông qua các quy luật cơ bản góp phần kích thích tính năng động, sáng tạo của các chủ thể kinh tế, thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất và tăng trưởng kinh tế. | **2. Ưu điểm của cơ chế thị trường**  + Kích thích hoạt động và tạo động lực sáng tạo cho các chủ thể kinh tế;  + Thúc đẩy các doanh nghiệp cải tiến, phát minh và ứng dụng thành tựu của khoa học - còng nghệ, đổi mới tổ chức sản xuất và quản lí kinh doanh;  + Thực hiện phân phối các nguồn lực kinh tế một cách tối ưu;  + Phát huy tối đa tiềm năng của mọi chủ thể, vùng miền, thúc đẩy liên kết kinh tế trong nước và hội nhập quốc tế. |

**Nội dung 3: 3. Nhược điểm của cơ chế thị trường**

**a) Mục tiêu:**

Học sinh hiểu được nhược điểm của cơ chế thị trường

**b) Nội dung:**

Học sinh làm việc theo nhóm, các nhóm cùng nhau đọc thông tin trong sách giáo khoa và trả được câu hỏi từ đó rút ra được những ngược điểm của cơ chế thị trường.

1/ Hãy nêu những nhược điểm của cơ chế thị trường ở thông tin trên.

2/ Theo em, ngoài những nhược điểm trên, cơ chế thị trường còn có những nhược điểm nào khác?

**c) Sản phẩm:**

- HS trả lời được câu hỏi trong sách giáo khoa

+ Nhược điểm của cơ chế thị trường:

Trường hợp 1: Gây ô nhiễm môi trường.

Trường hợp 2: Hiện tượng cạnh tranh không lành mạnh.

+ Các nhược điểm khác của cơ chế thị trường mà em biết:

Phân bổ nguồn lực dẫn tới bất bình đẳng trong xã hội.

Hiện tượng “cá lớn nuốt cá bé", thâu tóm quyền lực.

Chạy theo lợi nhuận, các doanh nghiệp đầu tư mở rộng sản xuất liên tục, dẫn đến mất cân bằng cung cầu.

- Học sinh rút ra được những nhược điểm của cơ chế thị trường.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Học sinh làm việc theo nhóm, các nhóm cùng nhau đọc thông tin trong sách giáo khoa và trả được câu hỏi từ đó rút ra được những ngược điểm của cơ chế thị trường.  1/ Hãy nêu những nhược điểm của cơ chế thị trường ở thông tin trên.  2/ Theo em, ngoài những nhược điểm trên, cơ chế thị trường còn có những nhược điểm nào khác?  ***Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - Học sinh cùng nhau đọc thông tin.  - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và thảo luận câu hỏi giáo viên đặt ra.  ***Báo cáo kết quả và thảo luận***  - Giáo viên gọi 2 nhóm cử học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu của nhóm mình.  - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.  - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: *Cơ chế thị trường cũng đem lại những nhược điểm nào mà chủ thể sản xuất kinh doanh cần nắm vững?*  ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - Giáo viên nhận xét bài trả lời của các nhóm đã được yêu cầu trình bày và nhóm tiến hành nhận xét.  - Giáo viên chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm.  **Gv nhấn mạnh:**  Cơ chế thị trường tự nó cũng nảy sinh một số hạn chế, điều đó đòi hỏi Nhà nước cần tăng cường quản lí vĩ mô nền kinh tế để khắc phục, hạn chế nhược điểm của cơ chế thị trường. | **3. Nhược điểm của cơ chế thị trường**  + Có thể dẫn tới suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường và các hiện tượng cạnh tranh không lành mạnh.  + Sự vận động của cơ chế thị trường cũng tiểm ẩn nguy cơ khủng hoảng, có thể dẫn đến lạm phát.  + Sự phân hoá giàu - nghèo giữa những người sản xuất, kinh doanh. |

**3. Hoạt động: Luyện tập**

**Bài tập 1:** Trao đổi cùng các bạn và cho biết em đồng tình hay không đồng tình với các ý kiến sau. Giải thích vì sao.

**a) Mục tiêu:**

HS củng cố những kiến thức vừa khám phá qua việc bày tỏ ý kiến, nhận xét hành vi, xử lí tình huống,... về những vấn đề liên quan tới cơ chế thị trường

**b) Nội dung:**

Học sinh làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể

**c) Sản phẩm:**

\* HS chỉ ra được

Em đồng tình với các ý kiến a, c.

\* *Giải thích*:

- Cơ chế thị trường không chỉ đảm bảo cho người sản xuất, kinh doanh tự cho lựa chọn và quyết đình việc sản xuất, kinh doanh của mình mà còn kích thích hoạt động và tạo động lực sáng tạo cho các chủ thể kinh tế; thúc đẩy các doanh nghiệp cải tiến, phát minh và ứng dụng thành tựu của khoa học – công nghệ, đổi mới tổ chức sản xuất và quản lí kinh doanh; Phát huy và phân phối các nguồn lực kinh tế một cách tối ưu; Phát huy tối đa tiềm năng của mọi chủ thể, vùng miền, thúc đẩy liên kết kinh tế trong nước và hội nhập quốc tế. lông tông tạo.

- Điều kiện sản xuất của các chủ thể kinh tế không giống nhau và quy luật giá trị tác động khác nhau dẫn đến sự phân hóa giàu-nghèo.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể

***Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

***Báo cáo kết quả và thảo luận***

Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi vận dụng cơ chế thị trường

**Bài tập 2:** Em hãy xác định ưu điểm, nhược điểm của cơ chế thị trường thông qua việc làm của chủ thể kinh tế trong các trường hợp dưới đây.

**a) Mục tiêu:**

Học sinh vận dụng được các kiến thức cơ bản về cơ chế thị trường vào lý giải các hiện tượng kinh tế đang diễn ra trong xã hội

**b) Nội dung|:**

Học sinh thảo luận nhóm, các nhóm cùng nghiên cứu 2 trường hợp sách giáo khoa và xác định được ưu nhược điểm của cơ chế thị trường thể hiện qua từng trường hợp

**c) Sản phẩm:**

HS chỉ ra được

**Trường hợp 1:**

 - Ưu điểm: Cơ chế thị trường đã tạo động lực, kích thích Công ty vận tải đầu tư thêm xe tải, nâng cấp cơ sở vật chất nhằm đảm bảo điều kiện tốt để vận chuyển hàng hóa, phát triển thêm dịch vụ theo nhu cầu của khách hàng.

 - Nhược điểm: Có thể xuất hiện những hiện tượng cạnh tranh không lành mạnh, tiềm ẩn nguy cơ khủng hoảng.

**Trường hợp 2:**

 - Ưu điểm: Tăng lợi nhuận cho cửa hàng.

 - Nhược điểm: tích trữ, găm hàng để bán được giá cao làm gián đoạn thị trường, có thể dẫn đến lạm phát, phản tác dụng, tiềm ẩn nguy cơ khủng hoảng.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

Học sinh thảo luận nhóm, các nhóm cùng nghiên cứu 2 trường hợp sách giáo khoa và xác định được ưu nhược điểm của cơ chế thị trường thể hiện qua từng trường hợp

**Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm

- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống

- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

**Báo cáo kết quả và thảo luận**

- Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời

**Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

*-* Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi khi vận dụng cơ chế thị trường

**Bài tập 3:** Em có nhận xét gì về việc làm của các chủ thể kinh tế trong các trường hợp sau?

**a) Mục tiêu:**

Học sinh vận dụng được các kiến thức cơ bản về cơ chế thị trường vào lý giải các hiện tượng kinh tế đang diễn ra trong xã hội

**b) Nội dung:**

GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm nội dung các tình huống, đưa ra cách xử lí.

**c) Sản phẩm:**

HS chỉ ra được

*a. Tận dụng lợi thế để mở rộng sản xuất kinh doanh.*

=> Các hộ kinh doanh ở Đà Lạt đã tận dụng tốt lợi thế vùng miền, nắm bắt xu hướng du lịch hiện nay để tiến hành hoạt động kinh doanh mang lại hiệu quả kinh tế cao.

*b. Cạnh tranh không lành mạnh.*

=> Cửa hàng bánh kẹo T đã thực hiện một việc làm vi phạm đạo đức kinh doanh, đồng thời vi phạm pháp luật, ảnh hưởng trực tiếp đến thương hiệu nổi tiếng kia và gây nguy hiểm cho sức khỏe người tiêu dùng.

*c. Phát huy tiềm lực.*

=> Hợp tác xã B đã phát huy tiềm lực vùng miền, đầu tư cải tiến máy móc để phát triển những dòng sản phẩm mới tiềm năng.

*d. Cạnh tranh không lành mạnh.*

=> Doanh nghiệp H đang cạnh tranh không lành mạnh với Doanh nghiệp T. Đây là một hành động cần phải ngăn chặn và có những biện pháp xử lí triệt để.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm.

Các nhóm cùng nghiên cứu 4 trường hợp sách giáo khoa đưa ra và đưa ra nhận xét cho từng trường hợp.

***Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm.

- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống.

- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp.

***Báo cáo kết quả và thảo luận***

Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời.

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tham gia vào các hoạt động kinh tế dựa trên cơ chế thị trường.

**4. Hoạt động: Vận dụng**

**Bài tập 1:** Em hãy thiết kế sơ đồ tư duy tóm tắt nội dung về ưu điểm và nhược điểm của cơ chế thị trường.

**a) Mục tiêu:**

HS tự giác áp dụng những điều đã học về cơ chế thị trường vào thực tiễn từ đó đưa ra những nhận định đánh giá của bản thân.

**b) Nội dung:**

Học sinh làm việc cá nhân tại nhà, suy nghĩ và hoàn thành sơ đồ tư duy thể hiện ưu điểm và nhược điểm của cơ chế thị trường.

**c) Sản phẩm:**

Sơ đồ tư duy thể hiện ưu điểm và nhược điểm của cơ chế thị trường.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

GV hướng dẫn HS tìm hiểu và vẽ được sơ đồ tư duy thể hiện ưu điểm và nhược điểm của cơ chế thị trường.

***Thực hiện nhiệm vụ học tập***

Học sinh làm việc ở nhà, khuyến khích các ý tưởng sáng tạo.

***Báo cáo kết quả và thảo luận***

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ bài viết của mình.

- Hoặc giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi.

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về cơ chế thị trường.

**Bài tập 2:** Em hãy sưu tầm hình ảnh và viết bài nhận xét về các hành vi không đúng của các chủ thể kinh tế khi tham gia thị trường.

**a) Mục tiêu:**

HS tăng cường ý thức và kĩ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo.

**b) Nội dung:**

Học sinh cùng trao đổi và thảo luận trong nhóm để hoàn thành bài tập ở nhà là bài viết viết bài nhận xét về các hành vi không đúng của các chủ thể kinh tế khi tham gia thị trường.

**c) Sản phẩm:**

HS viết bài thể hiện quan điểm của cá nhân trước một số hành vi không đúng khi tham gia vào thị trường.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

Học sinh cùng trao đổi và thảo luận trong nhóm để hoàn thành bài tập ở nhà là bài viết viết bài nhận xét về các hành vi không đúng của các chủ thể kinh tế khi tham gia thị trường.

***Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm, phân công công việc và tổ chức thực hiện.

- Lựa chọn ý tưởng, nghiên cứu hoàn thiện ý tưởng.

- Viết bài báo cáo về kết quả thực hiện.

***Báo cáo kết quả và thảo luận***

Giáo viên bố trí thời gian để học sinh có thể báo cáo trước lớp, các nhóm khác cùng bổ sung hoàn thiện.

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra cũng như việc thuyết trình của các nhóm, giáo viên đánh giá kết luận về việc thực hiện nhiệm vụ của mỗi nhóm, xếp loại cho mỗi báo cáo.

***TCT: 11 + 12***

***Ngày soạn:***

***Ngày dạy:***

***Lớp dạy:***

**BÀI 5**

**GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG VÀ CHỨC NĂNG CỦA GIÁ CẢ**

**THỊ TRƯỜNG**

Thời lượng: 2 tiết

**I. MỤC TIÊU**:

**a) Về kiến thức:**

Khái niệm giá cả thị trường, các chức năng cơ bản của giá cả thị trường

**b) Về năng lực:**

+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về cơ chế thị trường.

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thảo luận nhóm, khảo sát và viết báo cáo khảo sát về tình hình giá cả một loại hàng hoá trên thị trường ở địa phương.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến cơ chế thị trường.

+ Năng lực điều chỉnh hành vi: Học sinh có thái độ, hành vi, việc làm phù hợp khi tham gia vào các quan hệ thị trường, chủ động thích ứng với những yêu cầu, đòi hỏi của cơ chế thị trường.

+ Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội: Có nhận thức đúng đắn về cơ chế thị trường, tích cực, chủ động, tham gia một cách có hiệu quả vào thị trường.

**c) Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Thường xuyên tìm hiểu, nắm bắt các diễn biến của thị trường để có những cách ứng xử, hành vi viêu dùng hợp lý.

- Trách nhiệm: Tôn trọng tác động khách quen của cơ chế thị trường, phê phán những hành vi không đúng khi tham gia vào thị trường.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.**

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;

- Máy tính, máy chiếu, bài giảng PowerPoint;

- Kế hoạch dạy học, tranh ảnh, clip,... về giá cả thị trường;

- Báo cáo khảo sát thị trường của HS.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Hoạt động: mở đầu**

**a) Mục tiêu:**

Kết nối kiến thức, kĩ năng từ bài học trước với bài học mới; tạo hứng thú, tâm thế học tập cho HS để dẫn vào bài mới.

**b) Nội dung:**

Học sinh làm việc cá nhân, cùng nhau quan sát vé xem phim và trả lời câu hỏi

Em hãy quan sát bảng giá vé xem phim và trả lời câu hỏi:

- Vì sao giá vé xem phim vào cuối tuần thường cao hơn ngày thường?

- Yếu tố nào của thị trường tác động đến giá vé?

**c) Sản phẩm:**

Chỉ ra được

- Giá vé xem phim vào cuối tuần thường cao hơn ngày thường vì vào cuối tuần lượng khách đến rạp xem phim sẽ đông hơn.

- Yếu tố thời điểm đã tác động giá vé.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

Học sinh làm việc cá nhân, cùng nhau quan sát vé xem phim và trả lời câu hỏi

Em hãy quan sát bảng giá vé xem phim và trả lời câu hỏi:

- Vì sao giá vé xem phim vào cuối tuần thường cao hơn ngày thường?

- Yếu tố nào của thị trường tác động đến giá vé?

***Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- Học sinh làm việc cá nhân: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.

- Làm việc cặp đôi để hoàn thiện.

- Trong quá trình hs làm việc, giáo viên theo dõi, phát hiện các hs chưa tìm được câu trả lời để kịp thời hỗ trợ học sinh tìm được các hoạt động của nền kinh tế.

***Báo cáo kết quả và thảo luận***

- Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ suy nghĩ của mình về nội dung trên (2 – 3 HS).

- Gọi một số học sinh nhận xét kết quả.

- Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: *Thông thường giá cả thị trường chịu tác động của những yếu tố nào? Cho ví dụ.*

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

*-* Giáo viên nhận xét bài trả lời của một số học sinh đã được yêu cầu trình bày.

- Giáo viên chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm.

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật sự tác động của các yếu tố tới giá cả hàng hóa.

**Gv nhấn mạnh:**

Giá cả thị trường là giá bán thực tế của hàng hoá trên thị trường hay giá cả hàng hoá được thoả thuận giữa người mua và người bán. Tuy nhiên giá cả thị trường có vai trò vô cùng quan trọng đối với các chủ thể kinh tế. Việc nắm vững giá cả thị trường sẽ giúp các chủ thể kinh tế đưa ra các quyết định hợp lý để thu về lợi nhuận.

**2. Hoạt động: Khám phá**

**Nội dung 1: 1. Giá cả thị trường**

**a) Mục tiêu:**

Học sinh hiểu được giá cả thị trường là gì

**b) Nội dung:**

Học sinh làm việc cá nhân, đọc thông tin sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi

- Em có nhận xét gì về giá gà tại những địa điểm khác nhau trong thông tin trên?

- Từ thông tin trên, em hiểu giá cả thị trường là gì?

**c) Sản phẩm:**

- HS trả lời được các câu hỏi liên quan đến giá cả và giá cả thị trường

- Trong thông tin trên, giá gà tại những địa điểm khác nhau có sự chênh lệch nhau.

- Từ thông tin trên, có thể hiểu giá cả thị trường là giá bán thực tế của hàng hóa, dịch vụ hình thành do các chủ thể kinh tế chi phối và vận động của thị trường quyết định tại một thời điểm, địa điểm nhất định.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Học sinh làm việc cá nhân, đọc thông tin sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi  *- Em có nhận xét gì về giá gà tại những địa điểm khác nhau trong thông tin trên?*  *- Từ thông tin trên, em hiểu giá cả thị trường là gì?*  ***Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - Học sinh làm việc cá nhân, đọc thông tin và trả lời câu hỏi.  - Có thể trao đổi cặp đôi với các bạn xung quang để hoàn thiện câu trả lời.  ***Báo cáo kết quả và thảo luận***  - Giáo viên gọi một số học sinh trình bày ý kiến của mình về nội dung trên.  - Các học sinh khác cùng nhau trao đổi và giải quyết vấn đề đặt ra.  *Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: Giá cả là gì? Giá cả với giá cả thị trường có quan hệ với nhau như thế nào?*  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Giáo viên nhận xét bài trả lời của từng nhóm.  - Giáo viên chốt kiến thức làm rõ từng hoạt động mà học sinh đã tìm được.  **Gv nhấn mạnh:**  *Giá cả thị trường có vai trò quan trọng đối với người sản xuất kinh doanh và cả người tiêu dùng, nắm vững, vận dụng tốt các chức năng của giá cả thị trường sẽ góp phần giúp mỗi chủ thể sản xuất kinh doanh đưa ra các quyết định phù hợp và thu được nhiều lợi nhuận.* | **1. Giá cả thị trường**  Giá cả thị trường là giá bán thực tế của hàng hoá,dịch vụ hình thành do các chủ thể kinh tế chi phối và vận động của thị trường quyết định tại một thời điểm, địa điểm nhất định. |

**Nội dung 2: 2. Chức năng của giá cả thị trường**

**a) Mục tiêu:**

Học sinh hiểu được các chức năng của giá cả thị trường .

**b) Nội dung:**

Học sinh làm làm việc nhóm, các nhóm cùng nhau tìm hiểu 3 trường hợp sách giáo khoa và trả lời câu hỏi.

**Trường hợp 1:**

*Giá cả thị trường đã thể hiện chức năng thông tin như thế nào? Khi giá thép tăng đã tác động như thế nào đến các chủ thể kinh tế?*

**Trường hợp 2:**

*Chức năng phân bổ nguồn lực của giả cả thị trường được thể hiện như thế nào?*

**Trường hợp 3:**

*- Tại sao nói chính sách giảm tiền điện của Nhà nước là yêu cầu cấp thiết trong trường hợp trên?*

*- Chính sách giảm giá điện của Nhà nước tác động tích cực như thế nào đến đời sống người dân?*

**c) Sản phẩm:**

HS trả lời được các câu hỏi liên quan đến giá cả thị trường.

**Trường hợp 1:**

Giá cả thị trường đã thực hiện chức năng thông tin là: giá théo tăng kéo giá nhiều loại vật liệu xây dựng tăng theo.

=> Điều này đã làm trì hoãn tiến độ của nhiều công trình, các nhà sản xuất thép cũng gặp khó khăn do giá nguyên liệu tăng.

**Trường hợp 2:**

Giá cả thị trường, cụ thể là giá tôm có xu hướng tăng cao khiến các hộ nuôi tôm nhanh chóng mở rộng diện tích, chú trọng chọn lọc giống tốt, nhiều hộ chuyển từ nuôi cá tra, cá ba sa sang nuôi tôm; các doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu tôm cũng đẩy mạnh sản xuất.

**Trường hợp 3:**

Chính sách giảm tiền điện của Nhà nước là yêu cầu cấp thiết trong trường hợp trên vì ảnh hưởng của việc giãn cách khiến hoạt động sản xuất bị đình trệ, gây nhiều khó khăn cho doanh nghiệp.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  - GV tổ chức chia lớp thành các nhóm, từ 4 nhóm  - Học sinh chia nhóm và làm việc theo nhóm của mình.  Nhiệm vụ các nhóm cùng nhau nghiên cứu thông tin mà sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi  *Nhóm 1,2: Khái niệm giá cả thị trường*  *Khách hàng và nhân viên bán hàng đã thoả thuận với nhau vê điêu gì? Kêt quả của sự thoả thuận đó là gì?*  *Nhóm 3,4: Chức năng của giá cả thị trường*  *1/ Theo em, giá cả thị trường thể hiện chức năng thông tin và chức năng phân bỗ nguồn lực như thế nào?*  2/ *Nhà nước đã sử dụng giá cả thị trường để quản lí, thực hiện mục tiêu ổn định, cân đối nền kinh tế như thế nào? Tại sao giá cả thị trường là một công cụ để nhà nước quản lí, thực hiện mục tiêu ổn định, cân đối nền kinh tế?*  ***Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - Học sinh cùng các thành viên trong nhóm, đọc và trao đổi về tình huống của nhóm mình.  - Viết kết quả chung của nhóm mình để báo cáo  ***Báo cáo kết quả và thảo luận***  Giáo viên điều hành hoạt động thảo luận của các nhóm  + Gọi 4 nhóm trình bày kết quả chuẩn bị của mình  + Các nhóm còn lại sẽ nhận xét và góp ý  Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung cho các nhóm.  *Giá cả thị trường có chức năng cơ bản nào?*  ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - Giáo viên nhận xét bài trả lời của từng nhóm.  - Giáo viên chốt kiến thức làm rõ từng hoạt động mà học sinh đã tìm được.  **Gv nhấn mạnh:**  *Giá cả thị trường có vai trò quan trọng đối với người sản xuất kinh doanh và cả người tiêu dùng, nắm vững, vận dụng tốt các chức năng của giá cả thị trường sẽ góp phần giúp mỗi chủ thể sản xuất kinh doanh đưa ra các quyết định phù hợp và thu được nhiều lợi nhuận.* | **2. Chức năng của giá cả thị trường**  - Giá cả thị trường là giá bán thực tế của hàng hoá trên thị trường hay giá cả hàng hoá được thoả thuận giữa người mua và người bán.  - Chức năng của giá cả thị trường:  + Cung cấp thông tin: để các chủ thể kinh tế đưa ra những quyết định mở rộng hay thu hẹp sản xuất, tăng hay giảm tiêu dùng.  + Phân bố nguồn lực: góp phần điều tiết quy mô sản xuất, cân đối cung - cầu.  +Là công cụ để nhà nước thực hiện quản lí, kích thích, điều tiết nền kinh tế. |

**3. Hoạt động: Luyện tập**

**Bài tập 1:** *Thảo luận cùng các bạn và cho biết em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào. Vì sao?*

**a) Mục tiêu:**

HS củng cố những kiến thức vừa khám phá qua việc bày tỏ ý kiến, nhận xét hành vi, xử lí tình huống,... về những vấn đề liên quan tới giả cả thị trường.

**b) Nội dung:**

Học sinh làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể.

**c) Sản phẩm:**

\* HS chỉ ra được

Em đồng ý với các ý kiến a, d

\* Giải thích:

* Khi giá cả hàng hóa tăng sẽ khiến người tiêu dùng cân nhắc hơn trước khi mua.
* Khi giá cả hàng hóa tăng cho thấy sự khan hiếm của nguồn cung, khiến người phân phối phải điều chỉnh giá bán ra thị trường.
* Khi giá cả một loaiu hàng hóa nào đó giảm có thể làm tăng nhu cầu của người tiêu dùng về loại hàng hóa đó.
* Khi giá cả một loại hàng hóa nào đó tăng sẽ kích thích các nhà sản xuất chế tạo thêm hàng hóa đó để tăng doanh thu.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân.

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể.

***Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân.

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời.

***Báo cáo kết quả và thảo luận***

Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung.

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi vận dụng cơ chế thị trường.

**Bài tập 2:** Em hãy đọc các trường hợp sau và trả lời câu hỏi.

**a) Mục tiêu:**

Học sinh vận dụng được các kiến thức cơ bản về giá cả thị trường vào lý giải các hiện tượng kinh tế đang diễn ra trong xã hội.

**b) Nội dung:**

Học sinh thảo luận nhóm, các nhóm cùng nghiên cứu 2 trường hợp sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:**

\* HS chỉ ra được:

**Trường hợp 1:**

Em đồng tình với việc làm của gia đình chị B

\* Giải thích: gia đình chị đã nắm bắt thông tin của thị trường để chuyển đổi sản phẩm kinh doanh, điều này sẽ mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn cho gia đình chị.

**Trường hợp 2:**

\* Nhận xét: Việc làm của ông T là dễ hiểu

\* Giải thích*:* Theo quy luật về giá cả, khi nguồn cung ít thì giá cả hàng hóa sẽ bị đẩy lên cao, tuy nhiên việc làm của ông T lại không hơp lí trong hoàn cảnh này, vì ông đã thừa lúc mọi người đang gặp khó khăn để tăng lợi nhuận cho bản thân.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm.

Các nhóm cùng nghiên cứu 2 trường hợp sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi trong từng trường hợp.

***Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm.

- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống.

- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp.

***Báo cáo kết quả và thảo luận***

- Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời.

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

*-* Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi vận dụng các chức năng của giá cả thị trường.

**Bài tập 3:** Em hãy đọc tình huống sau và thực hiện yêu cầu.

**a) Mục tiêu:**

Học sinh vận dụng được các kiến thức cơ bản về cơ chế thị trường vào lý giải các hiện tượng kinh tế đang diễn ra trong xã hội.

**b) Nội dung:**

GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm nội dung các tình huống, đưa ra cách xử lí. GV cũng có thể tổ chức cho HS sắm vai thể hiện nội dung tình huống và đưa ra giải pháp xử lí tình huống.

**c) Sản phẩm:**

- HS chỉ ra được

- Các chức năng của giá cả được đề cập trong tình huống trên là: cung cấp thông tin.

- Dự định điều tiết sản xuất của ông A là hợp lí.

=> Ông dự đoán được sự thay đổi của thị trường là nhu cầu về hoa sẽ tăng cao vào dịp Tết, thêm vào đó, chi phí trồng và chăm sóc hoa cũng ít hơn, từ đó đưa ra quyết định chuyển đổi từ trồng rau củ sang trồng hoa.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm.

Các nhóm cùng nghiên cứu trường hợp SGK đưa ra và trả lời câu hỏi trong đó.

***Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm.

- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống.

- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp.

***Báo cáo kết quả và thảo luận***

Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời.

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tham gia vào các hoạt động kinh tế dựa trên giá cả thị trường.

**4. Hoạt động: Vận dụng**

Em hãy khảo sát giá cả của một số mặt hàng tại địa phương và nhận xét sự biến động giá cả của những mặt hàng đó ở các thời điểm khác nhau.

**a) Mục tiêu:**

HS tự giác áp dụng những điều đã học về giá cả thị trường vào thực tiễn từ đó đưa ra những nhận định đánh giá của bản thân.

**b) Nội dung:**

Học sinh làm việc cá nhân tại nhà, suy nghĩ và viết bài bày tỏ quan điểm của bản thân.

**c) Sản phẩm:**

Bài viết của học sinh, đưa ra những quan điểm và nhận định của bản thân.

*Ví dụ tham khảo*:

   Trong hai ngày 26 và 27-4 ở TP Hồ Chí Minh và các tỉnh phía nam, giá gạo tăng đột biến. Giá gạo thường từ 7.000 - 8.000 đồng lên 12.000 đồng/kg. Giá gạo ngon từ 11.000 đồng lên 14.000 đồng/kg. Gạo xuất khẩu 5% từ 16.000 đồng lên 22.000 đồng/kg. Nguyên nhân chủ yếu là do các nhà máy xay xát gạo, tiểu thương miền tây và TP Hồ Chí Minh ghìm hàng không bán (chờ gạo tăng giá), dẫn đến khan hiếm hàng hóa, giá gạo tăng cao. Tuy nhiên khoảng 2 tháng trước, khi vụ đông xuân ở đồng bằng sông Cửu Long vừa thu hoạch xong, lúa đầy sân, đầy kho, lượng gạo tồn kho trong dân và doanh nghiệp nhiều nên giá gạo chỉ ở mức 5.000 đồng/kg.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

GV hướng dẫn HS tìm hiểu và viết bài thể hiện quan điểm của mình về nhận định trên.

***Thực hiện nhiệm vụ học tập***

Học sinh làm việc ở nhà, bài viết phải thể hiện rõ quan điểm của bản thân.

***Báo cáo kết quả và thảo luận***

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ bài viết của mình.

- Yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các bạn cùng trao đổi.

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về giá cả thị trường.

***TCT: 13 + 14 + 15***

***Ngày soạn:***

***Ngày dạy:***

***Lớp dạy:***

**BÀI 6**

**NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ NGÂN SÁCH**

Thời lượng: 3 tiết

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Nêu được khái niệm ngân sách nhà nước; đặc điểm và vai trò của ngân sách nhà nước.

- Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dần trong việc thực hiện pháp luật ngân sách.

**2. Về năng lực**

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về ngân sách nhà nước.

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện nhiệm vụ học tập về ngân sách nhà nước.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống liên quan đến ngân sách nhà nước.

- Năng lực đặc thù:

+ Năng lực điều chỉnh hành vi: ủng hộ những hành vi chấp hành tốt và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về thu, chi ngân sách nhà nước.

+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Có hành vi đúng khi tham gia một số hoạt động liên quan đến ngân sách nhà nước.

**3. Về phẩm chất**

- Trung thực và có trách nhiệm công dân khi tham gia các hoạt động liên quan đến ngân sách nhà nước.

- Yêu nước, tin tưởng vào đường lối phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.**

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;

- Kế hoạch dạy học, tranh ảnh, video clip vế ngân sách nhà nước;

- Máy tính, máy chiếu, bài giảng PowerPoint,...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**TIẾT 1:**

**1. Hoạt động: Mở đầu**

**a) Mục tiêu:**

HS huy động những kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm của bản thân về những vấn đề có liên quan đến ngân sách nhà nước; tạo hứng thú, tâm thế học tập của HS, dẫn vào bài mới.

**b) Nội dung:**

Học sinh cùng nhau đọc thông tin trong sách giáo khoa, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.

*Em hãy chia sẻ suy nghĩ của em về chính sách hỗ trợ, không thu học phí của Chính phủ trong thông tin trên. Theo em, khoản kinh phí hỗ trợ trên được trích từ nguồn nào?*

**c) Sản phẩm:**

- Theo em, chính sách không thu học phí của Chính phủ là một việc làm mang tính nhân văn, góp phần chia sẻ gánh nặng kinh tế với người dân ở các vùng khó khăn, khuyến khích các gia đình cho con đến trường.

- Khoản phí hỗ trợ trên được trích từ nguồn Ngân sách Nhà nước.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

Học sinh làm việc cá nhân, đọc, suy nghĩ và trả lời câu hỏi sách giáo khoa đưa ra

Sau thời gian làm việc cá nhân, học sinh trao đổi cặp đôi với các bạn xung quanh để cùng nhau hoàn thiện câu trả lời

***Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- Học sinh đọc thông tin sách giáo khoa đưa ra.

- Học sinh làm việc cá nhân: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.

- Làm việc cặp đôi để hoàn thiện sản phẩm chuẩn bị báo cáo

- Trong quá trình hs làm việc, giáo viên theo dõi, phát hiện các hs chưa tìm được câu trả lời để kịp thời hỗ trợ học sinh phát hiện được vai trò của ngân sách nhà nước đối với sự phát triển kinh tế - xã hội

***Báo cáo kết quả và thảo luận***

- Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ suy nghĩ của mình về nội dung trên (2 – 3 HS).

- Gọi một số học sinh nhận xét kết quả.

- Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: *Đối với mỗi quốc gia, dân tộc, ngân sách nhà nước có vai trò như thế nào?*

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

*-* Giáo viên nhận xét bài trả lời của một số học sinh đã được yêu cầu trình bày.

- Giáo viên chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm.

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật vai trò của ngân sách nhà nước.

**Gv nhấn mạnh:**

Ngân sách nhà nước hình thành và phát triển gắn liền với sự xuất hiện và phát triển của Nhà nước. Đó là quỹ tiền tệ tập trung lớn nhất của một quốc gia, vừa là nguồn lực để duy trì bộ máy nhà nước vừa là công cụ hữu ích để Nhà nước quản lí, điều tiết nền kinh tế quốc dân và giải quyết các vấn đề xã hội. Ngân sách nhà nước có phần đóng góp rất lớn của người dân và được sử dụng vì lợi ích quốc gia, lợi ích của nhân dân.

**2. Hoạt động: Khám phá**

**Nội dung 1:** Tìm hiểu **1. Khái niệm ngân sách nhà nước**

**a) Mục tiêu:**

Học sinh hiểu được khái niệm ngân sách nhà nước.

**b) Nội dung:**

Học sinh làm việc theo nhóm, nghiên cứu, quan sát sơ đồ về dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 và trả lời các câu hỏi sau:

*- Em hiểu thế nào là ngân sách nhà nước?*

*- Ngân sách nhà nước gồm những khoản và bộ phận nào?*

**c) Sản phẩm:**

- HS chỉ ra được cơ cấu của ngân sách nhà nước

- Ngân sách Nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để đảm bảo thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước.

- Ngân sách Nhà nước gồm các bộ phận:

Ngân sách địa phương.

Ngân sách trung ương.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Học sinh làm việc theo nhóm, nghiên cứu, quan sát sơ đồ về dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 và trả lời câu hỏi sau:  *- Em hiểu thế nào là ngân sách nhà nước?*  *- Ngân sách nhà nước gồm những khoản và bộ phận nào?*  ***Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - Học sinh cùng nhau quan sát và trả lời câu hỏi.  - Học sinh làm việc cá nhân: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.  ***Báo cáo kết quả và thảo luận***  - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra  - Các học sinh còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.  - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: *Ngân sách nhà nước bao gồm những khoản nào?*  ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét.  - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật cơ cấu của ngân sách nhà nước.  **Gv nhấn mạnh:**  *Ngân sách nhà nước là toàn bộ các khọản thu, chi của Nhà nước do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước.* | **1. Khái niệm, đặc điểm của ngân sách nhà nước**  ***a. Khái niệm ngân sách nhà nước***  Ngân sách nhà nước là toàn bộ các khọản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước |

**Nội dung 2:** Tìm hiểu **1.b. Đặc điểm của ngân sách nhà nước**

**a) Mục tiêu:**

Học sinh hiểu được đặc điểm của ngân sách nhà nước.

**b) Nội dung:**

Học sinh cùng làm việc theo nhóm, đọc thông tin 1 và 2 trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi sau

*- Nước ta cơ quan nhà nước nào có thẩm quyền thông qua dự toán ngân sách và giám sát ngân sách nhà nước?*

*- Hãy liệt kê những đặc điểm của ngân sách nhà nước.*

**c) Sản phẩm:**

- HS đọc thông tin và trả lời được các câu hỏi đặt ra:

+ Ở nước ta, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông qua dự toán ngân sách và giám sát ngân sách nhà nước là Quốc hội.

+ Những đặc điểm của ngân sách nhà nước:

Là một kế hoạch tài chính cần được Quốc hội thông qua trước khi thi hành.

Là kế hoạch tài chính của toàn thể quốc gia, được trao cho Chính phủ tổ chức thực hiện nhưng phải đặt dưới sự giám sát trực tiếp của Quốc hội.

*­*- HS rút ra được những đặc điểm của ngân sách nhà nước.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Học sinh cùng làm việc theo nhóm, đọc thông tin 1 và 2 trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi sau  *- Nước ta cơ quan nhà nước nào có thẩm quyền thông qua dự toán ngân sách và giám sát ngân sách nhà nước?*  *- Hãy liệt kê những đặc điểm của ngân sách nhà nước.*  ***Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận.  - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.  ***Báo cáo kết quả và thảo luận***  - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra.  - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.  - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: *Ngân sách nhà nước khác với các quỹ tiền tệ khác ở điểm cơ bản nào?*  ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét.  - Giáo viên chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm.  **Gv nhấn mạnh:**  Ngân sách nhà nước mang tính pháp lí cao, nhà nước là chủ thể duy nhất có quyền sở hữu và quyết định các khoản thu, chi của ngân sách nhà nước. | ***b. Đặc điểm của ngân sách nhà nước***  Là một kế hoạch tài chính cần được Quốc hội thông qua trước khi thi hành.  Là kế hoạch tài chính của toàn thể quốc gia, được trao cho Chính phủ tổ chức thực hiện nhưng phải đặt dưới sự giám sát trực tiếp của Quốc hội. |

**Nội dung 3:** Tìm hiểu **2. Vai trò của ngân sách nhà nước**

**a) Mục tiêu:**

HS nêu được các vai trò của ngân sách nhà nước.

**b) Nội dung:**

Học sinh làm việc theo nhóm, các nhóm cùng nhau đọc thông tin trong sách giáo khoa và trả được câu hỏi từ đó rút ra được vai trò của ngân sách nhà nước .

**c) Sản phẩm:**

HS trả lời được câu hỏi trong sách giáo khoa

Vai trò của ngân sách nhà nước:

Tạo lập nguồn vốn lớn, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và huy động nguồn tài chính;

Là công cụ để Nhà nước thực hiện việc điều tiết các hoạt động kinh tế và xã hội;

Điều tiết thu nhập dân cư, hạn chế sự bất bình đẳng xã hội.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Học sinh làm việc theo nhóm, các nhóm cùng nhau đọc thông tin trong sách giáo khoa và trả được câu hỏi từ đó rút ra được vai trò của ngân sách nhà nước .  ***Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - Học sinh cùng nhau đọc thông tin.  - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và thảo luận câu hỏi giáo viên đặt ra.  ***Báo cáo kết quả và thảo luận***  - Giáo viên gọi đại diện nhóm cử học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu của nhóm mình.  - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.  - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: *Ngân sách nhà nước có vai trò như thế nào đối với sự phát triển của mỗi quốc gia, dân tộc?*  ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - Giáo viên nhận xét bài trả lời của các nhóm đã được yêu cầu trình bày và nhóm tiến hành nhận xét  - Giáo viên chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm  **Gv nhấn mạnh:**  Là công cụ điều tiết thu nhập qua thuế và quỹ phúc lợi xã hội. Là công cụ mở rộng quan hệ đối ngoại, đẩy nhanh quá trình hợp tác và hội nhập quốc tế. | **2. Vai trò của ngân sách nhà nước**  - Tạo lập nguồn vốn lớn, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và huy động nguồn tài chính;  - Là công cụ để Nhà nước thực hiện việc điều tiết các hoạt động kinh tế và xã hội;  - Điều tiết thu nhập dân cư, hạn chế sự bất bình đẳng xã hội. |

**Nội dung 4: 3. Quy định cơ bản về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật ngân sách**

**a) Mục tiêu:**

HS nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật ngân sách nhà nước

**b) Nội dung:**

Học sinh làm việc theo nhóm (4 nhóm), các nhóm cùng nhau đọc thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi

*Cho biết các quyền và nghĩa vụ trong việc thực hiện pháp luật về ngân sách nhà nước mà Công ty A đã thực hiện?*

**c) Sản phẩm:**

- HS trả lời được các câu hỏi liên quan đến thông tin sách giáo khoa đưa ra

Quyền và nghĩa vụ trong việc thực hiện pháp luật về ngân sách nhà nước mà Công ti A đã thực hiện:

+ Nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản thuế, phí, lệ phí cho Nhà nước.

+ Chấp hành đúng qui định của pháp luật về kế toán, thông kê và công khai ngân sách.

+ Đóng góp nguồn thu nhập cho địa phương, góp phần giải quyết việc làm, cải thiện thu nhập cho người dân và an sinh xã hội.

- HS rút ra được một số quy định của pháp luật liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  - GV tổ chức cho học sinh thảo luận nhóm.  Học sinh làm việc theo nhóm (4 nhóm), các nhóm cùng nhau đọc thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi.  *Cho biết các quyền và nghĩa vụ trong việc thực hiện pháp luật về ngân sách nhà nước mà Công ti A đã thực hiện.*  ***Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - Học sinh cùng các thành viên trong nhóm, đọc và trao đổi nội dung yêu cầu.  - Viết kết quả chung của nhóm mình để báo cáo.  ***Báo cáo kết quả và thảo luận***  - Giáo viên điều hành hoạt động thảo luận của các nhóm.  + Gọi đại diện nhóm trình bày kết quả chuẩn bị của mình  + Các nhóm còn lại sẽ nhận xét và góp ý  - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung cho các nhóm  *Công dân có quyền và nghĩa vụ như thế nào trong việc thực hiện pháp luật về ngân sách?*  ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - Giáo viên nhận xét bài trả lời của từng nhóm.  - Giáo viên chốt kiến thức làm rõ từng hoạt động mà học sinh đã tìm được.  **Gv nhấn mạnh:**  *Mọi công dân đều có quyền và nghĩa vụ trong việc thực hiện pháp luật về ngân sách bằng những việc làm cụ thể, thiết thực.* | **3. Quy định cơ bản về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật ngân sách**  \* Công dân có quyền:  - Được sử dụng hàng hoá, dịch vụ công cộng và hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.  - Được cung cấp thông tin, tham gia giám sát cộng đồng về tài chính - ngân sách theo quy đĩnh của pháp luật.  \* Công dân có nghĩa vụ:  - Sử dụng các khoản đầu tư từ ngân sách nhà nước đủng mục đích, đúng chế độ, tiết kiệm, hiệu quả.  - Nộp các khoản vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật. |

**3. Hoạt động: Luyện tập**

**Bài tập 1:** *Trao đổi cùng bạn và cho biết em đồng tình hay không đồng tình với các ý kiến sau. Giải thích vì sao.*

**a) Mục tiêu:**

HS củng cố tri thức về khái niệm, đặc điểm và vai trò của ngân sách nhà nước; quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật ngân sách nhà nước.

**b) Nội dung:**

Học sinh làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể.

**c) Sản phẩm:**

\* HS chỉ ra được

Em đồng tình với các ý kiến a, c, không đồng tình với ý kiến b, d

\* Giải thích:

Hoạt động chi thu của ngân sách thực hiện theo nguyên tắc không hoàn trả trực tiếp là chủ yếu.

Bội chi ngân sách nhà nước sẽ dẫn đến tình trạng mất cân đối ngân sách, phản ánh sự thiếu hụt của nền tài chính. do đó, không thể đảm bảo các hoạt động của kinh tế - xã hội.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân.

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể.

***Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân.

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời.

***Báo cáo kết quả và thảo luận***

Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung.

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tìm hiểu về ngân sách nhà nước.

**Bài tập 2:** *Em hãy đọc các nội dung sau và cho biết nội dung nào không phải đặc điểm của ngân sách nhà nước. Vì sao?*

**a) Mục tiêu:**

Học sinh vận dụng được các kiến thức cơ bản về ngân sách nhà nước vào lý giải các hiện tượng kinh tế đang diễn ra trong xã hội.

**b) Nội dung:**

Học sinh thảo luận nhóm, các nhóm cùng nghiên cứu 4 trường hợp sách giáo khoa đưa ra.

**c) Sản phẩm:**

HS chỉ ra được: Tất cả các nội dung trên đều là đặc điểm của ngân sách nhà nước.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm.

Các nhóm cùng nghiên cứu 4 trường hợp sách giáo khoa đưa ra và đưa ra quan điểm của mình trong từng trường hợp.

***Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm.

- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống.

- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp.

***Báo cáo kết quả và thảo luận***

Giáo viên mời từng các học sinh đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các học sinh khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời.

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tham gia vào các hoạt động kinh tế có liên quan đến ngân sách nhà nước.

**Bài tập 3:** *Thảo luận cùng bạn và cho biết ý kiến của em với các hành vi thực hiện pháp luật về ngân sách trong các trường hợp sau:*

**a) Mục tiêu:**

Học sinh vận dụng được các kiến thức cơ bản về ngân sách nhà nước vào lý giải các hiện tượng kinh tế đang diễn ra trong xã hội.

**b) Nội dung:**

GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm nội dung các tình huống, đưa ra cách xử lí.

**c) Sản phẩm:**

HS chỉ ra được

Ý kiến của em với các hành vi thực hiện pháp luật về ngân sách:

- Trường hợp 1: Doanh nghiệp A chưa hoàn thành nghĩa vụ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

=> Đây là một hành vi vi phạm pháp luật và doanh nghiệp A sẽ phải chịu các hình thức xử phạt theo quy định.

- Trường hợp 2: Địa phương T đã nghiêm chỉnh chấp hành, thực hiện nghiêm túc quyền hạn và nghĩa vụ có liên quan đến ngân sách nhà nước.

- Trường hợp 3: Công ti M không những thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và quyền hạn đối với ngân sách nhà nước mà còn có ý thức tuyên truyền cho người lao động để họ cùng thực hiện. Việc làm của Công ti M là rất đáng được biểu dương và nhân rộng hơn nữa.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm

Các nhóm cùng nghiên cứu 3 trường hợp sách giáo khoa đưa ra và thể hiện rõ những hiểu biết của mình qua việc lý giải vai trò của ngân sách nhà nước trong 3 tình huống đó.

***Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm

- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống

- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

***Báo cáo kết quả và thảo luận***

Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi đánh giá vai trò của ngân sách nhà nước.

**4. Hoạt động: Vận dụng**

**Bài tập 1:** Em hãy vẽ sơ đồ tư duy về đặc điểm và vai trò cửa ngân sách nhà nước.

**a) Mục tiêu:**

HS tự giác áp dụng những điều đã học về ngân sách nhà nước vào thực tiễn từ đó đưa ra những nhận định đánh giá của bản thân.

**b) Nội dung:**

Học sinh làm việc theo nhóm,cùng nhau lên ý tưởng và hoàn thiện sơ đồ tư duy phù hợp thể hiện nội dung và đặc điểm của NSNN.

**c) Sản phẩm:**

Sơ đồ tư duy thể hiện nội dung và đặc điểm của NSNN trên giấy A0.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

Học sinh làm việc theo nhóm,cùng nhau lên ý tưởng và hoàn thiện sơ đồ tư duy phù hợp thể hiện nội dung và đặc điểm của NSNN.

***Thực hiện nhiệm vụ học tập***

Học sinh làm việc ở nhà, khuyến khích các cách thể hiện sáng tạo.

***Báo cáo kết quả và thảo luận***

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ bài viết của mình.

- Hoặc giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi.

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về ngân sách nhà nước.

**Bài tập 2**: Hãy thiết kế một sản phẩm tuyên truyền về quyền và nghĩa vụ của công dân trong thực hiện pháp luật về ngân sách nhà nước để tuyên truyền đến bạn bè, người thân.

***a) Mục tiêu:***

HS tự giác áp dụng những điều đã học về ngân sách nhà nước vào thực tiễn từ đó đưa ra những nhận định đánh giá của bản thân.

**b) Nội dung:**

Học sinh làm việc theo nhóm,cùng nhau lên ý tưởng và hoàn thiện sản phẩm tuyên truyền thể hiện nội dung NSNN.

**c) Sản phẩm:**

Sản phẩm tuyên truyền thể hiện nội dung NSNN.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

Học sinh làm việc theo nhóm,cùng nhau lên ý tưởng và hoàn thiện sản phẩm tuyên truyền thể hiện nội dung NSNN.

***Thực hiện nhiệm vụ học tập***

Học sinh làm việc ở nhà, khuyến khích các cách thể hiện sáng tạo.

***Báo cáo kết quả và thảo luận***

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ bài viết của mình.

- Hoặc giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi.

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về ngân sách nhà nước.

**TCT: 16**

**BÀI ÔN TẬP GIỮA KỲ 1**

**( Bộ chân trời sáng tạo)**

**I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU.**

***1.Về mục tiêu*:**

- Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở nửa đầu học học kỳ I lớp 10; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình

- Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.

-Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống từ đó rút ra được bài học cho bản thân.

- Rèn luyện được kĩ năng khi xem xét, đánh giá các hiện tượng kinh tế, các hoạt động kinh tế của bản thân, của người khác,

- HS có thái độ học tập đúng và điều chỉnh qúa trình học tập của mình.

***2. Năng lực cần hướng tới*** :

**- Năng lực chung:**

*+ Tự chủ và tự học* để bổ sung kịp thời các kiến thức cơ bản phục vụ việc kiểm tra đánh giá. Biết lập kế hoạch tự học tự tìm kiếm kiến thức trong sách vở, thông qua sách báo và các nguồn tư liệu khác nhau để hoàn thành kế hoạch học tập và đạt kết quả cao nhất trong bài kiểm tra

*+ Giao tiếp và hợp tác* trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

*+ Giải quyết vấn đề* và sáng tạo thông qua việc chủ động xây dựng những kế hoạch ôn tập hiệu quả để hoàn thành nhiệm vụ đặt ra.

**- Năng lực đặc thù:**

*Năng lực điều chỉnh hành vi:* Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó

*Năng lực phát triển bản thân:* Tự nhận thức bản thân lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này

**3. Phẩm chất:**

Trung thực: Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra giữa kỳ để đạt kết quả cao

Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân.

Chăm chỉ: Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra.

**II. PHẠM VI KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP**

Ôn tập các đơn vị kiến thức đã học trong học kỳ 1 gồm các bài và chủ đề sau

Bài 1: Nền kinh tế và các hoạt động của nền kinh tế

Bài 2: Các chủ thể của nền kinh tế

Bài 3: Thị trường và chức năng của thị trường

Bài 4: Cơ chế thị trường

Bài 5: Giá cả thị trường và chức năng của giá cả thị trường

Bài 6: Ngân sách nhà nước và thực hiện pháp luật về ngân sách

**III. HÌNH THỨC ÔN TẬP:**

**1. Củng cố kiến thức cơ bản**

- Giáo viên củng cố lại các kiến thức cơ bản của từng bài dưới dạng sơ đồ tư duy

- Khắc sâu những kiến thức cần nhớ để ôn tập và kiểm tra

**2. Luyện tập một số dạng câu hỏi ôn tập**

- Câu hỏi trắc nghiệm

- Câu hỏi tình huống

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

**a. Mục tiêu:**

- Tạo được hứng thú với bài học.

- Học sinh bước đầu nhớ lại những kiến thức cơ bản đã học trong nửa đầu học kỳ 1

**b. Nội dung**: Giáo viên hướng dẫn học sinh tiếp cận với bài mới bằng trò chơi “nhanh tay nhanh mắt”

Em hãy nhắc lại những kiến thức cơ bản từ bài 1 đến bài số 6

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Giao nhiệm vụ học tập:**

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi “nhanh tay nhanh mắt”

Luật chơi:

- Chia lớp thành 2 nhóm: Nhóm A và B. Trong vòng 5 phút các em lần lượt lên bảng những đơn vị kiến thức mà mình đã được học

- Đại diện nhóm lên trình bày những sản phẩm mà nhóm mình tìm được.

**Thực hiện nhiệm vụ**

* HS tiến hành chia nhóm, phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm
* Các thành viên tham gia làm việc nhóm, suy nghĩ, trả lời.

**Báo cáo và thảo luận**

- Các học sinh trong nhóm lần lượt lên trình bày

- Học sinh cử đại diện nhóm lần lượt trình bày các câu trả lời.

**Kết luận, nhận định**

- Gv nhận xét, đánh giá, về mặt nhận thức của học sinh đối với các đơn vị kiến thức đã học trong học kỳ 1

**2. Hoạt động 2: Khám phá**

**Nhiệm vụ 1: Vẽ sơ đồ tư để củng cố lại các đơn vị kiến thức đã học**

**a. Mục tiêu:**

- HS củng cố lại được các đơn vị kiến thức đã học trong các bài 1 đến bài 6

**b. Nội dung:**

- GV cho học sinh thảo luận nhóm mỗi nhóm sẽ tiến hành vẽ sơ đồ tư duy cho 1 bài

- Học sinh làm việc theo nhóm

**c. Sản phẩm:**Câu trả lời của học sinh

- Học sinh chỉ ra được những đơn vị kiến thức cơ bản của từng bài để củng cố bài học

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Giao nhiệm vụ học tập:**

- GV giao nhiệm vụ cho học sinh chuẩn bị trước tại nhà theo các nhóm

Bài 1: Nền kinh tế và các hoạt động của nền kinh tế

Bài 2: Các chủ thể của nền kinh tế

Bài 3: Thị trường và chức năng của thị trường

Bài 4: Cơ chế thị trường

Bài 5: Giá cả thị trường và chức năng của giá cả thị trường

Bài 6: Ngân sách nhà nước và thực hiện pháp luật về ngân sách

**Thực hiện nhiệm vụ**

- HS đọc thông tin, làm việc theo nhóm, các nhóm trình bày ra tờ giấy A0 để chuẩn bị trình bày vào tiết sau

- Khuyến khích các cách trình bày sáng tạo và độc đáo

**Báo cáo và thảo luận**

- Giáo viên yêu cầu từng nhóm trả lời kết quả làm việc của nhóm mình.

- Giáo viên đánh giá kết quả của từng nhóm

**Kết luận, nhận định**

* Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....

Giới thiệu một số sơ đồ tư duy để tham khảo

**Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nội dung: Luyện tập câu hỏi trắc nghiệm và tình huống**

**a. Mục tiêu:**

- HS biết vận dụng kiến thức vào làm bài tập cụ thể

- Giải quyết các tình huống diễn ra trong thực tiễn

**b. Nội dung:**

- GV cho học sinh làm việc cá nhân, các học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi trắc nghiệm

**c. Sản phẩm:**Câu trả lời của học sinh

- Học sinh trả lời được câu hỏi, biết vận dụng các kiến thức để có thể giải quyết các tình huống trong thực tiễn

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Giao nhiệm vụ học tập:**

Giáo viên yêu cầu học sinh làm một số bài tập dưới đây

**Thực hiện nhiệm vụ**

- HS đọc câu hỏi, ghi kết quả làm bài vào vở

- Trao đổi thảo luận với các bạn xung quang về kết quả làm bài của mình

**Báo cáo và thảo luận**

- Giáo viên yêu cầu các học sinh trả lời kết quả làm bài của mình.

**Kết luận, nhận định**

*-* Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....

**3. Hoạt động 3: Định hướng làm bài kiểm tra định kỳ**

**a. Mục tiêu bài kiểm tra:**Học sinh bước đầu hình dung được yêu cầu, mục đích, nhiệm vụ của bài kiểm tra định kỳ. Có kế hoạch ôn tập để làm bài kiểm tra hiệu quả

**b. Nội dung kiểm tra**

- Phổ biến nội dung kiểm tra

- Hình thức kiểm tra

- Thời gian kiểm tra

- Biểu điểm và các quy định đối với bài kiểm tra

***c. Giới hạn kiểm tra:***

**Kiến thức cơ bản**

Bài 1: Nền kinh tế và các hoạt động của nền kinh tế

Bài 2: Các chủ thể của nền kinh tế

Bài 3: Thị trường và chức năng của thị trường

Bài 4: Cơ chế thị trường

Bài 5: Giá cả thị trường và chức năng của giá cả thị trường

Bài 6: Ngân sách nhà nước và thực hiện pháp luật về ngân sách

|  |  |
| --- | --- |
| **TCT: 17**  SỞ GD & ĐT ĐAK LAK  **TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ** | **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HKI**  **NĂM HỌC 2022 - 2023**  **MÔN GDKTPL - LỚP 10**  *Thời gian làm bài* : **45 phút** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung**  **kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | | | **% tổng**  **điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | | ***Số CH*** | | ***Thời gian (phút)*** |
| ***Số CH*** | ***Thời gian (phút)*** | ***Số CH*** | ***Thời gian (phút)*** | ***Số CH*** | ***Thời gian (phút)*** | ***Số CH*** | ***Thời gian (phút)*** | ***TN*** | ***TL*** |
| **1** | **Nền kinh tế và các chủ thể của nền kinh tế** | Bài 1: Nền kinh tế và các hoạt động của kinh tế. | 4 | 3.25 | 3 | 3.0 |  |  |  |  | 7 | 0 | 6.25 | **1.75**  **=17.5%** |
| Bài 2: Các chủ thể của nền kinh tế | 4 | 3.25 | 3 | 3.0 |  |  |  |  | 7 | 0 | 6.25 | **1.75**  **=17.5%** |
| **2** | **Thị trường và cơ chế thị trường** | Bài 3: Thị trường và các chức năng của thị trường. | 3 | 2.5 | 2 | 2.0 | 1 | 10 |  |  | 5 | 1 | 4.5+  10 | **1.25+10**  **=22.5%** |
| Bài 4: Cơ chế thị trường | 2 | 1.5 | 2 | 2.0 |  |  | 1 | 10 | 4 | 1 | 4+  20 | **1+20**  **=30%** |
| Bài 5: giá cả thị trường và chức năng của giá cả thị trường. | 3 | 2.5 | 2 | 2.0 |  |  |  |  | 5 | 0 | 4.5 | **1.25**  **=12.5%** |
| **Tổng** | | | **16** | **13** | **12** | **12** | **1** | **10** | **1** | **10** | **28** | **2** | **45** | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **40** | | **30** | | **20** | | **10** | | **70** | **30** |  | **100** |
| **Tỉ lệ chung (%)** | | | **70** | | | | **30** | | | | **100** | |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD & ĐT ĐAK LAK  **TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ** | **ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HKI**  **NĂM HỌC 2022 - 2023**  **MÔN GDKTPL - LỚP 10**  *Thời gian làm bài* : **45 phút** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| 1 | **Nền kinh tế và các chủ thể của nền kinh tế** | Bài 1: Các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội | **Nhận biết:**  Nêu được khái niệm hoạt động sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng  **Thông hiểu:**  Chỉ ra được những biểu hiện của hoạt động sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng,  Lý giải được mối liên hệ giữa các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội | 4 | 3 |  |  |
| Bài 2: Các chủ thể của nền kinh tế | **Nhận biết:**  Nhận biết được các chủ thể tham gia trong nền kinh tế  **Thông hiểu:**  Chỉ ra được vai trò, vị trí của các chủ thể trong nền kinh tế | 4 | 3 |  |  |
| 2 | **Thị trường và cơ chế thị trường** | Bài 3: Thị trường và chức năng của thị trường. | **Nhận biết:**  Nêu được khái niệm thị trường,  Liệt kê được các loại thị trường và chức năng của thị trường  **Thông hiểu:**  Phân tích, lý giải được các yếu tố cấu thành thị trường. Chỉ ra được các căn cứ để phân chia các loại thị trường  Nêu được ví dụ, việc làm thể hiện các chức năng của thị trường cũng như sự vận các chức năng này bằng những hoạt động kinh tế cụ thể  **Vận dụng :**  Qua các trường hợp, hoạt động kinh tế cụ thể, chỉ ra được các cách giải quyết đúng thể hiện sự vận dụng các chức năng của thị trường để giải quyết các vấn đề kinh tế cụ thể.  Bước đầu có kiến thức về nhận biết và đánh giá chức năng của thị trường trong việc tìm kiếm cơ hội kinh doanh phù hợp.  Đề xuất, lựa chọn được một số giải pháp phù hợp để vận dụng chức năng thị trường trog một số hoạt động sản xuất kinh doanh. | 3 | 2 | 1 |  |
| Bài 4: Cơ chế thị trường | **Nhận biết:**  Nêu được khái niệm, ưu điểm và nhược điểm của cơ chế thị trường.  **Thông hiểu:**  Phân tích, lý giải được tính hai mặt của cơ chế thị trường.  Nêu được ví dụ, việc làm thể hiện sự vận dụng ưu điểm và khắc phục hạn chế của cơ chế thị trường.  **Vận dụng cao:**  Áp dụng được những mặt tích cực của cơ chế thị trường để giải quyết các vấn đề kinh tế đặt ra.  Thể hiện thái độ và quan điểm của cá nhân trong việc tham gia vào thị trường.  Phê phán hành vi gian lận trong hoạt động kinh tế. | 2 | 2 |  | 1 |
| Bài 5: giá cả thị trường và chức năng của giá cả thị trường. | **Nhận biết:**  Biết được giá cả thị trường và nhận biết đâu không phải là chức năng của giá cả thị trường.  **Thông hiểu:**  Phê phán các hành vi không đúng khi tham gia thị trường của chủ thể kinh tế.  Đánh giá được hành vi của các chủ thể kinh tế và bày tỏ được thái độ không đồng tình với các hành vi không đúng. | 3 | 2 |  |  |
| **TỔNG** | | |  | 16 | 12 | 1 | 1 |

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD & ĐT ĐAK LAK  **TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ**  *(28 câu trắc nghiệm)* | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HKI**  **NĂM HỌC 2022 - 2023**  **MÔN GDKTPL - LỚP 10**  *Thời gian làm bài* : **45 phút** |

**Mã đề: 132**

**PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (7 điểm)**

**Câu 1:** Đâu không phải quy luật kinh tế?

**A.** Quy luật giá trị. **B.** Quy luật cạnh tranh.

**C.** Quy luật cung - cầu. **D.** Quy luật tiền tệ.

**Câu 2:** Những người tham gia vào các hoạt động của nền kinh tế được gọi là

**A.** chủ thể của nền kinh tế. **B.** người kinh doanh.

**C.** chủ thể sản xuất. **D.** người tiêu dùng.

**Câu 3:** Trong nền kinh tế hàng hóa, chủ thể tiêu dùng thường gắn với việc làm nào dưới đây?

**A.** Phân phối hàng hóa. **B.** Sản xuất hàng hóa.

**C.** Mua gạo về ăn. **D.** Giới thiệu việc làm.

**Câu 4:** Khi tiến hành phân bổ nguyên vật liệu của công ty tới các bộ phận khác nhau trong dây chuyền sản xuất, quá trình này này gắn liền với hoạt động nào dưới đây của nền kinh tế xã hội ?

**A.** phân phối. **B.** tiêu dùng. **C.** sản xuất. **D.** trao đổi.

**Câu 5:** Câu tục ngữ "Cá lớn nuốt cá bé" chỉ quy luật kinh tế nào?

**A.** Quỵ luật lưu thông tiền tệ. **B.** Quỵ luật cạnh tranh.

**C.** Quỵ luật cung - cẩu. **D.** Quy luật giá trị.

**Câu 6:** Căn cứ vào tính chất và cơ chế vận hành, thị trường được chia thành:

**A.** Thị trường trong nước, thị trường ngoài nước.

**B.** Thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường cạnh tranh không hoàn hảo.

**C.** Thị trường tư liệu sản xuất, thị trường tư liệu tiêu dùng.

**D.** Thị trường ô tô, thị trường bảo hiểm, thị trường chứng khoán.

**Câu 7:** Hành vi của chủ thể kinh tế nào sau đây không đúng?

**A.** Doanh nghiệp T tăng giá bán gas vì nhà cung cấp tăng giá.

**B.** Khi giá hoa hồng tăng lên, nhiều hộ nông dân mở rộng quy mô trồng hoa

**C.** Cửa hàng B ngừng bán xăng và treo biển “Hết xăng" khi thấy thông tin xăng tăng giá.

**D.** Cửa hàng trà sữa Y tính thêm chi phí vào giá hàng hoá đối với dịch vụ giao hàng tận nơi.

**Câu 8:** Nơi diễn ra hoạt động trao đổi, mua bán hàng hoá được gọi là

**A.** thị trường. **B.** doanh nghiệp. **C.** bất động sản. **D.** kinh tế.

**Câu 9:** Những người sản xuất để cung cấp hàng hóa, dịch vụ ra thị trường đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội được gọi là chủ thể

**A.** phân phối. **B.** sản xuất. **C.** nhà nước. **D.** tiêu dùng.

**Câu 10:** Đối tượng nào dưới đây **không** đóng vai trò là chủ thể trung gian?

**A.** Đại lý bán lẻ. **B.** Nhà phân phối.

**C.** Người môi giới việc làm. **D.** Người mua hàng.

**Câu 11:** Việc làm nào dưới đây thể hiện trách nhiệm xã hội của hoạt động sản xuất?

**A.** Công ty H sản xuất hàng hóa gắn với bảo vệ môi trường.

**B.** Ông K xả chất thải chưa qua xử lý ra môi trường.

**C.** Công ti E làm giả hoá đơn để được miễn giảm thuế.

**D.** Cửa hàng xăng dầu A gia lận trong việc bán hàng.

**Câu 12:** Trong nền kinh tế hàng hóa, người tiến hành các hoạt động mua hàng hóa, dịch vụ để thỏa mãn các nhu cầu tiêu dùng cá nhân được gọi là

**A.** chủ thể tiêu dùng. **B.** chủ thể trung gian.

**C.** chủ thể nhà nước. **D.** chủ thể sản xuất.

**Câu 13:** Nông dân ở địa phương D chuyển từ trồng dưa hấu sang trồng chuối khi nhận thấy sức tiêu thụ dưa hấu chậm là biểu hiện nào của chức năng của thị trường?

**A.** Gắn kết nền kinh tế thành một chỉnh thể.

**B.** Gắn kết nền kinh tế quốc gia với nền kinh tế thế giới.

**C.** Thừa nhận giá trị và giá trị sử dụng.

**D. Kích thích sự sáng tạo của mỗi chủ thể kinh tế.**

**Câu 14:** Trong nền kinh tế xã hội, hoạt động đóng vai trò cơ bản nhất, quyết định các hoạt động khác của đời sống xã hội là hoạt động

**A.** sản xuất. **B.** tiêu dùng. **C.** trao đổi. **D.** phân phối.

**Câu 15:** Thị trường ra đời, phát triển gắn liền với sự phát triển của

**A.** kinh tế bộ lạc. **B.** kinh tế tự cấp tự túc.

**C.** kinh tế hàng hóa. **D.** kinh tế thời nguyên thủy.

**Câu 16:** Trong nền kinh tế, chủ thể nào dưới đây đóng vai trò là chủ thể trung gian khi tham gia vào các quan hệ kinh tế?

**A.** Hộ kinh tế gia đình. **B.** Ngân hàng nhà nước.

**C.** Nhà đầu tư bất động sản. **D.** Trung tâm siêu thị điện máy.

**Câu 17:** Mục đích cuối cùng của hoạt động kinh tế là tạo ra

**A.** các sản phẩm vô hình phục vụ con người.

**B.** sản phẩm thỏa mãn nhu cầu của con người.

**C.** các giá trị về mặt tinh thần và vật chất.

**D.** các sản phẩm hữu hình phục vụ con người.

**Câu 18:** Giá trị của hàng hóa được biểu hiện bằng lượng tiền nhất định được gọi là

**A.** giá trị trao đổi. **B.** giá cả thị trường.

**C.** Tiền tệ. **D.** Giá trị sử dụng.

**Câu 19:** Hệ thống các quan hệ mang tính điều chỉnh tuân theo yêu cầu của các quy luật kinh tế được gọi là

**A.** giá cả thị trường. **B.** thị trường.

**C.** cơ chế thị trường. **D.** kinh tế thị trường.

**Câu 20:** Trong nền kinh tế, chủ thể nào dưới đây đóng vai trò là chủ thể sản xuất?

**A.** Kho bạc nhà nước. **B.** Người hoạt động kinh doanh.

**C.** Ngân hàng nhà nước. **D.** Người tiêu dùng.

**Câu 21:** Đâu là ưu điểm của cơ chế thị trường?

**A.** Cơ chế thị trường đã khiến các chủ thể kinh tế cạnh tranh không lành mạnh vì chạy theo lợi nhuận.

**B.** Cơ chế thị trường tiềm ẩn nguy cơ khủng hoảng, có thể dẫn tới lạm phát.

**C.** Cơ chế thị trường đã làm khoảng cách giữa các tầng lớp dân cư trong xã hội ngày càng tăng lên

**D.** Cơ chế thị trường luôn đòi hỏi các chủ doanh nghiệp phải linh hoạt, sáng tạo để cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ có chất lượng.

**Câu 22:** Trong các hoạt động của con người, hoạt động sản xuất đóng vai trò là hoạt động

**A.** thiết yếu nhất. **B.** ít quan trọng.

**C.** bình thường nhất. **D.** cơ bản nhất.

**Câu 23:** Trong các hoạt động kinh tế, hoạt động nào đóng vai trò trung gian, kết nối người sản xuất với người tiêu dùng?

**A.** Hoạt động sản xuất - tiêu thụ. **B.** Hoạt động vận chuyển - tiêu dùng.

**C.** Hoạt động phân phối - trao đổi. **D.** Hoạt động sản xuất - vận chuyển.

**Câu 24:** Nền kinh tế là khái niệm dùng để chỉ tất cả các hoạt động kinh tế của

**A.** một quốc gia. **B.** một dân tộc.

**C.** toàn bộ các quốc gia. **D.** nhiều quốc gia.

**Câu 25:** Giá cả thị trường là

**A.** số tiền phải trả cho một hàng hoá để bù đắp chi phí sản xuất và lưu thông hàng hoá đó.

**B.** giá cả hàng hoá do người mua quyết định trên thị trường tại một thời điểm, địa điểm nhất định.

**C.** giá bán thực tế của hàng hoá do người bán quyết định tại một thời điểm, địa điểm nhất định.

**D.** giá bán thực tế của hàng hoá do tác động qua lại giữa các chủ thể kinh tế trên thị trường tại một thời điểm, địa điểm nhất định.

**Câu 26:** Đâu không phải là chức năng của giá cả?

**A.** Sự biến động của giá cả cung cấp thông tin để các chủ thể kinh tế điều chỉnh

**B.** Giá cả điều tiết quy mô sản xuất của các doanh nghiệp.

**C.** Giá cả điều tiết hành vi của người tiêu dùng.

**D.** Giá cả duy trì sự ổn định và phát triển kinh tế.

**Câu 27:** Đâu không phải là chức năng của giá cả thị trường?

**A.** Chức năng thông tin.

**B.** Chức năng lưu thông hàng hóa.

**C.** Chức năng phân bổ các nguồn lực.

**D.** Công cụ để Nhà nước thực hiện quản lí Nhà nước.

**Câu 28:** Phương án nào dưới đây thuộc thị trường các loại hàng hoá và dịch vụ?

**A.** Thị trường lao động. **B.** Thị trường tư liệu tiêu dùng.

**C.** Thị trường chứng khoán. **D.** Thị trường quốc tế.

----------- HẾT ----------

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD & ĐT ĐAK LAK  **TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ**  *(28 câu trắc nghiệm)* | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HKI**  **NĂM HỌC 2022 - 2023**  **MÔN GDKTPL - LỚP 10**  *Thời gian làm bài* : **45 phút** |

**Mã đề: 209**

**PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (7 điểm)**

**Câu 1:** Trong nền kinh tế xã hội, hoạt động đóng vai trò cơ bản nhất, quyết định các hoạt động khác của đời sống xã hội là hoạt động

**A.** tiêu dùng. **B.** sản xuất. **C.** trao đổi. **D.** phân phối.

**Câu 2:** Căn cứ vào tính chất và cơ chế vận hành, thị trường được chia thành:

**A.** Thị trường ô tô, thị trường bảo hiểm, thị trường chứng khoán.

**C.** Thị trường tư liệu sản xuất, thị trường tư liệu tiêu dùng.

**D.** Thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường cạnh tranh không hoàn hảo.

**Câu 3:** Đâu không phải quy luật kinh tế?

**A.** Quy luật tiền tệ. **B.** Quy luật cung - cầu.

**C.** Quy luật cạnh tranh. **D.** Quy luật giá trị.

**Câu 4:** Những người sản xuất để cung cấp hàng hóa, dịch vụ ra thị trường đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội được gọi là chủ thể

**A.** sản xuất. **B.** nhà nước. **C.** phân phối. **D.** tiêu dùng.

**Câu 5:** Thị trường ra đời, phát triển gắn liền với sự phát triển của

**A.** kinh tế tự cấp tự túc. **B.** kinh tế hàng hóa.

**C.** kinh tế bộ lạc. **D.** kinh tế thời nguyên thủy.

**Câu 6:** Giá cả thị trường là

**A.** số tiền phải trả cho một hàng hoá để bù đắp chi phí sản xuất và lưu thông hàng hoá đó.

**B.** giá cả hàng hoá do người mua quyết định trên thị trường tại một thời điểm, địa điểm nhất định.

**C.** giá bán thực tế của hàng hoá do người bán quyết định tại một thời điểm, địa điểm nhất định.

**D.** giá bán thực tế của hàng hoá do tác động qua lại giữa các chủ thể kinh tế trên thị trường tại một thời điểm, địa điểm nhất định.

**Câu 7:** Việc làm nào dưới đây thể hiện trách nhiệm xã hội của hoạt động sản xuất?

**A.** Công ty H sản xuất hàng hóa gắn với bảo vệ môi trường.

**B.** Ông K xả chất thải chưa qua xử lý ra môi trường.

**C.** Công ti E làm giả hoá đơn để được miễn giảm thuế.

**D.** Cửa hàng xăng dầu A gia lận trong việc bán hàng.

**Câu 8:** Nơi diễn ra hoạt động trao đổi, mua bán hàng hoá được gọi là

**A.** kinh tế. **B.** bất động sản. **C.** thị trường. **D.** doanh nghiệp.

**Câu 9:** Đâu không phải là chức năng của giá cả thị trường?

**A.** Chức năng thông tin.

**B.** Chức năng phân bổ các nguồn lực.

**C.** Chức năng lưu thông hàng hóa.

**D.** Công cụ để Nhà nước thực hiện quản lí Nhà nước.

**Câu 10:** Trong nền kinh tế hàng hóa, người tiến hành các hoạt động mua hàng hóa, dịch vụ để thỏa mãn các nhu cầu tiêu dùng cá nhân được gọi là

**A.** chủ thể tiêu dùng. **B.** chủ thể trung gian.

**C.** chủ thể nhà nước. **D.** chủ thể sản xuất.

**Câu 11:** Trong nền kinh tế, chủ thể nào dưới đây đóng vai trò là chủ thể trung gian khi tham gia vào các quan hệ kinh tế?

**A.** Hộ kinh tế gia đình. **B.** Ngân hàng nhà nước.

**C.** Nhà đầu tư bất động sản. **D.** Trung tâm siêu thị điện máy.

**Câu 12:** Nông dân ở địa phương D chuyển từ trồng dưa hấu sang trồng chuối khi nhận thấy sức tiêu thụ dưa hấu chậm là biểu hiện nào của chức năng của thị trường?

**A.** Gắn kết nền kinh tế thành một chỉnh thể.

**B.** Gắn kết nền kinh tế quốc gia với nền kinh tế thế giới.

**C.** Thừa nhận giá trị và giá trị sử dụng.

**D.** Kích thích sự sáng tạo của mỗi chủ thể kinh tế.

**Câu 13:** Khi tiến hành phân bổ nguyên vật liệu của công ty tới các bộ phận khác nhau trong dây chuyền sản xuất, quá trình này này gắn liền với hoạt động nào dưới đây của nền kinh tế xã hội?

**A.** phân phối. **B.** trao đổi. **C.** sản xuất. **D.** tiêu dùng.

**Câu 14:** Đối tượng nào dưới đây **không** đóng vai trò là chủ thể trung gian?

**A.** Đại lý bán lẻ. **B.** Người mua hàng.

**C.** Nhà phân phối. **D.** Người môi giới việc làm.

**Câu 15:** Những người tham gia vào các hoạt động của nền kinh tế được gọi là

**A.** người tiêu dùng. **B.** chủ thể của nền kinh tế.

**C.** chủ thể sản xuất. **D.** người kinh doanh.

**Câu 16:** Mục đích cuối cùng của hoạt động kinh tế là tạo ra

**A.** các sản phẩm vô hình phục vụ con người.

**B.** sản phẩm thỏa mãn nhu cầu của con người.

**C.** các giá trị về mặt tinh thần và vật chất.

**D.** các sản phẩm hữu hình phục vụ con người.

**Câu 17:** Hệ thống các quan hệ mang tính điều chỉnh tuân theo yêu cầu của các quy luật kinh tế được gọi là

**A.** cơ chế thị trường. **B.** kinh tế thị trường.

**C.** giá cả thị trường. **D.** thị trường.

**Câu 18:** Trong nền kinh tế hàng hóa, chủ thể tiêu dùng thường gắn với việc làm nào dưới đây?

**A.** Giới thiệu việc làm. **B.** Phân phối hàng hóa.

**C.** Mua gạo về ăn. **D.** Sản xuất hàng hóa.

**Câu 19:** Trong nền kinh tế, chủ thể nào dưới đây đóng vai trò là chủ thể sản xuất?

**A.** Kho bạc nhà nước. **B.** Người hoạt động kinh doanh.

**C.** Ngân hàng nhà nước. **D.** Người tiêu dùng.

**Câu 20:** Đâu là ưu điểm của cơ chế thị trường?

**A.** Cơ chế thị trường đã khiến các chủ thể kinh tế cạnh tranh không lành mạnh vì chạy theo lợi nhuận.

**B.** Cơ chế thị trường tiềm ẩn nguy cơ khủng hoảng, có thể dẫn tới lạm phát.

**C.** Cơ chế thị trường đã làm khoảng cách giữa các tầng lớp dân cư trong xã hội ngày càng tăng lên

**D.** Cơ chế thị trường luôn đòi hỏi các chủ doanh nghiệp phải linh hoạt, sáng tạo để cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ có chất lượng.

**Câu 21:** Giá trị của hàng hóa được biểu hiện bằng lượng tiền nhất định được gọi là

**A.** giá trị trao đổi. **B.** Giá trị sử dụng.

**C.** Tiền tệ. **D.** giá cả thị trường.

**Câu 22:** Trong các hoạt động kinh tế, hoạt động nào đóng vai trò trung gian, kết nối người sản xuất với người tiêu dùng?

**A.** Hoạt động sản xuất - tiêu thụ. **B.** Hoạt động vận chuyển - tiêu dùng.

**C.** Hoạt động phân phối - trao đổi. **D.** Hoạt động sản xuất - vận chuyển.

**Câu 23:** Nền kinh tế là khái niệm dùng để chỉ tất cả các hoạt động kinh tế của

**A.** một quốc gia. **B.** một dân tộc.

**C.** toàn bộ các quốc gia. **D.** nhiều quốc gia.

**Câu 24:** Hành vi của chủ thể kinh tế nào sau đây không đúng?

**A.** Doanh nghiệp T tăng giá bán gas vì nhà cung cấp tăng giá.

**B.** Cửa hàng trà sữa Y tính thêm chi phí vào giá hàng hoá đối với dịch vụ giao hàng tận nơi.

**C.** Cửa hàng B ngừng bán xăng và treo biển “Hết xăng" khi thấy thông tin xăng tăng giá.

**D.** Khi giá hoa hồng tăng lên, nhiều hộ nông dân mở rộng quy mô trồng hoa

**Câu 25:** Đâu không phải là chức năng của giá cả?

**A.** Sự biến động của giá cả cung cấp thông tin để các chủ thể kinh tế điều chỉnh

**B.** Giá cả điều tiết quy mô sản xuất của các doanh nghiệp.

**C.** Giá cả điều tiết hành vi của người tiêu dùng.

**D.** Giá cả duy trì sự ổn định và phát triển kinh tế.

**Câu 26:** Phương án nào dưới đây thuộc thị trường các loại hàng hoá và dịch vụ?

**A.** Thị trường lao động. **B.** Thị trường tư liệu tiêu dùng.

**C.** Thị trường chứng khoán. **D.** Thị trường quốc tế.

**Câu 27:** Câu tục ngữ "Cá lớn nuốt cá bé" chỉ quy luật kinh tế nào?

**A.** Quỵ luật cung - cẩu. **B.** Quỵ luật cạnh tranh.

**C.** Quy luật giá trị. **D.** Quỵ luật lưu thông tiền tệ.

**Câu 28:** Trong các hoạt động của con người, hoạt động sản xuất đóng vai trò là hoạt động

**A.** thiết yếu nhất. **B.** bình thường nhất.

**C.** ít quan trọng. **D.** cơ bản nhất.

----------- HẾT ----------

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD & ĐT ĐAK LAK  **TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ**  *(28 câu trắc nghiệm)* | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HKI**  **NĂM HỌC 2022 - 2023**  **MÔN GDKTPL - LỚP 10**  *Thời gian làm bài* : **45 phút**  **Mã đề: 485** |

**PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (7 điểm)**

**Câu 1:** Những người tham gia vào các hoạt động của nền kinh tế được gọi là

**A.** người tiêu dùng. **B.** chủ thể của nền kinh tế.

**C.** chủ thể sản xuất. **D.** người kinh doanh.

**Câu 2:** Trong nền kinh tế, chủ thể nào dưới đây đóng vai trò là chủ thể sản xuất?

**A.** Kho bạc nhà nước. **B.** Người tiêu dùng.

**C.** Người hoạt động kinh doanh. **D.** Ngân hàng nhà nước.

**Câu 3:** Những người sản xuất để cung cấp hàng hóa, dịch vụ ra thị trường đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội được gọi là chủ thể

**A.** sản xuất. **B.** nhà nước. **C.** tiêu dùng. **D.** phân phối.

**Câu 4:** Căn cứ vào tính chất và cơ chế vận hành, thị trường được chia thành:

**A.** Thị trường ô tô, thị trường bảo hiểm, thị trường chứng khoán.

**B.** Thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường cạnh tranh không hoàn hảo.

**C.** Thị trường tư liệu sản xuất, thị trường tư liệu tiêu dùng.

**D.** Thị trường trong nước, thị trường ngoài nước.

**Câu 5:** Câu tục ngữ "Cá lớn nuốt cá bé" chỉ quy luật kinh tế nào?

**A.** Quỵ luật lưu thông tiền tệ. **B.** Quỵ luật cạnh tranh.

**C.** Quỵ luật cung - cẩu. **D.** Quy luật giá trị.

**Câu 6:** Đâu không phải là chức năng của giá cả thị trường?

**A.** Chức năng thông tin.

**B.** Chức năng lưu thông hàng hóa.

**C.** Chức năng phân bổ các nguồn lực.

**D.** Công cụ để Nhà nước thực hiện quản lí Nhà nước.

**Câu 7:** Trong nền kinh tế xã hội, hoạt động đóng vai trò cơ bản nhất, quyết định các hoạt động khác của đời sống xã hội là hoạt động

**A.** tiêu dùng. **B.** trao đổi. **C.** phân phối. **D.** sản xuất.

**Câu 8:** Trong các hoạt động kinh tế, hoạt động nào đóng vai trò trung gian, kết nối người sản xuất với người tiêu dùng?

**A.** Hoạt động sản xuất - tiêu thụ. **B.** Hoạt động phân phối - trao đổi.

**C.** Hoạt động vận chuyển - tiêu dùng. **D.** Hoạt động sản xuất - vận chuyển.

**Câu 9:** Trong nền kinh tế, chủ thể nào dưới đây đóng vai trò là chủ thể trung gian khi tham gia vào các quan hệ kinh tế?

**A.** Trung tâm siêu thị điện máy. **B.** Hộ kinh tế gia đình.

**C.** Nhà đầu tư bất động sản. **D.** Ngân hàng nhà nước.

**Câu 10:** Trong các hoạt động của con người, hoạt động sản xuất đóng vai trò là hoạt động

**A.** thiết yếu nhất. **B.** ít quan trọng.

**C.** bình thường nhất. **D.** cơ bản nhất.

**Câu 11:** Khi tiến hành phân bổ nguyên vật liệu của công ty tới các bộ phận khác nhau trong dây chuyền sản xuất, quá trình này này gắn liền với hoạt động nào dưới đây của nền kinh tế xã hội?

**A.** phân phối. **B.** trao đổi. **C.** sản xuất. **D.** tiêu dùng.

**Câu 12:** Việc làm nào dưới đây thể hiện trách nhiệm xã hội của hoạt động sản xuất?

**A.** Cửa hàng xăng dầu A gia lận trong việc bán hàng.

**B.** Ông K xả chất thải chưa qua xử lý ra môi trường.

**C.** Công ti E làm giả hoá đơn để được miễn giảm thuế.

**D.** Công ty H sản xuất hàng hóa gắn với bảo vệ môi trường.

**Câu 13:** Trong nền kinh tế hàng hóa, chủ thể tiêu dùng thường gắn với việc làm nào dưới đây?

**A.** Mua gạo về ăn. **B.** Phân phối hàng hóa.

**C.** Sản xuất hàng hóa. **D.** Giới thiệu việc làm.

**Câu 14:** Đâu là ưu điểm của cơ chế thị trường?

**A.** Cơ chế thị trường tiềm ẩn nguy cơ khủng hoảng, có thể dẫn tới lạm phát.

**B.** Cơ chế thị trường đã khiến các chủ thể kinh tế cạnh tranh không lành mạnh vì chạy theo lợi nhuận.

**C.** Cơ chế thị trường đã làm khoảng cách giữa các tầng lớp dân cư trong xã hội ngày càng tăng lên

**D.** Cơ chế thị trường luôn đòi hỏi các chủ doanh nghiệp phải linh hoạt, sáng tạo để cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ có chất lượng.

**Câu 15:** Nơi diễn ra hoạt động trao đổi, mua bán hàng hoá được gọi là

**A.** bất động sản. **B.** thị trường. **C.** kinh tế. **D.** doanh nghiệp.

**Câu 16:** Trong nền kinh tế hàng hóa, người tiến hành các hoạt động mua hàng hóa, dịch vụ để thỏa mãn các nhu cầu tiêu dùng cá nhân được gọi là

**A.** chủ thể sản xuất. **B.** chủ thể trung gian.

**C.** chủ thể tiêu dùng. **D.** chủ thể nhà nước.

**Câu 17:** Đâu không phải quy luật kinh tế?

**A.** Quy luật giá trị. **B.** Quy luật cung - cầu.

**C.** Quy luật cạnh tranh. **D.** Quy luật tiền tệ.

**Câu 18:** Mục đích cuối cùng của hoạt động kinh tế là tạo ra

**A.** sản phẩm thỏa mãn nhu cầu của con người.

**B.** các sản phẩm vô hình phục vụ con người.

**C.** các giá trị về mặt tinh thần và vật chất.

**D.** các sản phẩm hữu hình phục vụ con người.

**Câu 19:** Giá trị của hàng hóa được biểu hiện bằng lượng tiền nhất định được gọi là

**A.** giá trị trao đổi. **B.** Giá trị sử dụng.

**C.** Tiền tệ. **D.** giá cả thị trường.

**Câu 20:** Nông dân ở địa phương D chuyển từ trồng dưa hấu sang trồng chuối khi nhận thấy sức tiêu thụ dưa hấu chậm là biểu hiện nào của chức năng của thị trường?

**A.** Gắn kết nền kinh tế thành một chỉnh thể.

**B.** Thừa nhận giá trị và giá trị sử dụng.

**C.** Kích thích sự sáng tạo của mỗi chủ thể kinh tế.

**D.** Gắn kết nền kinh tế quốc gia với nền kinh tế thế giới.

**Câu 21:** Phương án nào dưới đây thuộc thị trường các loại hàng hoá và dịch vụ?

**A.** Thị trường quốc tế. **B.** Thị trường lao động.

**C.** Thị trường chứng khoán. **D.** Thị trường tư liệu tiêu dùng.

**Câu 22:** Đối tượng nào dưới đây **không** đóng vai trò là chủ thể trung gian?

**A.** Đại lý bán lẻ. **B.** Người mua hàng.

**C.** Người môi giới việc làm. **D.** Nhà phân phối.

**Câu 23:** Nền kinh tế là khái niệm dùng để chỉ tất cả các hoạt động kinh tế của

**A.** toàn bộ các quốc gia. **B.** một dân tộc.

**C.** một quốc gia. **D.** nhiều quốc gia.

**Câu 24:** Giá cả thị trường là

**A.** giá cả hàng hoá do người mua quyết định trên thị trường tại một thời điểm, địa điểm nhất định.

**B.** số tiền phải trả cho một hàng hoá để bù đắp chi phí sản xuất và lưu thông hàng hoá đó.

**C.** giá bán thực tế của hàng hoá do tác động qua lại giữa các chủ thể kinh tế trên thị trường tại một thời điểm, địa điểm nhất định.

**D.** giá bán thực tế của hàng hoá do người bán quyết định tại một thời điểm, địa điểm nhất định.

**Câu 25:** Thị trường ra đời, phát triển gắn liền với sự phát triển của

**A.** kinh tế bộ lạc. **B.** kinh tế tự cấp tự túc.

**C.** kinh tế hàng hóa. **D.** kinh tế thời nguyên thủy.

**Câu 26:** Đâu không phải là chức năng của giá cả?

**A.** Giá cả điều tiết quy mô sản xuất của các doanh nghiệp.

**B.** Sự biến động của giá cả cung cấp thông tin để các chủ thể kinh tế điều chỉnh

**C.** Giá cả duy trì sự ổn định và phát triển kinh tế.

**D.** Giá cả điều tiết hành vi của người tiêu dùng.

**Câu 27:** Hành vi của chủ thể kinh tế nào sau đây không đúng?

**A.** Cửa hàng B ngừng bán xăng và treo biển “Hết xăng" khi thấy thông tin xăng tăng giá.

**B.** Khi giá hoa hồng tăng lên, nhiều hộ nông dân mở rộng quy mô trồng hoa

**C.** Doanh nghiệp T tăng giá bán gas vì nhà cung cấp tăng giá.

**D.** Cửa hàng trà sữa Y tính thêm chi phí vào giá hàng hoá đối với dịch vụ giao hàng tận nơi.

**Câu 28:** Hệ thống các quan hệ mang tính điều chỉnh tuân theo yêu cầu của các quy luật kinh tế được gọi là

**A.** cơ chế thị trường. **B.** thị trường.

**C.** kinh tế thị trường. **D.** giá cả thị trường.

----------- HẾT ----------

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD & ĐT ĐAK LAK  **TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ**  *(28 câu trắc nghiệm)* | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HKI**  **NĂM HỌC 2022 - 2023**  **MÔN GDKTPL - LỚP 10**  *Thời gian làm bài* : **45 phút** |

**Mã đề: 357**

**PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (7 điểm)**

**Câu 1:** Đâu không phải quy luật kinh tế?

**A.** Quy luật tiền tệ. **B.** Quy luật giá trị.

**C.** Quy luật cung - cầu. **D.** Quy luật cạnh tranh.

**Câu 2:** Giá cả thị trường là

**A.** số tiền phải trả cho một hàng hoá để bù đắp chi phí sản xuất và lưu thông hàng hoá đó.

**B.** giá cả hàng hoá do người mua quyết định trên thị trường tại một thời điểm, địa điểm nhất định.

**C.** giá bán thực tế của hàng hoá do người bán quyết định tại một thời điểm, địa điểm nhất định.

**D.** giá bán thực tế của hàng hoá do tác động qua lại giữa các chủ thể kinh tế trên thị trường tại một thời điểm, địa điểm nhất định.

**Câu 3:** Những người sản xuất để cung cấp hàng hóa, dịch vụ ra thị trường đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội được gọi là chủ thể

**A.** tiêu dùng. **B.** nhà nước. **C.** phân phối. **D.** sản xuất.

**Câu 4:** Câu tục ngữ "Cá lớn nuốt cá bé" chỉ quy luật kinh tế nào?

**A.** Quỵ luật cung - cẩu. **B.** Quỵ luật cạnh tranh.

**C.** Quy luật giá trị. **D.** Quỵ luật lưu thông tiền tệ.

**Câu 5:** Trong nền kinh tế hàng hóa, người tiến hành các hoạt động mua hàng hóa, dịch vụ để thỏa mãn các nhu cầu tiêu dùng cá nhân được gọi là

**A.** chủ thể nhà nước. **B.** chủ thể tiêu dùng.

**C.** chủ thể sản xuất. **D.** chủ thể trung gian.

**Câu 6:** Trong nền kinh tế xã hội, hoạt động đóng vai trò cơ bản nhất, quyết định các hoạt động khác của đời sống xã hội là hoạt động

**A.** sản xuất. **B.** phân phối. **C.** trao đổi. **D.** tiêu dùng.

**Câu 7:** Trong nền kinh tế, chủ thể nào dưới đây đóng vai trò là chủ thể sản xuất?

**A.** Kho bạc nhà nước. **B.** Người tiêu dùng.

**C.** Người hoạt động kinh doanh. **D.** Ngân hàng nhà nước.

**Câu 8:** Nền kinh tế là khái niệm dùng để chỉ tất cả các hoạt động kinh tế của

**A.** một quốc gia. **B.** một dân tộc.

**C.** toàn bộ các quốc gia. **D.** nhiều quốc gia.

**Câu 9:** Căn cứ vào tính chất và cơ chế vận hành, thị trường được chia thành:

**A.** Thị trường ô tô, thị trường bảo hiểm, thị trường chứng khoán.

**B.** Thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường cạnh tranh không hoàn hảo.

**C.** Thị trường tư liệu sản xuất, thị trường tư liệu tiêu dùng.

**D.** Thị trường trong nước, thị trường ngoài nước.

**Câu 10:** Đâu không phải là chức năng của giá cả?

**A.** Sự biến động của giá cả cung cấp thông tin để các chủ thể kinh tế điều chỉnh

**B.** Giá cả điều tiết quy mô sản xuất của các doanh nghiệp.

**C.** Giá cả điều tiết hành vi của người tiêu dùng.

**D.** Giá cả duy trì sự ổn định và phát triển kinh tế.

**Câu 11:** Trong nền kinh tế, chủ thể nào dưới đây đóng vai trò là chủ thể trung gian khi tham gia vào các quan hệ kinh tế?

**A.** Trung tâm siêu thị điện máy. **B.** Nhà đầu tư bất động sản.

**C.** Hộ kinh tế gia đình. **D.** Ngân hàng nhà nước.

**Câu 12:** Khi tiến hành phân bổ nguyên vật liệu của công ty tới các bộ phận khác nhau trong dây chuyền sản xuất, quá trình này này gắn liền với hoạt động nào dưới đây của nền kinh tế xã hội?

**A.** phân phối. **B.** trao đổi. **C.** sản xuất. **D.** tiêu dùng.

**Câu 13:** Đối tượng nào dưới đây **không** đóng vai trò là chủ thể trung gian?

**A.** Đại lý bán lẻ. **B.** Người mua hàng.

**C.** Nhà phân phối. **D.** Người môi giới việc làm.

**Câu 14:** Hệ thống các quan hệ mang tính điều chỉnh tuân theo yêu cầu của các quy luật kinh tế được gọi là

**A.** giá cả thị trường. **B.** cơ chế thị trường.

**C.** thị trường. **D.** kinh tế thị trường.

**Câu 15:** Nơi diễn ra hoạt động trao đổi, mua bán hàng hoá được gọi là

**A.** bất động sản. **B.** kinh tế. **C.** thị trường. **D.** doanh nghiệp.

**Câu 16:** Những người tham gia vào các hoạt động của nền kinh tế được gọi là

**A.** người tiêu dùng. **B.** chủ thể của nền kinh tế.

**C.** chủ thể sản xuất. **D.** người kinh doanh.

**Câu 17:** Trong nền kinh tế hàng hóa, chủ thể tiêu dùng thường gắn với việc làm nào dưới đây?

**A.** Giới thiệu việc làm. **B.** Sản xuất hàng hóa.

**C.** Mua gạo về ăn. **D.** Phân phối hàng hóa.

**Câu 18:** Trong các hoạt động kinh tế, hoạt động nào đóng vai trò trung gian, kết nối người sản xuất với người tiêu dùng?

**A.** Hoạt động sản xuất - tiêu thụ. **B.** Hoạt động phân phối - trao đổi.

**C.** Hoạt động vận chuyển - tiêu dùng. **D.** Hoạt động sản xuất - vận chuyển.

**Câu 19:** Hành vi của chủ thể kinh tế nào sau đây không đúng?

**A.** Cửa hàng B ngừng bán xăng và treo biển “Hết xăng" khi thấy thông tin xăng tăng giá.

**B.** Khi giá hoa hồng tăng lên, nhiều hộ nông dân mở rộng quy mô trồng hoa

**C.** Doanh nghiệp T tăng giá bán gas vì nhà cung cấp tăng giá.

**D.** Cửa hàng trà sữa Y tính thêm chi phí vào giá hàng hoá đối với dịch vụ giao hàng tận nơi.

**Câu 20:** Giá trị của hàng hóa được biểu hiện bằng lượng tiền nhất định được gọi là

**A.** giá trị trao đổi. **B.** Giá trị sử dụng.

**C.** Tiền tệ. **D.** giá cả thị trường.

**Câu 21:** Nông dân ở địa phương D chuyển từ trồng dưa hấu sang trồng chuối khi nhận thấy sức tiêu thụ dưa hấu chậm là biểu hiện nào của chức năng của thị trường?

**A.** Gắn kết nền kinh tế thành một chỉnh thể.

**B.** Thừa nhận giá trị và giá trị sử dụng.

**C.** Kích thích sự sáng tạo của mỗi chủ thể kinh tế.

**D.** Gắn kết nền kinh tế quốc gia với nền kinh tế thế giới.

**Câu 22:** Việc làm nào dưới đây thể hiện trách nhiệm xã hội của hoạt động sản xuất?

**A.** Công ty E làm giả hoá đơn để được miễn giảm thuế.

**B.** Ông K xả chất thải chưa qua xử lý ra môi trường.

**C.** Cửa hàng xăng dầu A gia lận trong việc bán hàng.

**D.** Công ty H sản xuất hàng hóa gắn với bảo vệ môi trường.

**Câu 23:** Trong các hoạt động của con người, hoạt động sản xuất đóng vai trò là hoạt động

**A.** thiết yếu nhất. **B.** bình thường nhất.

**C.** ít quan trọng. **D.** cơ bản nhất.

**Câu 24:** Đâu là ưu điểm của cơ chế thị trường?

**A.** Cơ chế thị trường tiềm ẩn nguy cơ khủng hoảng, có thể dẫn tới lạm phát.

**B.** Cơ chế thị trường đã khiến các chủ thể kinh tế cạnh tranh không lành mạnh vì chạy theo lợi nhuận.

**C.** Cơ chế thị trường đã làm khoảng cách giữa các tầng lớp dân cư trong xã hội ngày càng tăng lên

**D.** Cơ chế thị trường luôn đòi hỏi các chủ doanh nghiệp phải linh hoạt, sáng tạo để cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ có chất lượng.

**Câu 25:** Phương án nào dưới đây thuộc thị trường các loại hàng hoá và dịch vụ?

**A.** Thị trường lao động. **B.** Thị trường tư liệu tiêu dùng.

**C.** Thị trường chứng khoán. **D.** Thị trường quốc tế.

**Câu 26:** Thị trường ra đời, phát triển gắn liền với sự phát triển của

**A.** kinh tế bộ lạc. **B.** kinh tế tự cấp tự túc.

**C.** kinh tế hàng hóa. **D.** kinh tế thời nguyên thủy.

**Câu 27:** Đâu không phải là chức năng của giá cả thị trường?

**A.** Chức năng phân bổ các nguồn lực.

**B.** Công cụ để Nhà nước thực hiện quản lí Nhà nước.

**C.** Chức năng thông tin.

**D.** Chức năng lưu thông hàng hóa.

**Câu 28:** Mục đích cuối cùng của hoạt động kinh tế là tạo ra

**A.** sản phẩm thỏa mãn nhu cầu của con người.

**B.** các giá trị về mặt tinh thần và vật chất.

**C.** các sản phẩm vô hình phục vụ con người.

**D.** các sản phẩm hữu hình phục vụ con người.

----------- HẾT ----------

**PHẦN II: TỰ LUẬN (3 điểm)**

**Câu 1 (2 điểm):** Em hãy nghiên cứu trường hợp dưới đây và trả lời câu hỏi:

Trên thị trường bất động sản, do việc đầu tư chưa phù hợp với khả năng tài chính của khách hàng nên lượng căn hộ chung cư cao cấp còn tồn động nhiều. Khảo sát nhu cầu thị trường, nhận thấy nhu cầu nhà ở của công nhân ở các khu công nghiệp rất lớn, công ty thương mại xây dựng Z đã chuyển hướng, triển khai dự án cung cấp các công trình nhà ở với diện tích nhỏ, nhưng nhiều tiện ích, giá cả phù hợp với khả năng thanh toán của công nhân. Chỉ sau một thời gian ngắn, toàn bộ các căn hộ đã được bán hết, mang lại lợi nhuận cao cho công ty.

1. Thị trường thể hiện chức năng thừa nhận hàng hóa như thế nào ?
2. Công ty Thương mại xây dựng TX đã vận dụng chức năng nào của thị trường để thu được lợi nhuận cao?

**Câu 2 (1 điểm):** Em đặt hàng qua mạng, khi nhận hàng em thấy chất lượng và mẫu mã của hàng thực tế không đúng như quảng cáo. Em sẽ làm gì trong trường hợp này.

**------HẾT------**

*(Học sinh không sử dụng tài liệu; Giáo viên không giải thích gì thêm)*

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD & ĐT ĐAK LAK  **TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ** | **ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HKI**  **NĂM HỌC 2022 - 2023**  **MÔN GDKTPL - LỚP 10** |

**PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (7 điểm)** Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm

**Mã đề: 132**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** |
| **A** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **B** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **C** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **D** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** |
| **A** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **B** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **C** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **D** |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Mã đề: 209**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** |
| **A** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **B** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **C** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **D** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** |
| **A** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **B** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **C** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **D** |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Mã đề: 357**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** |
| **A** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **B** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **C** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **D** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** |
| **A** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **B** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **C** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **D** |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Mã đề: 485**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** |
| **A** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **B** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **C** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **D** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** |
| **A** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **B** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **C** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **D** |  |  |  |  |  |  |  |  |

**PHẦN II: TỰ LUẬN (3 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU** | **NỘI DUNG** | **ĐIỂM** |
| 1 | a. Thị trường thể hiện chức năng thừa nhận hàng hoá:  - Nhiều căn hộ chung cư cao cấp không bán được (không được thị trường thừa nhận)  - Còn sản phẩm của Công ty Thương mại xây dựng Z bán hết trong một thời gian ngắn (được thị trường thừa). | 0,5  0,5 |
| b. Công ty Thương xây dựng Z đã vận dụng cả ba chức năng của thị trường.  - Chức năng thông tin  - Chức năng thừa nhận  - Chức năng điều tiết, kích thích hoặc hạn chế sản xuất và tiêu dùng | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| 2 | Trong trường hợp này, em sẽ:  + Phản hồi về mẫu mã và chất lượng sản phẩm tới người bán, yêu cầu họ đổi lại cho mình sản phẩm đúng.  + Nếu người bán hàng tỏ thái độ gian dối, không đổi lại sản phẩm, em sẽ cảnh báo những người tiêu dùng khác nên cân nhắc trước khi mua hàng (thông qua hành động: bình luận đánh giá/ chấm điểm cho shop; cảnh báo tới người thân, bạn bè…)  + Trong những lần mua hàng tiếp theo, em sẽ cân nhắc kĩ lưỡng hơn để lựa chọn những cửa hàng uy tín. | 0,25  0,5  0,25 |
| **TỔNG** | | **3,0 ĐIỂM** |

***TCT: 18 + 19 + 20***

***Ngày soạn:***

***Ngày dạy:***

***Lớp dạy:***

**BÀI 7**

**THUẾ VÀ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ THUẾ**

Thời lượng: 2 tiết

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Giải thích được vì sao Nhà nước phải thu thuế.

- Kể được tên một số loại thuế phổ biến.

- Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật thuế.

**2. Về năng lực**

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học đê’ có những kiến thức cơ bản về thuế.

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến thuế.

- Năng lực đặc thù:

+ Năng lực điều chỉnh hành vi: ủng hộ những hành vi chấp hành tốt và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật vế thuế.

+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Có hành vi đúng khi tham gia một số hoạt động liên quan đến thuế.

**3. Về phẩm chất**

- Trung thực, có trách nhiệm công dân trong việc tham gia một số hoạt động liên quan tới thuế.

- Yêu nước, tin tưởng vào đường lối phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.**

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;

- Kế hoạch dạy học, tranh ảnh, video clip về thuế;

- Máy tính, máy chiếu, bài giảng PowerPoint,...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**TIẾT 1:**

**1. Hoạt động: mở đầu**

**a) Mục tiêu:**

HS huy động những kiến thức, kinh nghiệm của bản thân về những vấn đề có liên quan đến thuế; tạo hứng thú, tâm thế học tập để dẫn vào bài mới.

**b) Nội dung:**

Học sinh cùng làm việc cá nhân, quan sát tranh, suy nghĩ và trả lời câu hỏi về đối tượng chịu thuế và đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng

**c) Sản phẩm:**

Học sinh bước đầu nhận biết được thuế và vai trò của thuế. *Thuế giá trị gia tăng: là loại thuế được tính cộng vào giá bán của các loại hàng hóa, dịch vụ trong đơn hàng, do người tiêu dùng thanh toán, chi trả khi sử dụng hàng hóa, dịch vụ đó.*

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

Học sinh cùng làm việc cá nhân, quan sát tranh, suy nghĩ và trả lời câu hỏi về đối tượng chịu thuế và đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng.

***Thực hiện nhiệm vụ học tập***

HS quan sát hình ảnh, đọc câu hỏi, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.

***Báo cáo kết quả và thảo luận***

- Giáo viên gọi một số học sinh trả lời câu hỏi.

- Học sinh chia sẻ thêm một số hiểu biết của mình về thuế giá trị gia tăng.

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Giáo viên nhận xét tổng hợp ý kiến trả lời của các học sinh.

**Gv nhấn mạnh:**

Thuế là một nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước. Mỗi loại thuế mà Nhà nước ban hành đều nhằm mục đích tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Thuế gắn liền với tăng trưởng kinh tế, công bằng trong phân phối và sự ổn định xã hội. Bài học này sẽ giúp các em hiểu bản chất, vai trò của thuế, nhận diện được một số loại thuế cơ bản, hiểu được việc nộp thuế là quyền lợi và nghĩa vụ của công dân.

**2. Hoạt động: Khám phá**

**Nội dung 1: 1. Thuế và một số loại thuế phổ biến**

**a) Mục tiêu:**

HS nêu được khái niệm thuế.

**b) Nội dung:**

Học sinh làm việc theo theo nhóm, các nhóm cùng nhau nghiên cứu 3 thông tin trong sách giáo khoa và chia sẻ hiểu biết của mình về thuế.

**c) Sản phẩm:**

HS giải thích được thuế là gì.

Hiểu biết về thuế: Thuế là một khoản nộp ngân sách nhà nước bắt buộc của tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân theo quy định của các luật thuế.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Học sinh làm việc theo theo nhóm, các nhóm cùng nhau nghiên cứu 3 thông tin trong sách giáo khoa và chia sẻ hiểu biết của mình về thuế.  ***Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - Học sinh đọc thông tin.  - Học sinh làm việc cá nhân: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.  ***Báo cáo kết quả và thảo luận***  - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra.  - Các học sinh còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.  - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: *Những chủ thể nào có nghĩa vụ phải nộp thuế?*  ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét.  - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật khái niệm thuế.  **Gv nhấn mạnh:**  Thuế là khoản thu bắt buộc mang tính cưỡng chế bằng sức mạnh của nhà nước mà các chủ thề kinh tế có nghĩa vụ phải nộp vào ngân sách nhà nước khi có đủ những điều kiện nhất định. | **1. Thuế và một số loại thuế phổ biến**  ***a. Thuế là gì***  Thuế là một khoản ngân sách nhà nước bắt buộc của tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân theo quy định của các luật thuế. |

**Nội dung 2:** Tìm hiểu nội dung **1.b. Một số loại thuế phổ biến**

**a) Mục tiêu:**

HS nêu được một số loại thuế phổ biến.

**b) Nội dung:**

Học sinh làm việc theo nhóm, các nhóm cùng nhau quan sát thông tin là bảng thống kê dự toán các khoản thu chi từ thuế và trả lời câu hỏi sách giáo khoa

- Hãy liệt kê các loại thuế trong thông tin trên.

- Chia sẻ hiểu biết của em về một loại thuế vừa nêu.

**c) Sản phẩm:**

HS trả lời được câu hỏi trong sách giáo khoa và hiểu được:

- Các loại thuế trong thông tin trên:

+ Thuế GTGT

+ Thuế TTĐB

+ Thuế bảo vệ môi trường

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp

+ Thuế thu nhập cá nhân

+ Thuế tài nguyên

+ Thuế xuất, nhập khẩu

+ Thuế sử dụng đất nông nghiệp

+ Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

- Hiểu biết của về thuế thu nhập cá nhân:

 Thuế thu nhập cá nhân (Personal income tax) là khoản tiền mà người có thu nhập phải trích nộp trong một phần tiền lương, hoặc từ các nguồn thu khác vào ngân sách nhà nước sau khi đã được giảm trừ. Thuế thu nhập cá nhân không đánh vào những cá nhân có thu nhập thấp, do đó, khoản thu này sẽ công bằng với mọi đối tượng trong, góp phần làm giảm khoảng cách chênh lệch giữa các tầng lớp trong xã hội.

   Có 2 đối tượng phải nộp thuế thu nhập cá nhân: Cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú tại Việt Nam có thu nhập chịu thuế. Cụ thể:

+ Với cá nhân cư trú: Thu nhập chịu thuế là khoản phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam (không phân biệt nơi trả thu nhập).

+ Với cá nhân không cư trú: Thu nhập chịu thuế là thu nhập phát sinh tại Việt Nam (không phân biệt nơi trả và nhận thu nhập).

  Vai trò của Thuế thu nhập cá nhân: Tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước; Góp phần thực hiện công bằng xã hội; Điều tiết vĩ mô nền kinh tế; Phát hiện thu nhập bất hợp pháp; Khắc phục hạn chế của các loại thuế khác; Hạn chế thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Học sinh làm việc theo nhóm, các nhóm cùng nhau quan sát thông tin là bảng thống kê dự toán các khoản thu chi từ thuế và trả lời câu hỏi sách giáo khoa  *- Hãy liệt kê các loại thuế trong thông tin trên.*  *- Chia sẻ hiểu biết của em về một loại thuế vừa nêu.*  ***Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - Học sinh cùng nhau đọc thông tin.  - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và thảo luận câu hỏi giáo viên đặt ra.  ***Báo cáo kết quả và thảo luận***  - Giáo viên gọi đại diện nhóm cử học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu của nhóm mình.  - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.  ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - Giáo viên nhận xét bài trả lời của các nhóm đã được yêu cầu trình bày và nhóm tiến hành nhận xét.  - Giáo viên chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm.  - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để thấy được tính cần thiết của việc nhà nước ban hành các loại thuế. | **1. Thuế và một số loại thuế phổ biến**  ***b. Một số loại thuế phổ biến***  Thuế trực thu là loại thuế điều tiết trực tiếp vào thu nhập hoặc tài sản của người nộp thuế. Thuế trực thu có:  + Thuế thu nhập doanh nghiệp.  + Thuế thu nhập cá nhân.  + ...  Thuế gián thu là thuế điều tiết gián tiếp thông qua giá cả hàng hoá, dịch vụ. Thuế gián thu có:  + Thuế giá trị gia tăng  + Thuế tiêu thụ đặc biệt  +Thuế xuất khẩu, nhập khẩu  + Thuế bảo vệ môi trường. |

**Nội dung 3: 2. Vai trò của thuế**

**a) Mục tiêu:**

HS nêu được vai trò cơ bản của thuế.

**b) Nội dung:**

Học sinh cùng làm việc theo nhóm, đọc thông tin trong sách giáo khoa, quan sát sơ đồ và trả lời câu hỏi sau:

*- Thuế đóng vai trò như thế nào?*

*- Theo em, vì sao Nhà nước phải thu thuế?*

**c) Sản phẩm:**

\* HS đọc thông tin và trả lời được các câu hỏi đặt ra

- Vai trò của thuế:

Là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước. Đây là nguồn thu quan trọng nhất, mang tính chất ổn định, lâu dài cho ngân sách nhà nước.

Là công cụ điều tiết kinh tế vĩ mô như kiềm chế lạm phát, ổn định giá cả, kích thích đầu tư, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững.

Điều tiết thu nhập, thực hiện công bằng an sinh xã hội.

- Nhà nước phải thu thuế:

Để đảm bảo nguồn thu chính cho ngân sách.

Ngân sách nhà nước được duy trì ổn định thì đất nước mới phát triển bền vững, đời sống người dân được nâng cao.

Việc thu thuế cũng là để đảm bảo công bằng xã hội, giảm sự chênh lệch giàu, nghèo.

*­*\* HS rút ra được vai trò của thuế.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Học sinh cùng làm việc theo nhóm, đọc thông tin trong sách giáo khoa, quan sát sơ đồ và trả lời câu hỏi sau  - Thuế đóng vai trò như thế nào?  - Theo em, vì sao Nhà nước phải thu thuế?  **Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận.  - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.  ***Báo cáo kết quả và thảo luận***  - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra  - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.  - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: *Nhà nước sử dụng thuế để thực hiện nhiệm vụ gì?*  ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét.  **Gv nhấn mạnh:**  Thuế góp phần điều tiết thu nhập, thực hiện công bằng xã hội, đảm bảo cân bằng lợi ích trong xã hội. | **2. Vai trò của thuế**  Thuế là nguồn thu chính của ngân sách nhà nước.  Thuế là công cụ quan trọng để nhà nước điều tiết thị trường. Qua thuế, nhà nước hướng dẫn tiêu dùng theo hướng tích cực, bảo vệ thị trường trong nước.  Thuế góp phần điều tiết thu nhập, thực hiện công bằng xã hội, đảm bảo cân bằng lợi ích trong xã hội. |

**TIẾT 2**

**Nội dung 4:** **3. Quyền và nghĩa vụ công dân trong thực hiện pháp luật về thuế**

**a) Mục tiêu:**

HS nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật thuế.

**b) Nội dung:**

Học sinh làm việc cá nhân, đọc thông tin trong sách giáo khoa trang 42 và nhận xét về hành vi thực hiện pháp luật về thuế của anh A.

**c) Sản phẩm:**

- HS trả lời được các câu hỏi liên quan đến thông tin sách giáo khoa đưa ra

Hành động trốn thuế của anh A là trái với qui định của pháp luật, vi phạm qui định về việc đóng thuế thu nhập cá nhân.

- HS rút ra được một số quy định của pháp luật liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc thực hiện pháp luật về thuế.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Học sinh làm việc cá nhân, đọc thông tin trong SGK trang 42 và nhận xét về hành vi thực hiện pháp luật về thuế của anh A.  ***Thực hiện nhiệm vụ học tập***  Học sinh làm việc cá nhân, đọc thông tin, suy nghĩ và trả lời câu hỏi  ***Báo cáo kết quả và thảo luận***  - Giáo viên gọi một số học sinh chia sẻ suy nghĩ của bản thân về nhân vật.  + Các nhóm còn lại sẽ nhận xét và góp ý.  - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung cho các nhóm.  *Công dân có quyền và nghĩa vụ như thế nào trong việc thực hiện pháp luật về thuế?*  ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - Giáo viên nhận xét bài trả lời của từng nhóm.  - Giáo viên chốt kiến thức làm rõ từng hoạt động mà học sinh đã tìm được.  **Gv nhấn mạnh:**  *Mọi công dân đều có quyền và nghĩa vụ trong việc thực hiện pháp luật về thuế bằng những việc làm cụ thể, thiết thực*  Những thông tin về thuế có trong Luật Quản lí thuế năm 2019 và các luật, nghị định về thuế có liên quan. | **3. Quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật về thuế.**  - Công dân có nghĩa vụ khai và nộp thuế đầy đủ, trung thực, đúng thời hạn.  - Công dân được hưởng lợi ích từ thuế qua các hàng hoá, dịch vụ công cộng do nhà nước cung cấp. |

**3. Hoạt động: Luyện tập**

**Bài tập 1:** *Em đồng tình/không đồng tình với ý kiến nào sau đây? Vì sao?*

**a) Mục tiêu:**

HS củng cố tri thức đã khám phá về các loại thuế; quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật thuế.

**b) Nội dung:**

Học sinh làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể.

**c) Sản phẩm:**

HS chỉ ra được

- Em đồng tình với các ý kiến a, b, c, d, e.

- Em không đồng tình với ý kiến đ

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân.

Các học sinh suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể.

***Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- Học sinh làm việc theo theo cá nhân.

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời.

***Báo cáo kết quả và thảo luận***

Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung.

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tìm hiểu về ngân sách nhà nước.

**Bài tập 2:** Em hãy đọc trường hợp sau và trả lời câu hỏi:

**a) Mục tiêu:**

Học sinh vận dụng được các kiến thức cơ bản về thuế vào lý giải các hiện tượng kinh tế đang diễn ra trong xã hội

**b) Nội dung.** Học sinh thảo luận nhóm, các nhóm cùng nghiên cứu trường hợp sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi:

*- Em có nhận xét gì về hành vi của Công ty A trong trường hợp trên?*

*- Em đồng tình hay không đồng tình với cách xử lí của Chi cục? Vì sao?*

**c) Sản phẩm:**

\* HS chỉ ra được

- Hành vi trốn của Công ty A là vi phạm pháp luật.

=> Công ty này đã không trung thực trong việc khai báo giá trị lô hàng vừa nhập.

- Em đồng tình với cách xử lí của Chi cục.

\* Giải thích: Chi cục đã xử phạt Công ty A theo đúng qui định của pháp luật.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

Học sinh thảo luận nhóm, các nhóm cùng nghiên cứu trường hợp sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi.

*- Em có nhận xét gì về hành vi của Công ti A trong trường hợp trên?*

*- Em đồng tình hay không đồng tình với cách xử lí của Chi cục? Vì sao?*

***Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm.

- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho tình huống.

- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp.

***Báo cáo kết quả và thảo luận***

Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời.

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tham gia vào các hoạt động kinh tế.

**Bài tập 3:** Em hãy nhận xét hành vi thực hiện pháp luật về thuế của chủ thể kinh tế trong các trường hợp dưới đây:

**a) Mục tiêu:**

Học sinh vận dụng được các kiến thức cơ bản về thuế vào lý giải các hiện tượng kinh tế đang diễn ra trong xã hội.

**b) Nội dung:**

GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm nội dung các tình huống, đưa ra cách xử lí.

**c) Sản phẩm:**

HS chỉ ra được

Hành vi thực hiện pháp luật về thuế của chủ thể kinh tế trong các trường hợp:

 - **Trường hợp 1**: Doanh nghiệp N đã vi phạm qui định của Nhà nước do không đóng thuế đúng thời hạn.

 - **Trường hợp 2**: Anh A đã nghiêm chỉnh chấp hành, thực hiện qui định về việc đóng thuế thu nhập cá nhân.

 - **Trường hợp 3**: Chị B đã vi phạm qui định của Nhà nước về việc đăng kí mã số thuế và nộp thuế theo qui định.

 - **Trường hợp 4**: Việc làm của Công ty M nhằm bảo mật các thông tin liên quan đến công ty. Ngoài các thông tin cần thiết theo qui định của pháp luật, công ti không cần phải công khai các thông tin khác.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm

Các nhóm cùng nghiên cứu 3 trường hợp sách giáo khoa đưa ra và thể hiện rõ những hiểu biết của mình qua việc lý giải việc vi phạm pháp luật về thuế trong 4 tình huống đó.

***Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm.

- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống.

- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp.

***Báo cáo kết quả và thảo luận***

Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời.

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi thực hiện pháp luật về thuế.

**Bài tập 4:** Em hãy lập bảng so sánh sự giống nhau và khác nhau giữa thuế trực thu và thuế gián thu. Lấy ví dụ minh họa.

**a) Mục tiêu:**

Học sinh vận dụng được các kiến thức cơ bản về thuế vào lý giải các hiện tượng kinh tế đang diễn ra trong xã hội.

**b) Nội dung:**

GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm nội dung các tình huống, đưa ra cách xử lí.

**c) Sản phẩm:**

HS chỉ ra được

+ Điểm giống nhau và điểm khác nhau giữa 2 loại thuế trên

+ Lấy ví dụ về từng loại để minh họa

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm.

Các nhóm cùng tìm hiểu và hoàn thành phiếu học tập.

***Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm.

- Các nhóm suy nghĩ, tìm hiểu để chỉ ra sự giống và khác nhau.

- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp.

***Báo cáo kết quả và thảo luận***

Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng nội dung cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời.

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi thực hiện pháp luật về thuế.

**4. Hoạt động: Vận dụng**

**Bài tập 1:** Em hãy tìm thông tin và liệt kê các loại thuế được tính khi người thân trong gia đình hoặc một cá nhân có nhu cầu mua các mặt hàng điện tử, xe ô tô, xe gắn máy,...

**a) Mục tiêu:**

HS tự giác áp dụng những điều đã học về thuế vào thực tiễn từ đó đưa ra những nhận định đánh giá của bản thân.

**b) Nội dung:**

Em hãy tìm thông tin và liệt kê các loại thuế được tính khi người thân trong gia đình hoặc một cá nhân có nhu cầu mua các mặt hàng điện tử, xe ô tô, xe gắn máy,...Học sinh làm việc cá nhân trao đổi, chia sẻ với người thân trong gia đình để phân biệt được một số loại thuế thường gặp.

**c) Sản phẩm:**

Học sinh phân biệt được các loại thuế mà công dân thường xuyên tiếp xúc trong đời sống hàng ngày.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

Em hãy tìm thông tin và liệt kê các loại thuế được tính khi người thân trong gia đình hoặc một cá nhân có nhu cầu mua các mặt hàng điện tử, xe ô tô, xe gắn máy,... Học sinh làm việc cá nhân trao đổi, chia sẻ với người thân trong gia đình để phân biệt được một số loại thuế thường gặp.

***Thực hiện nhiệm vụ học tập***

Học sinh làm việc ở nhà, bài viết phải thể hiện rõ quan điểm của bản thân.

***Báo cáo kết quả và thảo luận***

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ bài viết của mình.

- Hoặc giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi.

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về thuế.

**Bài tập 2:** Em hãy vẽ sơ đồ tư duy về quyền và nghĩa vụ của công dân trong thực hiện pháp luật về thuế để tuyên truyền cho bạn bè, người thân.

**a) Mục tiêu:**

HS tăng cường ý thức và kĩ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo.

**b) Nội dung:**

Học sinh làm việc theo nhóm, cùng nhau lên ý tưởng về nội dung, hình thức và cách tiến hành để hoàn thành sơ đồ tư duy về quyền và nghĩa vụ của công dân trong thực hiện pháp luật về thuế.

**c) Sản phẩm:**

HS có ý thức và kỹ năng tuyên tuyền cho mọi người cùng thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân trong thực hiện luật thuế

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

Vẽ sơ đồ tư duy về quyền và nghĩa vụ của công dân trong thực hiện pháp luật về thuế để tuyên truyền cho bạn bè, người thân.

***Thực hiện nhiệm vụ học tập***

Học sinh làm việc theo nhóm, cùng nhau lên ý tưởng về nội dung, hình thức và cách tiến hành để hoàn thành sơ đồ tư duy về quyền và nghĩa vụ của công dân trong thực hiện pháp luật về thuế.

***Báo cáo kết quả và thảo luận***

- Giáo viên bố trí thời gian để học sinh có thể báo cáo trước lớp, các nhóm khác cùng bổ sung hoàn thiện.

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

*-* Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra cũng như việc thuyết trình của các nhóm, giáo viên đánh giá kết luận về việc thực hiện nhiệm vụ của mỗi nhóm, xếp loại cho mỗi báo cáo.

***TCT: 21 + 22 + 23 + 24***

***Ngày soạn:***

***Ngày dạy:***

***Lớp dạy:***

**BÀI 8**

**SẢN XUẤT KINH DOANH**

**VÀ CÁC MÔ HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH**

Thời lượng: 4 tiết

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Nêu được vai trò của sản xuất kinh doanh.

- Nhận biết được một số mô hình sản xuất kinh doanh và đặc điểm của nó.

**2. Về năng lực**

*- Năng lực chung:*

+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến sản xuất kinh doanh và lựa chọn mô hình sản xuất kinh doanh.

*- Năng lực đặc thù:*

+ Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về hoạt động sản xuất kinh doanh; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước khi tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh; Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức và chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm chuẩn mực đạo đức, pháp luật khi tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh trong xã hội.

+ Năng lực phát triển bản thân: Có ý tưởng trong việc lựa chọn mô hình hoạt động kinh tế trong tương lai đối với bản thân.

+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu, tham gia và vận động người khác tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với lứa tuổi; Bước đầu đưa ra các quyết định hợp lí và tham gia giải quyết được một số vấn đề của cá nhân, gia đình và cộng đồng bằng các hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật và lứa tuổi trong việc lựa chọn mô hình và tham gia sản xuất kinh doanh.

**3. Về phẩm chất**

- Trung thực và có trách nhiệm công dân khi tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với lứa tuổi.

- Yêu nước, tin tưởng vào sự phát triển kinh tế của đất nước.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.**

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;

- Tranh/ảnh, clip và các mẩu chuyện về mô hình sản xuất kinh doanh;

- Đồ dùng đơn giản để sắm vai;

- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**TIẾT 1:**

**1. Hoạt động: Mở đầu**

**a) Mục tiêu:**

Giới thiệu mục tiêu bài học, nội dung chính của bài học, khai thác vốn sống, trải nghiệm của bản thân HS vể vai trò của sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh; tạo hứng thú và những hiểu biết ban đầu của HS về bài học mới.

**b) Nội dung:**

Học sinh làm việc cá nhân, quan sát các bức tranh, suy nghĩ và trả lời câu hỏi

*Em hãy quan sát các tranh dưới đây và chia sẻ hiểu biết của mình về vai trò của hoạt động sản xuất, kinh doanh được mô tả?*

**c) Sản phẩm:**

Nhận biết, phân biệt được các mô hình sản xuất kinh doanh đang diễn ra cũng như xác định rõ vai trò của từng hoạt động thể hiện trong mỗi bức tranh.

*Hoạt động sản xuất, kinh doanh được mô tả trong tranh là hoạt động sản xuất, chế biến và phân phối chè.*

*Tranh 1: Công đoạn thu hái chè.*

*Tranh 2: Công đoạn chế biến từ lá chè tươi thành chè khô.*

*Tranh 3: Chè được đóng gói, vận chuyển đến các cửa hàng, siêu thị*

*Tranh 4: Phân phối ra thị trường.*

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

Học sinh làm việc cá nhân, quan sát các bức tranh, suy nghĩ và trả lời câu hỏi

*Em hãy quan sát các tranh dưới đây và chia sẻ hiểu biết của mình về vai trò của hoạt động sản xuất, kinh doanh được mô tả.*

***Thực hiện nhiệm vụ học tập***

HS làm việc cá nhân, hoàn thành nhiệm vụ vào vở, chia sẻ với các bạn xung quanh về nhiệm vụ được giao.

***Báo cáo kết quả và thảo luận***

- Giáo viên yêu cầu một số học sinh trình bày việc chuẩn bị của bản thân mình

- Các học sinh khác chủ động tìm hiểu, góp ý, bổ sung hoàn thiện

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

***Gv nhấn mạnh:***

Nhiều người trong chúng ta đã và đang tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không phải ai cũng nhận thức được đầy đủ vai trò của sản xuất kinh doanh cũng như biết lựa chọn cho mình một mô hình phù hợp để đảm bảo kinh doanh hiệu quả, thành công. Bài học này sẽ giúp các em hiểu rõ hơn vai trò của sản xuất kinh doanh, biết được một số mô hình sản xuất kinh doanh để có thể lựa chọn cho bản thân và gia đình trong hiện tại và tương lai.

**2. Hoạt động: Khám phá**

**Nội dung 1:** Tìm hiểu nội dung **1. Vai trò của sản xuất kinh doanh”**

**a) Mục tiêu:**

HS nêu được vai trò của sản xuất kinh doanh.

**b) Nội dung:**

Học sinh làm việc theo nhóm, các nhóm cùng nhau tìm hiểu và phân tích thông tin trong SGK đưa ra và trả lời câu hỏi:

*- Điểm nổi bật trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty A là gì?*

*- Hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại giá trị gì cho Công ty A và xã hội?*

**c) Sản phẩm:**

HS giải thích được hoạt động kinh doanh của công ty A và giá trị mà công ty A mang lại

*- Điểm nổi bật trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ti A:*

*Công ti có hệ thống dây chuyền máy móc, nhà xưởng, công nghệ hiện đại cùng những lao động có tay nghề cao.*

*Cung cấp nguyên vật liệu uy tín cho các đơn vị cùng ngành.*

*- Hoạt động sản xuất kinh doanh đã mang lại cho Công ti A doanh thu cao, chiếm được một vị thế tốt trên thị trường và đóng góp cho sự tăng trưởng kinh tế địa phương.*

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Học sinh làm việc theo nhóm, các nhóm cùng nhau tìm hiểu và phân tích thông tin trong SGK đưa ra và trả lời câu hỏi:  *- Điểm nổi bật trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty A là gì?*  *- Hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại giá trị gì cho Công ty A và xã hội?*  ***Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - Học sinh đọc thông tin cùng nhau trao đổi và thảo luận để giải quyết vấn đề.  - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.  ***Báo cáo kết quả và thảo luận***  - Giáo viên gọi một số học sinh đại diện các nhóm đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra  - Các học sinh còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.  - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: *Sản xuất kinh doanh có vai trò như thế nào đối với sự phát triển của xã hội?*  ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét.  - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật vai trò của hoạt động sản xuất kinh doanh.  **Gv nhấn mạnh:**  *Kinh doanh là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả công đoạn của quá trình từ đầu tư, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích thu được lợi nhuận. Sản xuất kinh doanh là hoạt động sản xuất ra sản phẩm hàng hoá/dịch vụ để đáp ứng nhu cầu của thị trường, nhằm mục đích thu được lợi nhuận.* | **1. Vai trò của sản xuất kinh doanh**  ***\* Khái niệm sản xuất kinh doanh:***  Sản xuất kinh doanh là quá trình sử dụng lao động, đất đai, vốn, nguyên - nhiên vật liệu, khoa học kĩ thuật và các nguồn lực khác để tạo ra sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đáp ứng nhu cầu xã hội và thu về lợi nhuận.  ***\* Vai trò của sản xuất kinh doanh:***  + Cung cấp các sản phẩm đầu vào cho quá trình sản xuất;  + Cung cấp các hàng hoá hoặc dịch vụ cho người tiêu dùng;  + Giải quyết việc làm cho người lao động;  + Thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế. |

**Nội dung 2:** Tìm hiểu nội dung **2. Một số mô hình sản xuất kinh doanh**

**a) Mục tiêu:**

HS nhận biết được mô hình hộ sản xuất kinh doanh và đặc điểm của mô hình này.

**b) Nội dung:**

Học sinh tiếp tục cùng làm việc theo nhóm suy nghĩ về thông tin trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi

*Nêu những đặc điểm và hiệu quả của mô hình hộ sản xuất kinh doanh trên?*

**c) Sản phẩm:**

HS đọc thông tin và trả lời được các câu hỏi đặt ra

*Những đặc điểm và hiệu quả của mô hình hộ sản xuất kinh doanh trên:*

**- Đặc điểm***: mô hình vườn ao chuồng => nuôi lợn, cá, gà vịt, đồng thời kết hợp trồng xoài, đầu tư máy gặt cho thuê.*

**- Hiệu quả của mô hình:**

*Nhờ tham gia các lớp tập huấn, hội thảo, mô hình kinh doanh của chị T đã đạt được kết quả tích cực, tạo công ăn việc làm cho 6 công nhân ở địa phương.*

*Gia đình chị T đã được chính quyền tuyên dương là hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi.*

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Học sinh tiếp tục cùng làm việc theo nhóm suy nghĩ về thông tin trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi:  *Nêu những đặc điểm và hiệu quả của mô hình hộ sản xuất kinh doanh trên?*  ***Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận.  - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.  ***Báo cáo kết quả và thảo luận***  - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra  - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.  - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: *Hộ sản xuất kinh doanh có ưu điểm và hạn chế gì?*  ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét.  - Giáo viên chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm.  **Gv nhấn mạnh:**  Hộ sản xuất kinh doanh là mô hình sản xuất kinh doanh do cá nhân hoặc một nhóm người là công dân Việt Nam đủ 18 tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, hoặc một hộ gia đình làm chủ, tự tổ chức sản xuất kinh doanh theo định hướng phát triển kinh tế của Nhà nước, địa phương và quy định của pháp luật, tự chủ trong quản lí và tiêu thụ sản phẩm. | **2. Một số mô hình sản xuất kinh doanh**  ***a. Mô hình hộ sản xuất kinh doanh***  **\* *Khái niệm:*** Hộ kinh doanh do một cá nhân hoặc các thành viên hộ gia đình đăng kí thành viên và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh của hộ.  ***\* Ưu điểm, hạn chế*:** Có quy mô nhỏ lẻ, bộ máy quản lí gọn nhẹ, dễ tạo việc làm nhưng khó huy động vốn nên khó tăng quy mô và đầu tư trang thiết bị, khó đáp ứng yêu cầu của khách hàng lớn. |

**TIẾT 2**

**Nội dung 3:** Tìm hiểu nội dung **2.b. Mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã**

**a) Mục tiêu:**

HS nhận biết được mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và đặc điểm của mô hình này.

**b) Nội dung:**

Học sinh làm việc theo nhóm, các nhóm cùng nhau đọc thông tin 1 và 2 trong sách giáo khoa và trả lời các câu hỏi:

*- Hợp tác xã Q và Liên hiệp Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp M được thành lập theo cách thức nào và hoạt động dựa trên nguyên tắc nào?*

*- Mô hình hợp tác xã có ưu điểm như thế nào so với mô hình hộ sản xuất kinh doanh?*

**c) Sản phẩm:**

\* HS trả lời được câu hỏi trong sách giáo khoa

*Hợp tác xã Q và Liên hiệp Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp M được thành lập theo cách thức đồng sở hữu, do các thành viên tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.*

*=> Các hợp tác xã hoạt động trên nguyên tắc tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lí.*

*- Ưu điểm của mô hình hợp tác xác so với mô hình hộ sản xuất kinh doanh là: đối với mô hình Hợp tác xã, các thành viên có sự tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.*

*\** Học sinh nêu được khái niệm mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và đặc điểm của các loại hình đó.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Học sinh làm việc theo nhóm, các nhóm cùng nhau đọc thông tin 1 và 2 trong sách giáo khoa và trả được câu hỏi  *- Hợp tác xã Q và Liên hiệp Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp M được thành lập theo cách thức nào và hoạt động dựa trên nguyên tắc nào?*  *- Mô hình hợp tác xã có ưu điểm như thế nào so với mô hình hộ sản xuất kinh doanh?*  ***Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - Học sinh cùng nhau đọc thông tin 1 và 2  - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và thảo luận câu hỏi giáo viên đặt ra.  ***Báo cáo kết quả và thảo luận***  - Giáo viên gọi đại diện nhóm cử học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu của nhóm mình.  - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.  - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: *Việc tổ chức mô hình hợp tác xã và liên minh hợp tác xã có ưu điểm và hạn chế gì?*  ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - Giáo viên nhận xét bài trả lời của các nhóm đã được yêu cầu trình bày và nhóm tiến hành nhận xét.  - Giáo viên chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm.  - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề: Theo quy định của luật hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã:  *Hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 7 thành viên tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung của thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lí hợp tác xã.*  *Liên hiệp hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 4 hợp tác xã tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu chung của hợp tác xã thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lí liên hiệp hợp tác xã.* | **b. Mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã**  **\* Mô hình hợp tác xã:**  ***Khái niệm:*** Hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 7 thành viên tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung của thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lí hợp tác xã.  ***Đặc điểm của hợp tác xã****:* Có hình thức sở hữu tập thể; các thành viên có những nhu cầu chung trong sản xuất, kinh doanh; có vị trí, vai trò bình đẳng, có quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm như nhau trong quản lí hợp tác xã.  **\* Liên hiệp hợp tác xã:**  ***Khái niệm:***  Liên hiệp hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 4 hợp tác xã tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu chung của hợp tác xã thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ I trong quản li liên hiệp hợp tác xã.  ***Đặc điểm của liên hiệp hợp tác xã:***  có hình thức sở hữu tập thể, đồng sở hữu; có tư cách pháp nhân; các hợp tác xã thành viên tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lí. |

**Nội dung 4:** Tìm hiểu nội dung **2.c. Mô hình doanh nghiệp**

**a) Mục tiêu:**

HS nêu được một số loại hình doanh nghiệp, các đặc điểm của các loại hình doanh nghiệp đó.

**b) Nội dung:**

Học sinh làm việc theo theo nhóm, đọc thông tin sách giáo khoa cùng với kết hợp tìm hiểu thông tin trên mạng để trả lời câu hỏi để từ đó rút ra khái niệm đặc điểm của doanh nghiệp.

*- Kể tên các loại hình doanh nghiệp và đặc điểm của các loại hình doanh nghiệp.*

*- Nêu ưu và nhược điểm của các mô hình sản xuất kinh doanh trên.*

**c) Sản phẩm:**

HS trả lời được các câu hỏi liên quan đến thông tin sách giáo khoa đưa ra.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên** | **Đặc điểm** | **Ưu điểm** | **Nhược điểm** |
| *Công ti trách nhiệm hữu hạn một thành viên* | Doanh nghiệp do một tổ chức hoặc một cá nhân làm chủ sở hữu. | - Chủ sở hữu có toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của công ty, không cần xin ý kiến hay góp ý từ các chủ thể khác;  - Chịu trách nhiệm hữu hạn về tài sản (chịu trách nhiệm trong phạm vi số vốn đưa vào kinh doanh). | - Khó khăn trong việc huy động vốn. Công ty TNHH một thành viên khi muốn tăng hoặc giảm vốn điều lệ bằng cách chuyển nhượng vốn góp cho người khác hoặc tiếp nhận phần vốn của thành viên mới thì phải chuyển đổi sang công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.  - Công ty TNHH nói chung không được phát hành cổ phiếu. |
| *Công ti trách nhiệm hữu hạn hai thành viên* | Doanh nghiệp có từ 02 đến 50 thành viên là tổ chức, cá nhân. | - các thành viên chỉ phải chịu trách nhiệm hữu hạn về các hoạt động của công ty trong phạm vi số vốn góp vào công ty nên ít gây rủi ro cho người góp vốn;  - Số lượng thành viên công ty không nhiều, các thành viên thường là người quen biết, tin cậy nhau nên việc điều hành, quản lý công ty không quá phức tạp;  - dễ dàng kiểm soát được phần vốn góp của các thành viên, hạn chế được sự gia nhập của người lạ vào công ty. | - không có quyền phát hành trái phiếu.  - Chịu sự quản lý của pháp luật chặt chẽ  hơn so với các công ty hợp danh hay doanh nghiệp tư nhân.  - Trong một số trường hợp, do việc các thành viên chủ sở hữu công ty chỉ chịu trách nhiệm theo phạm vi số vốn cam kết góp vào doanh nghiệp nên khiến cho nhiều đối tác và khách hàng không thực sự muốn hợp tác vì sợ rủi ro có thể xảy ra mà họ phải chịu. |
| *Công ti cổ phần* | - Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần  - Cổ đông có thể là tổ chức, cá nhân; số lượng cổ đông tối thiểu là 03 và không hạn chế số lượng tối đa  - Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp | - Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp.  - Cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác trừ các cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết và các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập trong vòng 3 năm đầu kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;  - Có tư cách pháp nhân;  - có quyền phát hành chứng khoán các loại để huy động vốn, việc huy động vốn dễ dàng, linh hoạt hơn và huy động được số vốn lớn hơn các loại hình doanh nghiệp khác. | - dễ có sự phân hóa các nhóm cổ đông đối kháng nhau về mặt lợi ích nên việc quản lý, điều hành công ty sẽ phức tạp hơn;  - Việc thành lập và quản lý công ty cổ phần phức tạp hơn các loại hình công ty khác do bị ràng buộc chặt chẽ bởi các quy định của pháp luật, đặc biệt về chế độ tài chính, kế toán. |
| *Doanh nghiệp tư nhân* | Do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp. | - Thủ tục thành lập công ty đơn giản;  - Chủ doanh nghiệp có toàn quyền quyết định đối với tất cả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;  - Cơ cấu tổ chức tương đối đơn giản;  - Phải chịu trách nhiệm vô hạn về mọi hoạt động kinh doanh nên có thể dễ dàng tạo dựng sự tin tưởng từ đối tác, khách hàng. | - Không có tư cách pháp nhân, rủi ro cao khi chủ sở hữu doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm vô hạn bằng toàn bộ tài sản của mình;  - Không được phát hành bất kỳ loại chứng khoán nào trên thị trường;  - Không được góp vốn thành lập hoặc mua cổ phần trong các loại hình doanh nghiệp khác;  - Chỉ được quyền thành lập một doanh nghiệp tư nhân. |
| *Doanh nghiệp nhà nước* | - Do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.  - Được quản lí dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần. | - Cách giải quyết mang tính thống nhất, đồng bộ, kịp thời giải quyết các vấn đề nảy sinh trong nền kinh tế.  - Nguồn lực tài chính vững chắc, quy mô lớn, tiếp cận thông tin thương mại, thị trường nhanh. | - Không năng động sáng tạo vì các doanh nghiệp chỉ thụ động trong sản xuất, mọi quyền quyết định đều thuộc quản lí cấp trên. Lợi nhuận có được cũng thuộc về nhà nước, các doanh nghiệp chỉ được hưởng mức lương ấn định.  - Nhân sự các công ty nhà nước đôi khi không có sự năng động, và tính cạnh tranh công việc cao như doanh nghiệp ngoài nhà nước. điều này ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế của chính doanh nghiệp nhà nước. |
| *Công ty hợp danh* | - Phải có ít nhất 02 thành viên là chủ sở hữu chung của công ti, cùng nhau kinh doanh dưới một tên chung.  - Ngoài các thành viên hợp danh, công ti có thể có thêm thành viên góp vốn. | - Thành viên công ty hợp danh là những cá nhân có trình độ chuyên môn, uy tín nghề nghiệp nên tạo được sự tin cậy cho đối tác;  - Do chế độ liên đới chịu trách nhiệm vô hạn của các thành viên hợp danh mà công ty hợp danh dễ dàng tạo được sự tin cậy với đối tác kinh doanh. | - Do phải chịu trách nhiệm vô hạn bằng toàn bộ tài sản của mình về các nghĩa vụ của công ty nên đối với các thành viên hợp danh của công ty có rủi ro hơn khi kinh doanh;  - Công ty không được phát hành cổ phiếu để huy động vốn. |

***d) Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Học sinh làm việc theo theo nhóm, đọc thông tin sách giáo khoa cùng với kết hợp tìm hiểu thông tin trên mạng để trả lời câu hỏi để từ đó rút ra khái niệm đặc điểm của doanh nghiệp  *- Kể tên các loại hình doanh nghiệp và đặc điểm của các loại hình doanh nghiệp.*  *- Nêu ưu và nhược điểm của các mô hình sản xuất kinh doanh trên.*  ***Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - Học sinh làm việc theo nhóm, các nhóm tìm tư liệu và hoàn thành phiếu học tập trên giấy A0 hoặc máy tính.  ***Báo cáo kết quả và thảo luận***  - Giáo viên tổ chức cho học sinh thảo luận.  + Các nhóm tiến hành báo cáo.  + Các nhóm còn lại sẽ nhận xét và góp ý.  ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh.  - Giáo viên chốt kiến thức làm rõ đặc điểm của từng loại hình doanh nghiệp.  **Gv nhấn mạnh:**  *Doanh nghiệp là kiểu tổ chức sản xuất kinh doanh được tổ chức bài bản, khoa học và được nhà nước và pháp luật bảo vệ.* | **c. Mô hình doanh nghiệp**  **\* Khái niệm:**  Doanh nghiệp là tổ chức có tên riêng, có trụ sở giao dịch, được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh  **\* Đặc điểm:**  + Pháp lí: Doanh nghiệp là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được thành lập hoặc đăng kí thành lập theo quỵ định của pháp luật.  + Loại hình: Có nhiều loại hình doanh nghiệp tồn tại dưới một loại hình cụ thể như: công ti trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ti trách nhiệm hữu hạn hai thành viên, công ti cổ phần, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp hợp danh,...  + Nguồn vốn: Do một cá nhân, nhiều cá nhân hoặc một tổ chức đóng góp vốn.  + Quỵ mô: Doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp nhỏ. |

**Nội dung 5:** Tìm hiểu nội dung **2. c. Một số mô hình doanh nghiệp**

**a) Mục tiêu:**

HS nêu được đặc điểm cũng như cơ cấu tổ chức của một số doanh nghiệp thường gặp

**b) Nội dung:**

Học sinh làm việc theo nhóm, tiếp tục tìm hiểu 2 trường hợp sách giáo khoa đưa ra và trả lời đươc câu hỏi

Trường hợp 1:

*Mô hình doanh nghiệp của ông T có đặc điểm gì?*

*Ông T có những trách nhiệm và nghĩa vụ như thế nào với mô hình kinh doanh của mình?*

Trường hợp 2:

*Đặc điểm của công ty A khi cổ phần hóa là gì?*

*Mô hình công ti cổ phần có phương thức hoạt động như thế nào?*

**c) Sản phẩm:**

HS trả lời được các câu hỏi liên quan đến thông tin sách giáo khoa đưa ra

**Trường hợp 1**:

Mô hình doanh nghiệp của ông T có đặc điểm là do một mình ông đứng tên và chịu trách nhiệm về toàn hộ hoạt động của doanh nghiệp mình

Ông T có quyền mở rộng doanh nghiệp, tìm kiếm đối tác và bạn hàng làm ăn.

Có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về kinh doanh

**Trường hợp 2**:

*- Công ty của ông A cổ phần hóa có các đặc điểm:*

*Nhân viên công ty được ưu tiên tham gia cổ đông, chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác trong phạm vi số vốn đã góp vào, được quyền nhượng cổ phần.*

*Công ty cũng đã nhiều lần phát hành trái phiếu thành công.*

*- Phương thức hoạt động của công ty:*

*Các cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác trong phạm vi số vốn đã góp vào, được quyền nhượng cổ phần.*

*Các cổ đông được chia lợi tức hàng năm.*

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Học sinh làm việc theo nhóm, tiếp tục tìm hiểu 2 trường hợp sách giáo khoa đưa ra và trả lời đươc câu hỏi  Trường hợp 1:  *Mô hình doanh nghiệp của ông T có đặc điểm gì?*  *Ông T có những trách nhiệm và nghĩa vụ như thế nào với mô hình kinh doanh của mình?*  Trường hợp 2:  *Đặc điểm của công ty A khi cổ phần hóa là gì*  *Mô hình công ti cổ phần có phương thức hoạt động như thế nào?*  ***Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - Học sinh cùng nhau đọc thông tin, trao đổi suy nghĩ và trả lời câu hỏi sách giáo khoa đưa ra.  - Cử đại diện nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi giáo viên yêu cầu.  ***Báo cáo kết quả và thảo luận***  + Gọi một số học sinh thay mặc các nhóm trình bày kết quả chuẩn bị của mình.  + Các nhóm học sinh còn lại sẽ nhận xét và góp ý.  ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh.  - Giáo viên chốt kiến thức làm rõ từng hoạt động mà học sinh đã tìm được  Gv nhấn mạnh:  *Mỗi doanh nghiệp có đặc điểm và cơ cấu tổ chức khác nhau, khi thành lập doanh nghiệp mỗi công dân cần tìm hiểu và tuân thủ các quy định của pháp luật về kinh doanh* | **\* Một số mô hình doanh nghiệp**  Có nhiều loại hình doanh nghiệp tồn tại dưới một loại hình cụ thể như: công ti trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ti trách nhiệm hữu hạn hai thành viên, công ti cổ phần, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp hợp danh,... |

**Nội dung 6:** Tìm hiểu nội dung **3. Lựa chọn mô hình sản xuất kinh doanh phù hợp**

**a) Mục tiêu:**

HS nhận biết được một số mô hình hình doanh phù hợp sau khi ra trường

**b) Nội dung:**

Học sinh làm việc theo nhóm, đọc thông tin sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi để từ đó rút ra được một số bài học cho bản thân trong việc định hướng nghề nghiệp sau khi ra trường.

**Trường hợp 1***:*

Hãy nêu những yếu tố tạo nên sự thành công trong mô hình kinh doanh hộ gia đình của anh P.

- Cho biết bài học mà em rút ra được qua trường hợp trên.

**Trường hợp 2***:*

- Nêu những yếu tố tạo nên thành công mà Doanh nghiệp H đạt được.

- Cho biết em học hỏi được điều gì từ thành công của Doanh nghiệp H.

**c) Sản phẩm:**

\* HS trả lời được các câu hỏi liên quan đến thông tin sách giáo khoa đưa ra

**Trường hợp 1:**

- Những yếu tố tạo nên sự thành công trong mô hình kinh doanh hộ gia đình của anh P:

Nắm bắt được nhu cầu của thị trường.

Có kế hoạch mở rộng kinh doanh đúng đắn

Qui trình sản xuất được bảo đảm.

Hình thức kinh doanh, sản phẩm đa dạng.

- Bài học em rút ra được qua trường hợp trên:  Để kinh doanh thành công, cần nhạy bén với sự thay đổi, biến động của thị trường để có những biện pháp điều chỉnh hợp lí (mở rộng hoặc thu hẹp phạm vi kinh doanh, chuyển đổi hình thức, sản phẩm kinh doanh,...), lên kế hoạch kinh doanh cụ thể, đảm bảo chất lượng trong dây chuyền sản xuất.

**Trường hợp 2:**

- Những yếu tố tạo nên thành công mà Doanh nghiệp H đạt được:

Tận dụng tốt những lợi thế của vùng miền, có kế hoạch kinh doanh tốt, đưa ra nhiều ưu đãi cho khách hàng, chú trọng đầu tư, nâng cao chất lượng dịch vụ.

Liên kết với những đơn vị liên quan để mang lại cho khách hàng những trải nghiệm tốt nhất, thuận tiện nhất.

- Từ thành công của Doanh nghiệp H, em học hỏi được cách làm việc chuyên nghiệp, sự đầu tư đúng đắn để nâng cao chất lượng dịch vụ của doanh nghiệp. Chính sự tập trung phát triển về mặt nhân sự, cùng việc liên kết với các công ti uy tín, doanh nghiệp H đã mang đến cho khách hàng những sản phẩm dịch vụ chất lượng và nhận được sự tin tưởng từ phía khách hàng.

\* HS rút ra được bài học về lập nghiệp của bản thân

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Học sinh làm việc theo nhóm, đọc thông tin sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi để từ đó rút ra khái niệm về công ty hợp danh  **Trường hợp 1***:*  Hãy nêu những yếu tố tạo nên sự thành công trong mô hình kinh doanh hộ gia đình của anh P.  - Cho biết bài học mà em rút ra được qua trường hợp trên.  **Trường hợp 2***:*  - Nêu những yếu tố tạo nên thành công mà Doanh nghiệp H đạt được.  - Cho biết em học hỏi được điều gì từ thành công của Doanh nghiệp H.  ***Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - Học sinh đọc hai thông tin trong sách giáo khoa, cùng nhau suy nghĩ và trả lời câu hỏi sách giáo khoa.  - Thống nhất nội dung báo cáo của nhóm trước cả lớp.  ***Báo cáo kết quả và thảo luận***  + Gọi một số học sinh thay mặt nhóm trình bày kết quả chuẩn bị của nhóm mình.  + Các nhóm còn lại sẽ nhận xét và góp ý.  ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh.  - Giáo viên chốt kiến thức để giúp học sinh có những định hướng cụ thể về việc lựa chọn nghề nghiệp sau khi ra trường. | **3. Lựa chọn mô hình sản xuất kinh doanh phù hợp**  Khi lựa chọn mô hình khởi nghiệp mỗi chúng ta cần tìm hiểu đầy đủ các điều kiện về kinh doanh, quan tâm đến vấn đề vốn, thị trường đặc biệt là học hỏi kinh nghiệm của những người đi trước để có thể có thành công và tránh lặp lại những sai lầm mà những người đi trước gặp phải. |

**3. Hoạt động: Luyện tập**

**Câu 1.** *Thảo luận cùng các bạn và cho biết, em đồng tình hay không đồng tình với các nhận định dưới đây. Vì sao?*

**a) Mục tiêu:**

HS củng cố tri thức vừa khám phá; rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống; liên hệ thực tế liên quan đến vai trò của hoạt động sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh.

**b) Nội dung:**

Học sinh làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể

**c) Sản phẩm:**

- HS chỉ ra được

Em đồng tình với các nhận định a, c, d,

Em không đồng tình với nhận định b

- Giải thích:

Nếu hạn chế sản xuất thì sẽ không thể thúc đẩy nền kinh tế phát triển, đồng thời sẽ làm hàng hóa trên thị trường trở nên khan hiếm, dẫn đến những bất ổn trong đời sống xã hội. Chỉ nên hạn chế ô nhiễm môi trường bằng cách nâng cao ý thức của doanh nghiệp sản xuất, yêu cầu các doanh nghiệp tuân thủ các qui định về bảo vệ môi trường.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể

***Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

***Báo cáo kết quả và thảo luận***

Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tìm hiểu về sản xuất kinh doanh, các mô hình sản xuất kinh doanh

**Bài tập 2:** Em hãy lập bảng so sánh điểm khác nhau giữa các mô hình sản xuất kinh doanh sau:

- Mô hình hộ sản xuất kinh doanh và mô hình hợp tác xã.

- Mô hình doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp nhà nước.

**a) Mục tiêu:** HS củng cố tri thức liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến vai trò của hoạt động sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh.

**b) Nội dung:** Học sinh thảo luận nhóm, hai nhóm sẽ cũng làm 1 một nhiệm vụ để so sánh sự khác nhau giữa các loại hình này.

Học sinh kết hợp với việc khai thác kiến thức trên mạng để hoàn thành nhiệm vụ được giao

**c) Sản phẩm:**

HS chỉ ra được

*- Mô hình doanh hộ sản xuất kinh doanh và hợp tác xã:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nội dung | Hộ sản xuất kinh doanh | Hợp tác xã |
| Đối tượng được đăng ký tham gia | Cá nhân, hộ gia đình là công dân Việt Nam. | - Cá nhân, hộ gia đình là công dân Việt Nam;  - Người nước ngoài;  - Các tổ chức. |
| Quyền hạn đăng ký tham gia | Chỉ được đăng ký một HKD cá thể duy nhất trên lãnh thổ Việt Nam. | Có thể đăng ký trở thành thành viên của nhiều HTX khác. |
| Quyền hạn quyết định của thành viên | Do chủ hộ kinh doanh hoặc theo thỏa thuận giữa các thành viên trong hộ gia đình | Có quyền bình đẳng giữa các thành viên trong mọi quyết định, hoạt động của hợp tác xã |
| Người đại diện theo pháp luật | Chủ hộ kinh doanh | Chủ tịch hội đồng quản trị |
| Cơ cấu quản lý tổ chức | Chủ hộ kinh doanh, thành viên | Đại hội thành viên, hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc) và ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên |
| Tư cách pháp nhân | Không | Có |
| Căn cứ phân chia lợi nhuận | Phân chia lợi nhuận sẽ do cá nhân hoặc thành viên hộ gia đình xác định, thống nhất. | Lợi nhuận được phân chia chủ yếu dựa theo công sức thành viên đóng góp và mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ. Phần còn lại mới được chia theo tỷ lệ vốn góp. |
| Quyền và trách nhiệm tài sản | Chịu trách nhiệm vô hạn | Chịu trách nhiệm hữu hạn |
| Bản chất thành lập | Mục đích chính thành lập hộ kinh doanh nhằm tăng thu nhập, nhắm đến lợi ích kinh tế | Được thành lập nhằm giúp đỡ, tạo việc làm, đào tạo và phát triển chuyên môn của thành viên hợp tác xã |
| Thành viên góp vốn điều lệ | Thành viên trong hộ kinh doanh tự thỏa thuận về tỷ lệ vốn góp | Thành viên không được góp vốn vượt quá 20% vốn điều lệ |
| Góp vốn, mua bán cổ phần, thành lập doanh nghiệp | Chỉ được tham gia với tư cách pháp nhân trong các hoạt động mua, góp vốn, mua cổ phần doanh nghiệp. | Được phép góp vốn, mua bán cổ phần và thành lập doanh nghiệp với tư cách hợp tác xã nhưng không được vượt quá 50% vốn điều lệ (ghi trong báo cáo tài chính gần nhất). |
| Quy định về quyền khắc và sử dụng con dấu | Không được khắc dấu | Được quyền khắc và sử dụng con dấu. |

*- Mô hình doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp nhà nước:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tiêu chí | Doanh nghiệp nhà nước | Doanh nghiệp tư nhân |
| Chủ sở hữu | - Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;  - Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. | - Do cá nhân hoặc doanh nghiệp tư nhân khác làm chủ sở hữu (bao gồm cả tổ chức, cá nhân nước ngoài);  - Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. |
| Hình thức tồn tại | - Công ty cổ phần;  - Công ty TNHH 1 thành viên;  - Công ty TNHH 2 thành viên. | - Công ty cổ phần;  - Công ty TNHH 1 thành viên;  - Công ty TNHH 2 thành viên;  - Công ty hợp danh;  - Doanh nghiệp tư nhân (quy định tại Chương VII Luật Doanh nghiệp 2020). |
| Quy mô | Quy mô lớn. Thường được tổ chức theo các hình thức như công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế. | Đa dạng về quy mô. Tuy nhiên doanh nghiệp tư nhân chủ yếu là các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ. |
| Ngành nghề hoạt động | Hoạt động chủ yếu ở các ngành nghề kinh tế then chốt. Một số ngành, nghề kinh doanh độc quyền như:  - Hệ thống truyền tải điện quốc gia;  - Nhà máy thủy điện có quy mô lớn đa mục tiêu, nhà máy điện hạt nhân;  - In, đúc tiền và sản xuất vàng miếng;  - Xổ số kiến thiết; | - Hoạt động trong phạm vi ngành nghề quy định tại Quyết định [27/2018/QĐ-TTg](https://luatvietnam.vn/chinh-sach/quyet-dinh-27-2018-qd-ttg-ban-hanh-he-thong-nganh-kinh-te-viet-nam-165092-d1.html) về Ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.  - Không được kinh doanh các ngành nghề độc quyền dành cho các doanh nghiệp nhà nước. |

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

Học sinh thảo luận nhóm, hai nhóm sẽ cũng làm 1 một nhiệm vụ để so sánh sự khác nhau giữa các loại hình này.

Học sinh kết hợp với việc khai thác kiến thức trên mạng để hoàn thành nhiệm vụ được giao

***Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm

- Các nhóm khai thác, tìm kiếm các dữ liệu trên mạng để hoàn thành bài tập được giao

***Báo cáo kết quả và thảo luận***

Giáo viên mời từng nhóm trả lời cụ thể, khi so sánh đến nội dung nào, giáo viên yêu cầu học sinh lấy ví dụ để minh họa cụ thể

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tham gia vào các hoạt động kinh tế

**Câu 3:** Em hãy đọc trường hợp sau và trả lời câu hỏi.

**a) Mục tiêu:**

HS củng cố tri thức liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến vai trò của hoạt động sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh.

**b) Nội dung:**

GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm đọc tình huống sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi:

*- Em có nhận xét gì về việc làm của địa phương T?*

*- Ưu điểm của mô hình hợp tác xã so với mô hình hộ gia đình là gì?*

**c) Sản phẩm:**

*-  Theo em, việc làm của địa phương T là hợp lí*

*=> Giải thích: khi tập hợp thành hợp tác xã, các hộ sản xuất có thể tương trợ, trao đổi kinh nghiệm cho nhau để tạo nên một tập thể sản xuất đoàn kết, phối hợp làm ra được nhiều sản phẩm hơn khi sản xuất đơn lẻ, từ đó mang lại lợi nhuận kinh tế cao hơn.*

*- Ưu điểm của mô hình hợp tác xã so với mô hình hộ gia đình: có sự hợp tác, tương trợ lẫn nhau trong sản xuất.*

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm đọc tình huống sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi:

*- Em có nhận xét gì về việc làm của địa phương T?*

*- Ưu điểm của mô hình hợp tác xã so với mô hình hộ gia đình là gì?*

***Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm.

- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho tình huống.

- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp.

***Báo cáo kết quả và thảo luận***

Giáo viên mời từng nhóm đưa ra quan điểm, nhận định của mình về vấn đề đặt ra, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời.

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tìm hiểu về mô hình sản xuất kinh doanh.

**Bài tập 4:** Em hãy chia sẻ dự định về nghề nghiệp của em trong tương lai. Mô tả về mô hình sản xuất kinh doanh trong tương lai mà em thích.

**a) Mục tiêu:**

HS có nhận thức ban đầu về vấn đề kinh doanh, nghề nghiệp sau khi ra trường và có thái độ chủ động, tích cực chuẩn bị nghề nghiệp cho bản thân

**b) Nội dung:**

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, mỗi cá nhân sẽ tự hoàn thành bài viết của mình vào vở và chia sẻ với các bạn trong lớp.

**c) Sản phẩm:**

Học sinh chia sẻ được suy nghĩ về định hướng nghề nghiệp sau khi ra trường.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân,mỗi cá nhân sẽ tự hoàn thành bài viết của mình vào vở và chia sẻ với các bạn trong lớp.

***Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- Học sinh làm việc cá nhân, trình bày những hiểu biết về nghề nghiệp của bản thân vào vở .

- Chia sẻ với các bạn trong lớp về suy nghĩ của mình.

***Báo cáo kết quả và thảo luận***

Giáo viên mời một số học sinh chia sẻ trước lớp.

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi thực hiện pháp luật về hoạt động sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh.

**4. Hoạt động: Vận dụng**

**Câu 1:** Em hãy quan sát và tìm hiểu về một mô hình kinh tế thành công (sản phẩm, địa điểm, quy mô, mức độ yêu thích của người dân về sản phẩm, thương hiệu, những đóng góp cho xã hội,...) trong khu vực em sinh sống.

**a) Mục tiêu:**HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới nhằm nhận biết vai trò của sản xuất kinh doanh và lựa chọn mô hình sản xuất kinh doanh một cách chủ động, sáng tạo.

**b) Nội dung:** Học sinh làm việc cá nhân ( hoặc nhóm) tại nhà, suy nghĩ và thu thập thông tin về mô hình kinh tế thành công. Rút ra được bài học cho bản thân từ việc tìm hiểu mô hình đó.

**c) Sản phẩm:**

Thu thập thông tin và rút ra được ý nghĩa cho bản thân làm cơ sở định hướng nghề nghiệp sau khi ra trường.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập:***

Học sinh làm việc cá nhân ( hoặc nhóm) tại nhà, suy nghĩ và thu thập thông tin về mô hình kinh tế thành công. Rút ra được bài học cho bản thân từ việc tìm hiểu mô hình đó

***Thực hiện nhiệm vụ học tập***

Sản phẩm có thể là báo cáo, tư liệu vi deo, tranh ảnh về một số mô hình kinh doanh hiệu quả.

***Báo cáo kết quả và thảo luận***

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh hoàn thành bài viết của mình.

- Yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để bạn khác cùng trao đổi.

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về lựa chọn mô hình sản xuất kinh doanh.

**Câu 2:** Em hãy lựa chọn một mô hình kinh tế thích hợp với bản thân, lập ý tưởng kinh doanh và chia sẻ với các bạn trong lớp về ý tưởng kinh doanh đó.

**a) Mục tiêu:**

HS tăng cường ý thức và kĩ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến việc nhận biết vai trò của sản xuất kinh doanh và lựa chọn mô hình sản xuất kinh doanh một cách chủ động, sáng tạo.

**b) Nội dung:** Học sinh làm việc cá nhân tại nhà, suy nghĩ và lên ý tưởng kinh doanh phù hợp sau khi ra trường.

**c) Sản phẩm:**

Biết lựa chọn ý tưởng, và bước đầu có thể thực hiện ý tưởng kinh doanh nhằm mang lại thu nhập cho bản thân

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập:***

Học sinh làm việc cá nhân tại nhà, suy nghĩ và lên ý tưởng kinh doanh phù hợp sau khi ra trường.

***Thực hiện nhiệm vụ học tập***

Lựa chọn ý tưởng, và bước đầu có thể thực hiện ý tưởng kinh doanh nhằm mang lại thu nhập cho bản thân.

***Báo cáo kết quả và thảo luận***

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh hoàn thành bài viết của mình.

- Yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các bạn cùng trao đổi.

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về lựa chọn mô hình sản xuất kinh doanh.

***TCT: 25 + 26 + 27***

***Ngày soạn:***

***Ngày dạy:***

***Lớp dạy:***

**BÀI 9: TÍN DỤNG VÀ VAI TRÒ CỦA TÍN DỤNG**

Thời lượng: 2 tiết

**I. MỤCTIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Nêu được khái niệm, đặc điểm và vai trò của tín dụng.

- Nhận biết được vai trò tích cực của tín dụng đối với đời sống của bản thân, gia đình và xã hội.

- Nhận biết được sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và mua tín dụng

**2. Về năng lực**

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về tín dụng.

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến hoạt động tín dụng.

- Năng lực đặc thù:

+ Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước khi tham gia hoạt động tín dụng; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước khi tham gia hoạt động tín dụng; Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức và chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm chuẩn mực đạo đức, pháp luật khi tham gia hoạt động tín dụng.

+ Năng lực phát triển bản thân: Nhận thức được vai trò và đặc điểm của tín dụng để chủ động tham gia hoạt động tín dụng thích hợp trong tương lai để phát triển bản thân.

+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiếu, tham gia và vận động người khác tham gia hoạt động tín dụng phù hợp với lứa tuổi.

**3. Về phẩm chất**

- Trung thực và có trách nhiệm công dân khi tham gia hoạt động tín dụng phù hợp với lứa tuổi.

- Yêu nước, tin tưởng vào sự phát triển kinh tế của đất nước.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.**

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;

- Tranh/ảnh, clip và các mẩu chuyện về tín dụng

- Đồ dùng đơn giản để sắm vai;

- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**TIẾT 1:**

**1. Hoạt động: mở đầu**

***a) Mục tiêu.*** Giới thiệu mục tiêu bài học, nội dung chính của bài học, khai thác vốn sống, trải nghiệm của bản thân HS về chủ đề tín dụng và vai trò của tín dụng trong đời sống, tạo hứng thú và những hiểu biết ban đầu của HS về chủ đề bài học mới.

***b) Nội dung.*** Học sinh làm việc cá nhân, Từ những quan sát thực tế, hãy chia sẻ những hiểu biết của em về tín dụng..

***c) Sản phẩm.*** Thấy được tác dụng của việc sử dụng tín dụng

*Tín dụng là một hình thức cho vay và người vay có trách nhiệm phải hoàn trả lại số tiền đã vay trong một khoảng thời gian nhất định*.

***d) Tổ chức thực hiện***

**Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

GV yêu cầu học sinh làm việc cá nhân, Từ những quan sát thực tế, hãy chia sẻ những hiểu biết của em về tín dụng..

**Thực hiện nhiệm vụ học tập**

HS làm việc cá nhân, hoàn thành nhiệm vụ vào vở, chia sẻ với các bạn xung quanh về nhiệm vụ được giao.

**Báo cáo kết quả và thảo luận**

- Giáo viên yêu cầu một số học sinh trình bày việc chuẩn bị của bản thân mình

- Các học sinh khác chủ động tìm hiểu, góp ý, bổ sung hoàn thiện

**Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

*-* Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

**Gv nhấn mạnh:**

Tín dụng có vai trò là cầu nối đáp ứng những nhu cầu vay và cho vay của các chủ thể trong nền kinh tế, góp phần thúc đẩy mọi mặt đời sống xã hội phát triển. Bài học này sẽ giúp các em hiểu rõ hơn đặc điểm và vai trò của tín dụng, biết tham gia, sử dụng các dịch vụ tín dụng một cách hiệu quả và trách nhiệm.

**2. Hoạt động: Khám phá**

**Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Khái niệm tín dụng**

**a) Mục tiêu:**

HS nêu được khái niệm tín dụng.

**b) Nội dung:**

GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm đôi về trường hợp trong SGK, trả lời câu hỏi:

*- Ngân hàng đóng vai trò gì trong mối quan hệ vay mượn tiền để mua nhà của ông D? Ngân hàng đã dựa vào những điều kiện gì để quyết định cho ông D vay tiền?*

*- Vì sao ông D phải cam kết hoàn trả số tiền vay cho ngân hàng đúng tiến độ?*

*- Theo em, tín dụng là gì?*

**c) Sản phẩm:**

*- HS giải thích được nội dung*

*- Ngân hàng đóng vai trò là bên cho vay.*

*- Những điều kiện để quyết định cho ông D vay tiền:*

*Hồ sơ của ông và với điều kiện là ông phải thể chấp sổ đỏ của ngôi nhà.*

*Ông D phải cam kết hoàn trả số tiền lãi và vốn đúng tiến độ trong thời hạn là 10 năm.*

*- Ông D phải cam kết hoàn trả số tiền vay cho ngân hàng đúng tiến độ vì nếu vi phạm, ông sẽ không nhận được sổ đỏ của căn nhà.*

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm đôi về trường hợp trong SGK, trả lời câu hỏi:  *- Ngân hàng đóng vai trò gì trong mối quan hệ vay mượn tiền để mua nhà của ông D? Ngân hàng đã dựa vào những điều kiện gì để quyết định cho ông D vay tiền?*  *- Vì sao ông D phải cam kết hoàn trả số tiền vay cho ngân hàng đúng tiến độ?*  *- Theo em, tín dụng là gì?*  **Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh đọc thông tin.  - Học sinh làm việc theo nhóm cặp đôi: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.  **Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Giáo viên gọi một số học sinh đại diện đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra  - Các học sinh còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.  - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: *Tín dụng phản ánh mối quan hệ nào, đặc điểm của mối quan hệ này là gì*  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét  - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật khái niệm tín dụng  Gv nhấn mạnh:  *Nói đến tín dụng là nói đến quan hệ giữa người đi vay và người cho vay, quan hệ này dựa trên quy định của pháp luật và đặc biệt là dựa trên chữ tín của nhau* | **1. Khái niệm tín dụng**  - Tín dụng là quan hệ cho vay dựa trên cơ sở tin tưởng và tín nhiệm giữa bên cho vay và bên đi vay. Theo đó, bên cho vay chuyển giao một lượng vốn tiền tệ (hoặc tài sản) để bên vay sử dụng có thời hạn. Khi đến hạn, bên vay có nghĩa vụ hoàn trả vốn (hoặc tài sản) ban đầu và lãi suất. |

**Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Đặc điểm của tín dụng**

**a) Mục tiêu*:***

HS nêu được đặc điểm của tín dụng.

**b) Nội dung:**

GV hướng dẫn HS tiếp tục thảo luận nhóm đôi về trường hợp trong SGK, trả lời câu hỏi:

*- Từ trường hợp trên, em hãy cho biết một số đặc điểm của tín dụng.*

*- Giải thích vì sao khi sử dụng tín dụng phải hoàn trả cả vốn lẫn lãi. Cho ví dụ.*

**c) Sản phẩm:**

*- HS giải thích và lấy được ví dụ*

*- Một số đặc điểm của tín dụng: dựa trên cơ sở lòng tin; tính hoàn trả cả gốc lẫn lãi; tính thời hạn.*

*- Vì bất kì khoản vay nào cũng sẽ phải có lãi xuất. Số tiền nợ tổng cộng của bên vay sẽ là tiền vay gốc cộng với tiền lãi suất.*

*\* Ví dụ: Vay ngân hàng 500 triệu với lãi xuất 6%/năm => tổng số tiền vay là 530 triệu/năm (lãi xuất sẽ được cộng dồn theo năm)*

*­*- HS nêu được đặc điểm của tín dụng

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  GV hướng dẫn HS tiếp tục thảo luận nhóm đôi về trường hợp trong SGK, trả lời câu hỏi:  *- Từ trường hợp trên, em hãy cho biết một số đặc điểm của tín dụng.*  *- Giải thích vì sao khi sử dụng tín dụng phải hoàn trả cả vốn lẫn lãi. Cho ví dụ.*  **Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh đọc thông tin.  - Học sinh làm việc theo nhóm cặp đôi: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.  **Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Giáo viên gọi một số học sinh đại diện đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra  - Các học sinh còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.  - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: *Khi sử dụng dịch vụ tín dụng thì đòi hỏi các chủ thể lưu ý điều gì?*  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét  - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật vai trò của hoạt động sản xuất kinh doanh  Gv nhấn mạnh:  *Nói đến tín dụng là nói đến quan hệ giữa người đi vay và người cho vay, quan hệ này dựa trên quy định của pháp luật và đặc biệt là dựa trên chữ tín của nhau* | **2. Đặc điểm của tín dụng**  Tín dụng có đặc điểm cơ bản là:  Dựa trên sự tin tưởng: người cho vay chỉ cấp tín dụng khi có lòng tin vào việc người vay sử dụng vốn vay đúng mục đích, hiệu quả và có khả năng hoàn trả nợ đúng hạn;  Có tính thời hạn: việc cho vay chỉ là nhường quyền sử dụng tạm thời một lượng vốn trong một thời hạn nhất định;  Có tính hoàn trả cả gốc lẫn lãi: đến thời hạn, người vay có nghĩa vụ và trách nhiệm phải hoàn trả cả gốc lẫn lãi vô điều kiện. |

**Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Vai trò của tín dụng**

**a) Mục tiêu:**

HS nêu được vai trò của tín dụng

**b) Nội dung:**

Học sinh cùng làm việc theo nhóm, cùng nhau đọc và tìm hiểu các thông tin 1 và 2 trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi

*- Theo em, tín dụng đã đóng vai trò gì đối với các doanh nghiệp trong 2 trường hợp trên?*

*- Vì sao tín dụng có thể đảm bảo nhu cầu về vốn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế?*

*- Tín dụng có vai trò gì đối với đời sống? Cho ví dụ.*

**c) Sản phẩm:**

- HS đọc thông tin và trả lời được các câu hỏi đặt ra theo một số nội dung sau

*- Vai trò của tín dụng:*

*Trường hợp 1: Đảm bảo nhu cầu về vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, là công cụ tài trợ cho các ngành kinh tế kém phát triển và ngành mũi nhọn.*

*Trường hợp 2: Đảm bảo nhu cầu về vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, thúc đẩy quá trình tập trung vốn và tập trung sản xuất.*

*- Tín dụng có thể đảm bảo nhu cầu về vốn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế vì các bên cho vay tín dụng luôn có một nguồn vốn nhất định, có thể cung cấp cho các doanh nghiệp khi họ cần vốn kinh doanh.*

- HS rút ra được vai trò của tín dụng.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  Học sinh cùng làm việc theo nhóm, cùng nhau đọc và tìm hiểu các thông tin 1 và 2 trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi  *- Theo em, tín dụng đã đóng vai trò gì đối với các doanh nghiệp trong 2 trường hợp trên?*  *- Vì sao tín dụng có thể đảm bảo nhu cầu về vốn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế?*  *- Tín dụng có vai trò gì đối với đời sống? Cho ví dụ.*  **Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận với các thành viên trong nhóm  - Thống nhất nội dung câu trả lời của nhóm và cử đại diện trình bày.  **Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra  - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.  - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: *Trong sự phát triển của xã hội, tín dụng đóng vai trò như thế nào*  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét  - Giáo viên chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm  Gv nhấn mạnh:  Như vậy, tín dụng góp phần tăng lượng vốn đầu tư và hiệu quả đẩu tư vốn trong xã hội. Ngoài ra, tín dụng còn có vai trò là công cụ điều tiết kinh tế - xã hội của Nhà nước; đống thời còn có vai trò thúc đẩy sản xuất, lưu thông hàng hoá, tiêu dùng, tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, nâng cao đời sống nhân dân. | **3. Vai trò của tín dụng**  Vai trò của tín dụng:  Tín dụng đảm bảo nhu cầu về vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và nhu cầu tiêu dùng cho các cá nhân trong nền kinh tế;  -Tín dụng thúc đẩy quá trình tập trung vốn và tập trung sản xuất;  - Tín dụng là công cụ tài trợ cho các ngành kinh tế kém phát triển và ngành mũi nhọn. |

**Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung: 3. Sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và chi phí sử dụng dịch vụ tín dụng**

**a) Mục tiêu:**

HS nêu được sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và mua tín dụng

**b) Nội dung:**

Học sinh cùng làm việc theo nhóm, cùng nhau đọc và tìm hiểu các thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi

- Em hãy cho biết, bà nên lựa chọn phương thức thanh toán nào là phù hợp?

- Em hãy cho biết việc mua hàng bằng tiền mặt và tín dụng có gì khác nhau. Giải thích vì sao. Cho ví dụ.

**c) Sản phẩm:**

- HS đọc thông tin và trả lời được các câu hỏi đặt ra theo một số nội dung sau

- Để có lợi thì bà G nên trả một lần vì nếu thanh toán hết một lần, bà sẽ không phải trả thêm bất kì khoản phí nào. Tuy nhiên, nếu bà chưa có đủ tiền thì nên chọn phương thức thanh toán là trả góp, mặc dù sẽ phải trả thêm lãi định kì nhưng bà sẽ không phải chi một số tiền lớn ngay lập tức.

- Mua hàng bằng tiền mặt và tín dụng khác nhau ở chỗ:

Mua hàng bằng tiền mặt và thanh toán 1 lần: sẽ không phải trả thêm bất kì khoản phí nào.

Vay tín dụng: sẽ phải trả lãi xuất theo tháng và phải trả hết số tiền vay trong một thời hạn nhất định.

- HS rút ra được được sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và mua tín dụng.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  Học sinh cùng làm việc theo nhóm, cùng nhau đọc và tìm hiểu các thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi  - Em hãy cho biết, bà nên lựa chọn phương thức thanh toán nào là phù hợp?  - Em hãy cho biết việc mua hàng bằng tiền mặt và tín dụng có gì khác nhau. Giải thích vì sao. Cho ví dụ.  **Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Giáo viên gọi một số học sinh đứng đại diện các nhóm chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra  - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.  - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: *Theo em bản chất của tiền lãi mà người vay tiền phải trả cho thủ thể cho vay là gì?*  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét  - Giáo viên chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm  Gv nhấn mạnh:  Mỗi chủ thể đi vay phải trả cho chủ thể cho vay một khoản tiền nhất định, số tiền đó nó thể hiện sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và chi phí | **4. Sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và mua tín dụng**  Sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và tín dụng là tiền lãi phải trả cho khoản mua tín dụng |

**3. Hoạt động: Luyện tập**

**Bài tập 1:** Em đồng tình/không đồng tình với các nhận định nào sau đây? Vì sao?

**a) Mục tiêu:**

HS củng cố tri thức vừa khám phá; rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống; liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến hoạt động tín dụng.

**b) Nội dung:**

Học sinh làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể

**c) Sản phẩm:**

- HS chỉ ra được ý kiến của bản thân và lý giải cho từng trường hợp cụ thể

*- Em đồng tình với các nhận định a, d, đ, không đồng tình với các nhận định b, c, e.*

*\* Giải thích:*

*Chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và mua tín dụng thể hiện ở lãi suất.*

*Tín dụng là quan hệ vay mượn tiền bạc trên quy tắc hoàn trả có thời hạn.*

*Tín dụng là quan hệ cho vay dựa trên cơ sở tin tưởng và tín nhiệm giữa bên cho vay và bên đi vay. Theo đó, bên cho vay chuyển giao một lượng vốn tiền tệ (hoặc tài sản) để bên vay sử dụng có thời hạn. Khi đến hạn, bên vay có nghĩa vụ hoàn trả vốn (hoặc tài sản) ban đầu và lãi suất.*

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể

**Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

**Báo cáo kết quả và thảo luận**

Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

**Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tìm hiểu về tín dụng

**Bài tập 2:** Em hãy đọc các trường hợp sau và xác định đặc điểm, vai trò của tín dụng.

**a) Mục tiêu:**

HS biết liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến hoạt động tín dụng.

**b) Nội dung:**

Học sinh thảo luận nhóm, các nhóm cùng nghiên cứu 2 trường hợp sách giáo khoa đưa ra trên cơ sở đó chỉ rõ được nội dung nào là đặc điểm nội dung nào là vai trò của tín dụng được thể hiện qua hai tình huống

**c) Sản phẩm:**

- HS chỉ ra được

Đặc điểm, vai trò của tín dụng:

Trường hợp 1: Vay tín dụng có tính thời hạn. Hết thời hạn cam kết, bên vay phải hoàn trả lại bên cho vay đầy đủ cả gốc lẫn lãi.

Trường hợp 2: Tín dụng thúc đẩy quá trình tập trung vốn và tập trung sản xuất, là công cụ tài trợ cho các ngành kinh tế kém phát triển và ngành mũi nhọn

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

Học sinh thảo luận nhóm, các nhóm cùng nghiên cứu 2 trường hợp sách giáo khoa đưa ra trên cơ sở đó chỉ rõ được nội dung nào là đặc điểm nội dung nào là vai trò của tín dụng được thể hiện qua hai tình huống

**Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm

- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống

- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

**Báo cáo kết quả và thảo luận**

- Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời

**Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

*-* Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tham gia vào các quan hệ tín dụng

**Câu 3.** Em hãy đọc các tình huống sau và thực hiện yêu cầu.

**a) Mục tiêu:**

HS biết liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến hoạt động tín dụng.

**b) Nội dung:**

Giáo viên tổ chức cho học sinh hoạt động nhóm, nghiên cứu tình huống sach giáo khoa, tổ chức đóng vai theo các nhân vật trong tình huống để từ đó giải quyết được yêu cầu mà sách giáo khoa đặt ra

*- Tìm sự chênh lệch giữa việc sử dụng tiền mặt và mua tín dụng trong 2 trường.*

*- Tính tổng số tiền phải hoàn trả (bao gồm tiền nợ gốc và tiền lãi) của K và D.*

*- Em hãy giúp K và D xử lí tình huống.*

**c) Sản phẩm:**

- HS nhận biết và chỉ ra được

*- Sự chênh lệch giữa việc sử dụng tiền mặt và mua tín dụng trong 2 trường hợp trên là lãi suất.*

*- Tổng số tiền phải hoàn trả của K là 2516,25 nghìn/tháng và của D là 1150 nghìn/tháng.*

*- K có thể kí hợp đồng vay vốn ngân hàng để có một khoảng tiền hỗ trợ cho việc học. D nên từ chối gợi ý vay tín dụng của chị K.*

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

Giáo viên tổ chức cho học sinh hoạt động nhóm, nghiên cứu tình huống sach giáo khoa, tổ chức đóng vai theo các nhân vật trong tình huống để từ đó giải quyết được yêu cầu mà sách giáo khoa đặt ra

*- Tìm sự chênh lệch giữa việc sử dụng tiền mặt và mua tín dụng trong 2 trường.*

*- Tính tổng số tiền phải hoàn trả (bao gồm tiền nợ gốc và tiền lãi) của K và D.*

*- Em hãy giúp K và D xử lí tình huống.*

**Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm

- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống từ đó cử học sinh đóng vai cho từng tình huống

- Các nhóm tiến hành đóng vai cho các nhân vật trong tình huống

**Báo cáo kết quả và thảo luận**

Giáo viên mời từng nhóm tổ chức đóng vai, các nhóm còn lại cùng quan sát và nhận xét hoàn thiện câu trả lời

**Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tìm hiểu về sử dụng dịch vụ tín dụng

**4. Hoạt động: Vận dụng**

**Câu 1.** Em hãy thiết kế cẩm nang giới thiệu về khái niệm, đặc điểm, vai trò của tín dụng.

**a) Mục tiêu:**

HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới nhằm tăng cường ý thức và kĩ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề có liên quan đến hoạt động tín dụng một cách chủ động, sáng tạo.

**b) Nội dung:**

Học sinh làm việc cá nhân tại nhà, suy nghĩ và thiết kê cẩm nang thể hiện rõ các nội dung cơ bản về tín dụng

**c) Sản phẩm:**

Bài viết của học sinh, khuyến khích các cách thể hiện sáng tạo và độc đáo

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

Học sinh làm việc cá nhân tại nhà, suy nghĩ và thiết kê cẩm nang thể hiện rõ các nội dung cơ bản về tín dụng

**Thực hiện nhiệm vụ học tập**

Học sinh làm việc ở nhà, bài viết phải thể hiện rõ quan điểm của bản thân

**Báo cáo kết quả và thảo luận**

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ bài viết của mình

- Hoặc giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

**Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi sử dụng dịch vụ tín dụng

**Câu 2.** Em hãy viết bài thuyết trình về ý nghĩa của chính sách hỗ trợ tín dụng học sinh, sinh viên.

**a) Mục tiêu:**

HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới nhằm tăng cường ý thức và kĩ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề có liên quan đến hoạt động tín dụng một cách chủ động, sáng tạo.

**b) Nội dung:**

Học sinh làm việc cá nhân tại nhà, suy nghĩ và viết bài viết bày tỏ quan điểm của bản thân lấy được các ví dụ thể hiên rõ bản chất ưu việt của chính sách hỗ trợ học phí đối với học sinh, sinh viên

**c) Sản phẩm:**

- Bài viết của học sinh, đưa ra những quan điểm và nhận định mang chính kiến của bản thân về ý nghĩa của chính sách hỗ trợ tín dụng cho học sinh, sinh viên

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Học sinh làm việc cá nhân tại nhà, suy nghĩ và viết bài viết bày tỏ quan điểm của bản thân lấy được các ví dụ thể hiên rõ bản chất ưu việt của chính sách hỗ trợ học phí đối với học sinh, sinh viên

**Thực hiện nhiệm vụ học tập**

Học sinh làm việc ở nhà, bài viết phải thể hiện rõ quan điểm của bản thân

**Báo cáo kết quả và thảo luận**

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ bài viết của mình

- Hoặc giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

**Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về lựa chọn dịch vụ tín dụng

***TCT: 28 + 29 + 30***

***Ngày soạn:***

***Ngày dạy:***

***Lớp dạy:***

**BÀI 10: CÁCH SỬ DUNG CÁC DỊCH VỤ TÍN DỤNG**

**Thời lượng: 3 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Kể tên được một số dịch vụ tín dụng và mô tả được đặc điểm của chúng.

- Biết cách sử dụng có trách nhiệm một số dịch vụ tín dụng.

**2. Về năng lực**

*- Năng lực chung:*

+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về các dịch vụ tín dụng.

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến sử dụng dịch vụ tín dụng.

*- Năng lực đặc thù:*

+ Năng lực điểu chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dịch vụ tín dụng; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước khi tham gia các dịch vụ tín dụng; Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức và chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm chuẩn mực đạo đức, pháp luật khi tham gia các dịch vụ tín dụng.

+ Năng lực phát triển bản thân: Lựa chọn được dịch vụ tín dụng phù hợp đối với bản thân và gia đình.

+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiếu, tham gia và vận động người khác tham gia các dịch vụ tín dụng phù hợp với lứa tuổi.

**3. Về phẩm chất**

Trung thực và có trách nhiệm công dân khi tham gia các dịch vụ tín dụng phù hợp với lứa tuổi.

- Yêu nước, tin tưởng vào sự phát triển kinh tế của đất nước.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.**

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;

- Tranh/ảnh, clip và các mẩu chuyện về dịch vụ tín dụng

- Đồ dùng đơn giản để sắm vai;

- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Hoạt động: Mở đầu**

**a) Mục tiêu:**

Giới thiệu mục tiêu, nội dung chính của bài học, khai thác vốn sống, trải nghiệm của bản thân HS về chủ đề các dịch vụ tín dụng, tạo hứng thú và những hiểu biết ban đầu của HS vể bài học mới.

**b) Nội dung**:

Học sinh làm việc cá nhân thực hiện nội dung: *Em hãy liệt kê một số dịch vụ tín dụng phổ biến hiện nay ở Việt Nam và cho biết, khi sử dụng dịch vụ tín dụng, em cần lưu ý những điều gì?*

**c) Sản phẩm:**

Học sinh chỉ ra được trách nhiệm của bản thân khi thực hiện vay tiền như

*Trong cuộc sống không tránh khỏi có lúc cần một số tiền để chi cho một việc cần thiết mà bản thân không có hoặc không đủ tiền, do đó phải vay mượn người khác. Nếu được người nào đó cho vay, em cần cảm ơn họ và chi tiêu số tiền vay đúng mục đích đồng thời phải tìm cách trả lại số tiền đó đúng như đã hẹn.*

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

Học sinh làm việc cá nhân thực hiện nội dung: *Em hãy liệt kê một số dịch vụ tín dụng phổ biến hiện nay ở Việt Nam và cho biết, khi sử dụng dịch vụ tín dụng, em cần lưu ý những điều gì?*

**Thực hiện nhiệm vụ học tập**

HS làm việc cá nhân, hoàn thành nhiệm vụ vào vở, chia sẻ với các bạn xung quanh về nhiệm vụ được giao.

**Báo cáo kết quả và thảo luận**

- Giáo viên yêu cầu một số học sinh trình bày việc chuẩn bị của bản thân mình

- Các học sinh khác chủ động tìm hiểu, góp ý, bổ sung hoàn thiện

**Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

*-* Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

**Gv nhấn mạnh:**

Trên thị trường có nhiều dịch vụ tín dụng khác nhau hỗ trợ các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức,... giải quyết những vấn đề liên quan đến tiền vốn. Bài học này giúp em trang bị những kiến thức và kĩ năng cần thiết để sử dụng những dịch vụ tín dụng chính thức, đảm bảo quyền lợi cũng như trách nhiệm của mình mỗi khi tham gia các dịch vụ tín dụng.

**2. Hoạt động: Khám phá**

**Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Tín dụng thương mại**

***a) Mục tiêu.*** HS nhận biết và mô tả được đặc điểm tín dụng thương mại; biết cách sử dụng có trách nhiệm dịch vụ tín dụng thương mại.

**b) Nội dung.** Học sinh cùng làm việc theo nhóm cùng nhau đọc thông tin về doanh nghiệp A và B trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi

*- Doanh nghiệp A và B giữ vai trò gì trong mối quan hệ tín dụng trên?*

*- Dịch vụ tín dụng trong trường hợp trên có những đặc điểm gì? Đặc điểm nào thể hiện tính ưu thế của tín dụng này trong nền kinh tế? Vì sao?*

***c) Sản phẩm.***

- HS đọc thông tin và trả lời được các câu hỏi đặt ra theo một số nội dung sau

- Doanh nghiệp A giữ vai trò là bên cho vay, bên B là bên vay.

- Dịch vụ tín dụng trong trường hợp trên có những đặc điểm:

+ Có lãi suất.

+ Thời hạn trả xác định.

+ Bên vay và bên cho vay đều là các doanh nghiệp, tự thống nhất, thỏa thuận với nhau.

- Tính ưu thế của tín dụng này trong nền kinh tế là làm giảm sự lệ thuộc về vốn vào Nhà nước và các ngân hàng, tạo khả năng mở rộng các quan hệ hợp tác kinh doanh lâu bền vì việc vay vốn hoàn toàn dựa vào nguồn vốn, sự thỏa thuận, trao đổi giữa 2 doanh nghiệp.

***d) Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  Học sinh cùng làm việc theo nhóm cùng nhau đọc thông tin về doanh nghiệp A và B trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi  *- Doanh nghiệp A và B giữ vai trò gì trong mối quan hệ tín dụng trên?*  *- Dịch vụ tín dụng trong trường hợp trên có những đặc điểm gì? Đặc điểm nào thể hiện tính ưu thế của tín dụng này trong nền kinh tế? Vì sao?*  **Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận.  - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.  **Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra  - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét  - Giáo viên chốt kiến thức làm nổi bật từng hình thức tín dụng ngân hàng  Gv nhấn mạnh:  Tín dụng thương mại là gắn liền với quan hệ giữa các doanh nghiệp, giữ vai trò to lớn đối với sự phát triển kinh tế xã hội. | **1. Một số dịch vụ tín dụng**  *a)Tín dụng thương mại*  Tín dụng thưong mại: là quan hệ tín dụng do các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, doanh nhân cấp cho nhau, không có sự tham gia của hệ thống ngân hàng.  Đặc điểm: Tín dụng thương mại làm giảm sự lệ thuộc về vốn vào Nhà nước và các ngân hàng, tạo khả năng mở rộng các quan hệ hợp tác kinh doanh lâu bền.  Các hình thức tín dụng thưong mại: mua bán chịu, mua bán trả chậm hay trả góp hàng hoá. |

**Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung: Tín dụng nhà nước**

***a) Mục tiêu.*** Mục tiêu: HS nhận biết và mô tả được đặc điểm tín dụng nhà nước.

**b) Nội dung.** Học sinh cùng làm việc theo nhóm lớp chia thành 4 nhóm, 2 nhóm một trường hợp trong sách giáo tìm hiểu các thông tin và trả lời câu hỏi.

*- Cho biết vai trò của Nhà nước trong mối quan hệ tín dụng nhà nước.*

*- Nêu một số đặc điểm của tín dụng nhà nước. Giải thích vì sao lãi suất vay của tín dụng nhà nước hấp dẫn hơn các ngân hàng thương mại.*

***c) Sản phẩm.***

- HS đọc thông tin và trả lời được các câu hỏi đặt ra theo một số nội dung sau

- Trong tín dụng nhà nước, nhà nước là bên cho vay.

=> Nhà nước thường cung cấp dịch vụ bằng cách: cho vay đầu tư, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư và bảo lãnh tín dụng.

- Một số đặc điểm của tín dụng nhà nước:

Tính cưỡng chế, tính chính trị, tính xã hội.

Lãi suất vay của tín dụng nhà nước hấp dẫm dẫn hơn các ngân hàng thương mại vì tín dụng nhà nước có tính xã hội, nhằm hỗ trợ người dân hoặc doanh nghiệp thuộc một số ngành nhất định, tạo điều kiện thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững.

*­*- HS rút ra được đặc điểm của từng hình thức tín dụng nhà nước.

***d) Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm về trường hợp trong SGK, trả lời câu hỏi:  *Em hãy nêu mục đích và đặc điểm của tín dụng nhà nước được thể hiện trong thông tin trên.*  **Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh đọc thông tin.  - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.  **Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Giáo viên gọi một số học sinh đại diện đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra  - Các học sinh còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét  - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật đặc điểm của tín dụng nhà nước  Gv nhấn mạnh:  + Tín dụng nhà nước là các hoạt động vay trả giữa Nhà nước với các tác nhân khác trong nền kinh tế, thông qua các hoạt động Nhà nước đi vay để phục vụ cho mục đích huy động vốn bù đắp thiếu hụt ngân sách nhà nước hoặc mở rộng quy mô đầu tư của Nhà nước để xây dựng Tổ quốc và Nhà nước cho vay thực hiện những mục tiêu kinh tế quan trọng, hỗ trợ những đối tượng khó khăn trong xã hội để xây dựng và phát triển xã hội bền vững. | **1. Một số dịch vụ tín dụng**  *b). Tín dụng nhà nước*  Tín dụng nhà nước: là quan hệ vay mượn giữa Nhà nước với xã hội để phục vụ cho việc thực thi các chức năng quản lí kinh tế, xã hội của mình.  Tín dụng nhà nước có tính cưỡng chế, tính chính trị và tính xã hội. Nhà nước cung cấp dịch vụ tín dụng bằng cách: cho vay đầu tư, hỗ trợ lãi suất sau đẩu tư và bảo lãnh tín dụng. |

**Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung: Tín dụng ngân hàng**

***a) Mục tiêu.*** HS nhận biết và mô tả được đặc điểm tín dụng ngân hàng.

**b) Nội dung.** GV hướng dẫn HS đóng vai cho trường hợp sách giáo khoa

- Các nhóm nghiên cứu câu chuyện, lên kịch bản và tổ chức diễn thông qua việc đóng vai các nhân vật, các nhóm đưa ra ý kiến của mình để trả lời cho 2 câu hỏi

*- Các dịch vụ tín dụng của Ngân hàng C có đặc điểm gì?*

*- Anh B cần đáp ứng điều kiện gì để sử dụng các dịch vụ tín dụng mà Ngân hàng C cung cấp?*

***c) Sản phẩm.***

- HS giải thích được hoạt động tín dụng của ngân hàng C như sau

*- Các dịch vụ tín dụng của Ngân hàng C có đặc điểm:*

*Vay thế chấp: vay tiền có tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay*

*Vay tín chấp: vay tiền không cần tài sản đảm bảo cho khoản vay, cần chứng minh năng lực tài chính của bên vay qua hợp đồng lao động, bảng lương.*

*Ngân hàng sẽ là bên đặt ra hạn mức vay, thời hạn vay, lãi suất cho khách hàng.*

*- Để đáp ứng điều kiện sử dụng các dịch vụ tín dụng mà Ngân hàng C cung cấp, anh B cần có tài sản để thế chấp hoặc có nguồn thu nhập ổn định, cam kết trả lãi suất hàng tháng và hoàn trả lại số tiền vay đúng thời hạn đã cam kết.*

*­*- HS nêu được đặc điểm của tín dụng ngân hàng

***d) Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  GV hướng dẫn HS đóng vai cho trường hợp sách giáo khoa  - Các nhóm nghiên cứu câu chuyện, lên kịch bản và tổ chức diễn thông qua việc đóng vai các nhân vật, các nhóm đưa ra ý kiến của mình để trả lời cho 2 câu hỏi  *- Các dịch vụ tín dụng của Ngân hàng C có đặc điểm gì?*  *- Anh B cần đáp ứng điều kiện gì để sử dụng các dịch vụ tín dụng mà Ngân hàng C cung cấp?*  **Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh đọc thông tin.  - Học sinh làm việc theo nhóm: tổ chức đóng vai các nhân vật trong tình huống  - Tổ chức đóng vai và thực hiện nhiệm vụ  **Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Giáo viên tổ chức cho học sinh thảo luận chéo giữa các nhóm về kết quả đóng vai, bình xét cho điểm việc thực hiện của các nhóm  - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: *Tín dụng ngân hàng được hình thành dựa trên nguyên tắc nào*  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật vai trò của tín dụng ngân hàng  Gv nhấn mạnh:  Tín dụng ngân hàng là việc ngân hàng chấp nhận để khách hàng sử dụng một lượng tiền vốn trong một thời gian nhất định trên cơ sở lòng tin khách hàng có khả năng hoàn trả gốc và lãi khi đến hạn. | **1. Một số dịch vụ tín dụng**  *c) Tín dụng ngân hàng*  Là quan hệ tín dụng giữa một bên là các ngân hàng, các tổ chứctín dụng và một bên là các chủ thể kinh tế - tài chính của toàn xã hội. Tín dụng ngân hàng có các đặc điểm: hoạt động trong phạm vi rộng; mang tính linh hoạt; tạo điều kiện duy trì phát triển các loại hình tín dụng khác bằng sựtham gia rộng rãi thông qua các nghiệp vụ chiết khấu, cầm cố, tái chiết khấu, tái cầm cố các giấy tờ có giá. Ngân hàng cung cấp dịch vụ tín dụng này bằng cách cho vay hoặc bảo lãnh ngân hàng. |

**Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung: Tín dụng tiêu dùng**

***a) Mục tiêu.*** Mục tiêu: HS nhận biết và mô tả được đặc điểm tín dụng tiêu dùng.

**b) Nội dung.** GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm về trường hợp trong SGK, trả lời câu hỏi:

*- Nêu những yêu cầu đăng kí sử dụng thẻ tín dụng tại ngân hàng từ trường hợp trên.*

*- Trình bày các đặc điểm của tín dụng tiêu dùng được mô tả trong trường hợp trên. Cho ví dụ.*

*- Liệt kê một số lưu ý khi sử dụng tín dụng tiêu dùng trong việc mua sắm hàng hoá, dịch vụ trong cuộc sống.*

***c) Sản phẩm.***

- HS giải thích được

- Những yêu cầu đăng kí sử dụng thẻ tín dụng tại ngân hàng:

*Chứng minh được thu nhập định kì và ổn định*

*Bên vay không phải trả lãi trong vòng 45 ngày sau khi sử dụng thẻ và cần thanh toán lại cho ngân hàng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo thanh toán nợ.*

*Nếu thanh toán khoản vay quá hạn hoàn trả, bên vay sẽ mất têm chi phí lãi quá hạn.*

- Đặc điểm của tín dụng tiêu dùng:

*Phục vụ cho việc tiêu dùng*

*Bên cho vay: doanh nghiệp, cá nhân; bên vay: người tiêu dùng.*

*Tín dụng tiêu dùng luôn kết hợp với việc trả ngay một phần theo hợp đồng hoặc một giao kèo bán chịu trả góp giữa bên cho vay và người đi vay.*

*=> Ví dụ: Anh T muốn vay ngân hàng 300 triệu để mua ô tô. Để vay tiền, anh cần chứng minh tài chính, sau đó trả một phần cho ngân hàng theo hợp đồng và trả lãi hàng tháng theo mức lãi suất cho vay tín funjg của ngân hàng.*

- Một số lưu ý khi sử dụng tín dụng tiêu dùng trong việc mua sắm hàng hoá, dịch vụ trong cuộc sống:

*Không nên sử dụng thẻ dể mua những đồ dùng quá đắt đỏ vì lãi suất thẻ tín dụng là tương đối cao.*

*Những người có thu nhập hàng tháng ổn định mới nên sử dụng thể tín dụng để đảm nảo trả được cả gốc và lãi.*

***d) Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm về trường hợp trong SGK, trả lời câu hỏi:  *- Nêu những yêu cầu đăng kí sử dụng thẻ tín dụng tại ngân hàng từ trường hợp trên.*  *- Trình bày các đặc điểm của tín dụng tiêu dùng được mô tả trong trường hợp trên. Cho ví dụ.*  *- Liệt kê một số lưu ý khi sử dụng tín dụng tiêu dùng trong việc mua sắm hàng hoá, dịch vụ trong cuộc sống.*  **Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh đọc thông tin.  - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.  **Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Giáo viên gọi một số học sinh đại diện đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra  - Các học sinh còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.  - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: *Tín dụng tiêu dùng được hình thành dựa trên quan hệ nào*  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét  - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật đặc điểm của tín dụng tiêu dùng  Gv nhấn mạnh:  Tín dụng tiêu dùng là khái niệm chỉ quan hệ kinh tê giữa người cho vay là các tộ chức tín dụng và người vay là người tiêu dùng nhằm tạo điều kiện thoả mãn nhu cầu tiêu dùng (mua sắm hàng hoá). | **1. Một số dịch vụ tín dụng**  *d) Đặc điểm của tín dụng tiêu dùng*  Quan hệ tín dụng phục vụ cho việc tiêu dùng của dân cư với người tiêu dùng là người đi vay và doanh nghiệp, cá nhân là người cho vay. Bên cho vay có thể là các ngân hàng, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, hoặc các công ti tài chính,... Các hình thức của tín dụng tiêu dùng: bán chịu trả góp và thẻ tín dụng. Tín dụng tiêu dùng luôn kết hợp với việc trả ngay một phần theo hợp đồng hay một giao kèo bán chịu trả góp giữa bên cho vay và người đi vay. |

**Nội dung 5: Tìm hiểu nội dung: Sử dụng dịch vụ tín dụng có trách nhiệm**

***a) Mục tiêu.*** HS nhận biết và có ý thức tìm hiểu, hình thành kỹ năng sử dụng dịch vụ tín dụng một cách có trách nhiệm.

**b) Nội dung.** Học sinh cùng làm việc theo nhóm lớp chia thành 4 nhóm, 2 nhóm tìm hiểu 1 nội dung, cùng nhau đọc và tìm hiểu các thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi.

*- Em hãy nhận xét về cách sử dụng dịch vụ tín dụng của chị Q và anh H.*

*- Cho biết, vì sao phải sử dụng dịch vụ tín dụng có trách nhiệm.*

*- Nêu một số cách sử dụng dịch vụ tín dụng có trách nhiệm.*

***c) Sản phẩm.***

- HS đọc thông tin và trả lời được các câu hỏi đặt ra theo một số nội dung sau

- Cách sử dụng thẻ tín dụng:

*Chị Q: đáp ứng đầy đủ yêu cầu của bên cho vay nên chị có thể tiếp tục số tiền vay tín dụng này để phục vụ nhu cầu tiêu dùng của mìnhl.*

*Anh H: đã thế chấp sổ đỏ để thế chấp cay tín dụng => Đây không phải là một giải pháp an toàn vì nếu ngân hàng có xảy ra vấn đề gì thì anh H có thể không lấy được sổ đỏ.*

- Phải sử dụng dịch vụ tín dụng có trách nhiệm vì đây là mộ hình thức cho vay dựa trên lòng tin.

- Để sử dụng thẻ tín dụng có trách nhiệm, cần:

*Khi bắt đầu sử dụng thẻ tín dụng thì bạn đã bắt đầu xây dựng cho mình một lịch sử tín dụng lâu dài. Cân nhắc nhu cầu sử dụng tiền vay tín dụng phù hợp với năng lực tài chính cá nhân.*

*Nên bắt đầu thanh toán cho những khoản không quá lớn đề có thể dễ dành thanh toán trong thời gian qui định.*

*Thực hiện đúng cam kết về khoản vay, thời hạn thanh toán và lãi suất với bên cho vay tín dụng.*

*­*- HS rút ra được cho bản than những điều cần lưu ý khi sử dụng dịch vụ tín dụng.

***d) Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  Học sinh cùng làm việc theo nhóm lớp chia thành 4 nhóm, 2 nhóm tìm hiểu 1 nội dung, cùng nhau đọc và tìm hiểu các thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi.  *- Em hãy nhận xét về cách sử dụng dịch vụ tín dụng của chị Q và anh H.*  *- Cho biết, vì sao phải sử dụng dịch vụ tín dụng có trách nhiệm.*  - Nêu một số cách sử dụng dịch vụ tín dụng có trách nhiệm.  **Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận.  - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.  **Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra  - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét  - Giáo viên chốt kiến thức giúp học sinh chỉ ra được các ký năng khi sử dụng dịch vụ tín dụng  - Để sử dụng thẻ tín dụng có trách nhiệm, cần:  *Khi bắt đầu sử dụng thẻ tín dụng thì bạn đã bắt đầu xây dựng cho mình một lịch sử tín dụng lâu dài. Cân nhắc nhu cầu sử dụng tiền vay tín dụng phù hợp với năng lực tài chính cá nhân.*  *Nên bắt đầu thanh toán cho những khoản không quá lớn đề có thể dễ dành thanh toán trong thời gian qui định.*  *Thực hiện đúng cam kết về khoản vay, thời hạn thanh toán và lãi suất với bên cho vay tín dụng.* | **2. Sử dụng dịch vụ tín dụng có trách nhiệm.**  Để sử dụng tín dụng có trách nhiệm, cẩn:  + Thực hiện đúng cam kết về khoản vay, thời hạn thanh toán và lãi suất với bên cho vaỵ tín dụng.  + Cân nhắc nhu cầu sử dụng tiền vaỵ tín dụng phù hợp với năng lực tài chính cá nhân. |

**3. Hoạt động: Luyện tập**

**Câu 1.** Em hãy đọc các trường hợp sau và xác định dịch vụ tín dụng phù hợp.

***a) Mục tiêu.*** HS củng cố tri thức vừa khám phá; rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống những vấn đề liên quan đến các dịch vụ tín dụng; liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân khi tham gia các dịch vụ tín dụng.

**b) Nội dung.** Học sinh làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể

***c) Sản phẩm.***

- Trường hợp 1: Tín dụng thương mại

- Trường hợp 2: Tín dụng nhà nước

- Trường hợp 3: Tín dụng tiêu dùng

- Trường hợp 4: Tín dụng ngân hàng

***d) Tổ chức thực hiện***

**Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể

**Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

**Báo cáo kết quả và thảo luận**

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

**Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

*-* Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tìm hiểu về tín dụng

**Câu 2.** Em hãy trình bày cách sử dụng dịch vụ tín dụng có trách nhiệm, phù hợp với nhu cầu của người tiêu dùng tín dụng trong các trường hợp sau:

***a) Mục tiêu.*** HS củng cố tri thức liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân khi tham gia các dịch vụ tín dụng.

**b) Nội dung.** Học sinh làm việc cá nhân, trao đổi cặp đôi với bạn xung quang để cùng đưa chỉ ra các cách sử dụng dịch vụ tín dụng một cách hiệu quả

***c) Sản phẩm.***

- HS chỉ ra được

Cách sử dụng dịch vụ tín dụng có trách nhiệm:

a. Anh A cần cam kết trả lãi suất hàng tháng đúng theo qui định của Nhà nước và hoàn thành việc trả nợ theo đúng thời gian qui định.

b. Ông H cần tìm hiểu nghĩ qui định vay tín dụng ngân hàng và thực hiện theo đúng các qui định. Nếu ông không đưa sổ đỏ cho ngân hàng giữ thì ông sẽ không đủ điều kiện để vay tiền.

c. Bà B cần chấp thuận và thực hiện theo các yêu cầu mà doanh nghiệp A đưa ra và cam kết hoàn trả lại số tiền đã vay đúng thời hạn.

d. Chị G có thể sử dụng hình thức vay tín dụng nhà nước, tín dụng ngân hàng. Chị cần cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của bên vay, trả lãi suất đầy đủ và hoàn trả số tiền vay đúng thời hạn.

***d) Tổ chức thực hiện***

**Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

Học sinh làm việc cá nhân, trao đổi cặp đôi với bạn xung quang để cùng đưa chỉ ra các cách sử dụng dịch vụ tín dụng một cách hiệu quả

**Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Học sinh đọc từng trường hợp, trao đổi bạn xung quanh để hoàn thiện câu trả lời

**Báo cáo kết quả và thảo luận**

- Giáo viên mời một số học sinh trao đổi và đưa ra quan điểm về từng trường hợp cụ thể, học sinh có thể đưa ra các cách khác nhau

**Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

*-* Giáo viên nhận xét phần trả lời của các các học sinh, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tham gia vào các quan hệ tín dụng

Bài tập 3: Xử lý tình huống

***a) Mục tiêu.*** HS củng cố tri thức liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân khi tham gia các dịch vụ tín dụng.

**b) Nội dung.** GV yêu cầu các nhóm thảo luận, 2 nhóm cùng trao đổi 1 một tình huống, suy nghĩ và trả lời được các câu hỏi tương ứng với từng tình huống

**Trường hợp 1**

- Cách sử dụng dịch vụ tín dụng của anh T có đúng quy định không? Vì sao?

- Trong trường hợp này, em sẽ hướng dẫn anh T cách sử dụng dịch vụ tín dụng có trách nhiệm như thế nào?

**Trường hợp 2**

- Em có nhận xét gì về việc sử dụng dịch vụ tín dụng của V?

- Nếu là người thân của V và chứng kiến tình huống trên, em sẽ trao đổi như thế nào đề V biết cách sử dụng dịch vụ tín dụng có trách nhiệm?

***c) Sản phẩm.***

- HS nhận biết và chỉ ra được

**Tình huống 1:**

- Cách sử dụng dịch vụ tín dụng của anh T là không đúng quy định vì anh đã không đảm bảo việc trả lãi đúng thời hạn qui định.

- Trong trường hợp này, em sẽ khuyên anh T nên điều chỉnh, cân đối các khoản chi tiêu trong tháng, để riêng một khoản tiền để trả lãi suất ngân hàng đúng thời gian qui định.

**Tình huống 2:**

- V cần có hiểu biết và cân nhắc trước khi sử dụng dịch vụ tín dụng. Không nên cứ thấy thẻ có nhiều tiền là tiêu sài phung phí.

- Nếu là người thân của V, em sẽ giải thích cho V về lãi suất cũng như các qui định của việc vay tín dụng để V biết cách sử dụng khoản vay một cách hợp lí.

***d) Tổ chức thực hiện***

**Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm cá nhân

Các nhóm cùng nghiên cứu 3 trường hợp sách giáo khoa đưa ra và thể hiện rõ những hiểu biết của mình qua việc chỉ ra được một số mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả .

**Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm

- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống

- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

**Báo cáo kết quả và thảo luận**

- Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời

**Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

*-* Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tìm hiểu về mô hình sản xuất kinh doanh

**4. Hoạt động: Vận dụng**

**Bài tập 1:** Em hãy cùng các bạn tham gia trải nghiệm tìm hiểu thủ tục mua trả góp một mặt hàng nào đó (ví dụ: điện thoại, xe máy, máy vi tính,...) và cho biết các thủ tục cần có để thực hiện mua trả góp mặt hàng đó.

***a) Mục tiêu.*** HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới nhằm tăng cường ý thức và kĩ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học

**b) Nội dung.** HS thực hiện bài tập này theo nhóm, tìm hiểu thủ tục mua trả góp một mặt hàng nào đó (có thể đến tìm hiểu ở một cửa hàng trong thực tế với người thân hoặc tham khảo trên mạng xã hội). Sau đó ghi lại các thủ tục cần thiết đê’ mua trả góp mặt hàng đó.

***c) Sản phẩm.***

- Biết được quy trình mua hàng dựa trên một hình thức tín dụng cụ thể

***d) Tổ chức thực hiện***

**Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập này theo nhóm, tìm hiểu thủ tục mua trả góp một mặt hàng nào đó (có thể đến tìm hiểu ở một cửa hàng trong thực tế với người thân hoặc tham khảo trên mạng xã hội). Sau đó ghi lại các thủ tục cần thiết đê’ mua trả góp mặt hàng đó.

**Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Học sinh làm việc ở nhà cùng nhau tìm hiểu

**Báo cáo kết quả và thảo luận**

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ bài viết của mình

- Hoặc giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

**Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

*-* Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về việc sử dụng

**Câu 2.** Em hãy tìm hiểu, viết bài giới thiệu ý nghĩa của một loại công trái hoặc trái phiếu chính phủ mà em biết trong đời sống xã hội.

**a) Mục tiêu***.* HS vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo liên quan đến việc sử dụng các dịch vụ tín dụng.

**b) Nội dung.** Học sinh làm việc cá nhân tại nhà, suy nghĩ và chia sẻ ý nghĩa về một loại công trái chính phủ mà em biết

***c) Sản phẩm.***

- Bài viết của học sinh, đưa ra những quan điểm và nhận định mang chính kiến của bản thân về ý nghĩa của công trái đó

***d) Tổ chức thực hiện***

**Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

GV hướng dẫn HS khai thác được ý nghĩa của một loại công trái cụ thể để từ đó viết bài về nội dung, mục đích và ý nghĩa ban hành công trái đó

**Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Học sinh làm việc ở nhà, bài viết phải thể hiện rõ quan điểm của bản thân

**Báo cáo kết quả và thảo luận**

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ bài viết của mình

- Hoặc giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

**Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

*-* Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về lựa chọn mô hình sản xuất kinh doanh

***TCT: 31 + 32 + 33***

***Ngày soạn:***

***Ngày dạy:***

***Lớp dạy:***

**BÀI 11: LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CÁ NHÂN**

**Thời lượng: 4 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

**1.Về kiến thức**

- Nêu được khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân; các loại kế hoạch tài chính cá nhân và tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.

- Nhận biết được các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân.

- Lập được kế hoạch tài chính của cá nhân

**2.Về năng lực**

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về lập kế hoạch tài chính cá nhân.

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.

- Năng lực đặc thù:

+ Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của bản thân trong việc quản lí tài chính cá nhân; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện lập kế hoạch tài chính cá nhân.

+ Năng lực phát triển bản thân: Lập được kế hoạch tài chính cá nhân cho bản thân.

+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu, tham gia và vận động người khác thực hiện việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.

**3.Về phẩm chất**

Trung thực và có trách nhiệm trong việc thực hiện lập kế hoạch tài chính cá nhân.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.**

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;

- Tranh/ảnh, clip và các mẩu chuyện về kế hoạch tài chính cá nhân;

- Đồ dùng đơn giản để sắm vai;

- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Hoạt động: mở đầu**

**a) Mục tiêu.** Mục tiêu: Giới thiệu mục tiêu, nội dung chính của bài học, khai thác vốn sống, trải nghiệm của bản thân HS về chủ đề lập kế hoạch tài chính cá nhân, tạo hứng thú và những hiểu biết ban đầu của HS về chủ đề bài học mới.

**b) Nội dung*.*** Em hãy thực hiện chò chơi "Chiếc hộp thông minh" theo yêu cầu: Chia 1.000.000 đồng vào bốn chiếc hộp: nhu cầu cá nhân, tiết kiệm, dự phòng và đầu tư sinh lời sao cho hợp lí nhất. Sau đó, trình bày trước lớp để thuyết phục các bạn về sự phân chia của mình.

**c) Sản phẩm*.*** Học sinh bước đầu biết điều chỉnh hành vi của bản thân trong việc chi tiêu có kế hoạch

**d) Tổ chức thực hiện**

**Giao nhiệm vụ học tập:**

GV yêu cầu HS chia đội để cùng thực hiện trò chơi. Chia 1.000.000 đồng vào bốn chiếc hộp: nhu cầu cá nhân, tiết kiệm, dự phòng và đầu tư sinh lời sao cho hợp lí nhất. Sau đó, trình bày trước lớp để thuyết phục các bạn về sự phân chia của mình.

**Thực hiện nhiệm vụ**

Lớp chi thành 4 nhóm, các nhóm cùng tiến hành phân chia thành các hộp theo yêu cầu

**Báo cáo và thảo luận**

- Giáo viên mời đại diện các nhóm thuyết trình về cách phân chia của nhóm cũng như trình bày ý tưởng của nhóm

**Kết luận, nhận định**

*-* Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

**Gv nhấn mạnh:**

Mỗi chúng ta ai cũng sẽ phải giải quyết những vấn đề về thu nhập, chi tiêu, tiết kiệm,... phấn đấu cho các mục tiêu tài chính khác nhau và đối mặt với những rủi ro trong cuộc sống. Để thực hiện tốt được những vấn đề đó, kiểm soát được tình hình tài chính của bản thân và gia đình, mỗi người cần biết lập kế hoạch tài chính cá nhân.

**2. Hoạt động: Khám phá**

**Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân**

**a) Mục tiêu*.*** HS nêu được khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân.

**b) Nội dung.** GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm, các nhóm đọc trường hợp trong SGK và trả lời câu hỏi:

*- Vì sao phải tính toán nguồn tiền ra - vào mỗi tháng, thời gian tiết kiệm, khả năng vay nợ và đầu tư sinh lời khi lập kế hoạch tài chính cá nhân?*

*- Theo em, kế hoạch tài chính cá nhân là gì?*

**c) Sản phẩm.**

- HS giải thích được các câu hỏi mà phần thông tin đưa ra

*- Phải tính toán nguồn tiền ra - vào mỗi tháng, thời gian tiết kiệm, khả năng vay nợ và đầu tư sinh lời khi lập kế hoạch tài chính cá nhân vì đây là các yếu tố tạo nên một bản kế hoạch tài chính cá nhân đầy đủ, hiệu quả.*

*­*- HS nêu được khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân.

***d) Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Giao nhiệm vụ học tập:**  GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm, các nhóm đọc trường hợp trong SGK và trả lời câu hỏi:  *- Vì sao phải tính toán nguồn tiền ra - vào mỗi tháng, thời gian tiết kiệm, khả năng vay nợ và đầu tư sinh lời khi lập kế hoạch tài chính cá nhân?*  *- Theo em, kế hoạch tài chính cá nhân là gì?*  **Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh đọc thông tin.  - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.  **Báo cáo, thảo luận**  - Giáo viên gọi một số học sinh đại diện đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra  - Các học sinh còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.  - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: *Kế hoạch tài chính cá nhân cần đảm bảo các yêu cầu gì*  **Kết luận, nhận định**  - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét  - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân  Gv nhấn mạnh:  Tài chính cá nhân là những vấn đề về thu nhập, chi tiêu, tiết kiệm,... của mỗi người.  Việc lập kế hoạch tài chính cá nhân có vai trò quan trọng đối với mỗi cá nhân, nó giúp chúng ta biết chi tiêu hợp lý, chủ động các công việc trong sinh hoạt | **1. Khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân**  - Kế hoạch tài chính cá nhân là tập hợp các hoạt động thu - chi tiền bạc, tiết kiệm, đầu tư, dự phòng và nợ được sắp xếp theo trình tự để đạt được mục tiêu tài chính cá nhân cho từng giai đoạn thời gian. |

**Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Các loại kế hoạch tài chính cá nhân**

**a) Mục tiêu*.*** HS nêu được các loại kế hoạch tài chính cá nhân.

**b) Nội dung.** Học sinh cùng làm việc theo nhóm lớp chia thành 6 nhóm, 2 nhóm tìm hiểu 1 nội dung , cùng nhau đọc và tìm hiểu các thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi.

*Nhóm 1,2: Tìm hiểu Kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn.*

- Em hãy cho biết tiêu chí về thời gian và số tiền tiết kiệm trong kế hoạch tài chính cá nhân của bạn A.

- Em hãy liệt kê một số trường hợp cần lập kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn.

*Nhóm 3,4: Tìm hiểu Kế hoạch tài chính cá nhân trung hạn.*

- Kế hoạch tài chính cá nhân của B có đặc điểm gì?

- Theo em, mục tiêu của kế hoạch tài chính cá nhân trung hạn là gì?

*Nhóm 5,6: Tìm hiểu Kế hoạch tài chính cá nhân dài hạn.*

- Em hãy mô tả nội dung kế hoạch tài chính cá nhân của bạn T.

- Cho biết khi nào nên lập kế hoạch tài chính cá nhân đài hạn.

**c) Sản phẩm.**

- HS đọc thông tin và trả lời được các câu hỏi đặt ra theo một số nội dung sau

*Biết phân biệt được sự giống và khác nhau ở mỗi loại kế hoạch tài chính cá nhân*

*Kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn*

- Tiêu chí về thời gian mà bạn A đặt ra là trong vòng 1 tháng và số tiền bạn muốn tiết kiệm là 300 nghìn đồng.

\* Nhận xét: Dựa vào số tiền bạn nhận được và tiết kiệm được mỗi ngày, em thấy đây là một kế hoạch ngắn hạn khá hợp lí, khả năng đạt được mục tiêu cao.

- Một số trường hợp cần lập kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn:

Tiết kiệm tiền để đăng kí hóa học.

Tiết kiệm tiền mua cuốn sách mình yêu thích.

Tiết kiệm tiền mua một đôi giày mới.

*Kế hoạch tài chính cá nhân trung hạn*

- Đặc điểm kế hoạch tài chính cá nhân của B:

Có lộ trình rõ ràng, kéo dài 6 tháng.

Là một kế hoạch tài chính trung hạn.

- Mục tiêu của kế hoạch tài chính cá nhân trung hạn là để tiết kiệm một khoản tiền tương đối lớn.

*Kế hoạch tài chính cá nhân dài hạn.*

- Nội dung kế hoạch tài chính cá nhân của bạn T:

Chi phí đóng học trong 4 năm là 50 triệu đồng.

Kế hoạch tiết kiệm kéo dài trên 6 tháng, 15 tháng đầu, mỗi tuần tiết kiệm tối thiểu 120 nghìn đồng (chia 2 ống tiết kiệm).

Khi lên lớp 11, trong 18 tháng đầu cố gắng tiết kiệm được 20 triệu.

Sau đó sẽ mở tài khoản tiết kiệm ở ngân hàng để đầu tư sinh lời mỗi năm.

Số tiền sinh lời được bổ sung vào quỹ tiết kiệm để nhanh đạt được mục tiêu.

- Cần lập kế hoạch tài chính cá nhân dài hạn khi muốn tiết kiệm một khoản tiền lớn để sửa dụng hoặc đầu tư trong tương lai.

*­*- HS rút ra được đặc điểm của từng loại kế hoạch tài chính cá nhân.

***d) Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Giao nhiệm vụ học tập:**  Học sinh cùng làm việc theo nhóm lớp chia thành 6 nhóm, 2 nhóm tìm hiểu 1 nội dung , cùng nhau đọc và tìm hiểu các thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi.  *Nhóm 1,2: Tìm hiểu Kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn.*  *Nhóm 3,4: Tìm hiểu Kế hoạch tài chính cá nhân trung hạn.*  *Nhóm 5,6: Tìm hiểu Kế hoạch tài chính cá nhân dài hạn.*  **Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận.  - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.  **Báo cáo, thảo luận**  - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra  - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.  **Kết luận, nhận định**  - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét  - Giáo viên chốt kiến thức làm nổi bật đặc điểm của từng loại kế hoạch  Gv nhấn mạnh:  Các kế hoạch này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, việc thực hiện tốt kế hoạch ngắn hạn là cơ sở để hoàn thành kế hoạch trung và dài hạn. Kế hoạch dài hạn muốn đạt được chúng ta phải hoàn thành các kế hoạch ngắn hạn | **2. Các loại kế hoạch cá nhân**  Kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn  + Kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn là bản kế hoạch vế thu chi ngân sách nhằm thực hiện một mục tiêu tài chính trong một thời gian ngắn (dưới 3 tháng).  Kế hoạch tài chính cá nhân trung hạn  + Kế hoạch tài chính cá nhân trung hạn là bản kế hoạch về thu chi ngân sách nhằm thực hiện một mục tiêu tài chính trong một thời gian từ 3 - 6 tháng.  Kế hoạch tài chính cá nhân dài hạn  + Kế hoạch tài chính cá nhân dài hạn là bản kế hoạch về thu chi ngân sách nhằm thực hiện được những mục tiêu tài chính quan trọng trong thời gian từ 6 tháng trở lên. |

**Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung: Tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân**

**a) Mục tiêu*.*** HS nêu được tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.

**b) Nội dung.** GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc trường hợp 1 và 2 trong SGK và trả lời câu hỏi:

*- Cách quản lí và chi tiêu tiền của K và T có gì khác nhau?*

*- Em có suy nghĩ gì về ý kiến cho rằng: Việc lập kế hoạch tài chính cá nhân là việc cần làm của mỗi người nếu muốn tiết kiệm và sinh lời từ tiền?*

**c) Sản phẩm.**

- HS đọc thông tin và trả lời được các câu hỏi đặt ra theo một số nội dung sau

- K và T có cách quản lí và chi tiêu tiền khác nhau:

K không có kế hoạch chi tiêu cụ thể và không biết cân đối chi tiêu

T có kế hoạch tài chính cá nhân rất rõ ràng, chia tiền thành các quỹ tiết kiệm rất khoa học

=> T luôn kiểm soát tốt nguồn tiền của mình.

- Em đồng ý với ý kiến trên.

\* Giải thích: Nếu không có kế hoạch chi tiêu hợp lí, chúng ta sẽ luôn trong tình trạng thiếu tiền do không biết cân đối chi tiêu hoặc không biết đã tiêu tiền vào việc gì.

*­*- HS rút ra được vai trò của lập kế hoạch tài chính cá nhân.

***d) Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Giao nhiệm vụ học tập:**  GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc trường hợp 1 và 2 trong SGK và trả lời câu hỏi:  *- Cách quản lí và chi tiêu tiền của K và T có gì khác nhau?*  *- Em có suy nghĩ gì về ý kiến cho rằng: Việc lập kế hoạch tài chính cá nhân là việc cần làm của mỗi người nếu muốn tiết kiệm và sinh lời từ tiền?*  **Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận.  - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.  **Báo cáo thảo luận**  - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra  - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.  **Kết luận, nhận định**  - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét  - Giáo viên chốt kiến thức làm nổi bật tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.  Gv nhấn mạnh:  Cá nhân không có kế hoạch tài chính cá nhân sẽ luôn luôn bị động trog quá trình chi tiêu, cũng như rất khó đạt được những mục tiêu đề ra | **3. Tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân**  Việc lập và thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân giúp chúng ta quản lý hiệu quả nguồn tài chính của mình, đồng thời thể hiện sự chủ động và cẩn thận trong từng hoạt động chi tiêu, tiết kiệm, đầu tư, dự phòng và vay nợ |

**Nội dung 4: Tìm hiểu nội dung: Các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân**

**a) Mục tiêu*.*** HS biết các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân.

**b) Nội dung.** GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm, các nhóm cùng nhau nghiên cứu các bước tiến hành lập kế hoạch cá nhân của bạn N được thể hiện trong thông tin sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi

*- Theo em, các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân của N có hợp lí không? Vì sao?*

*- Để lập được một kế hoạch tài chính cá nhân, em cần lưu ý điều gì?*

*- Chia sẻ các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân của em.*

**c) Sản phẩm.**

- HS đánh giá các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân của N và học tập được các bước để áp dụng cho bản thân

- Em thấy các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân của N là hợp lí

\* Giải thích: N đã phân chia rõ ràng các khoản thu - chi, quản lí nguồn tiền một cách chặt chẽ, đặt ra thời gian thực hiện cụ thể.

- Để lập được kế hoạch tài chính cá nhân, cần lựa chọn loại kế hoạch phù hợp với mục tiêu tài chính đặt ra và đảm bảo các bước cụ thể.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Giao nhiệm vụ học tập:**  GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm, các nhóm cùng nhau nghiên cứu các bước tiến hành lập kế hoạch cá nhân của bạn N được thể hiện trong thông tin sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi  *- Theo em, các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân của N có hợp lí không? Vì sao?*  *- Để lập được một kế hoạch tài chính cá nhân, em cần lưu ý điều gì?*  - Chia sẻ các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân của em.  **Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh đọc thông tin.  - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.  **Báo cáo, thảo luận**  - Giáo viên gọi một số học sinh đại diện đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra  - Các học sinh còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.  **Kết luận, nhận định**  - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét  - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề cần lưu ý khi thực hiện từng bước | **4. Các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân**  Các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân:  Bước 1: Đánh giá tình hình tài chính cá nhân.  Bước 2: Đặt mục tiêu tài chính cá nhân.  Bước 3: Phân chia dòng tiền cho các quỹ: tiêu dùng, tiết kiệm, đầu tư, trả nợ và dự phòng cho trường hợp khẩn cấp,...  Bước 4: Lập kế hoạch hoạt động cụ thể cho từng quỹ và xác định thời hạn hoàn thành mục tiêu.  Bước 5: Thực hiện đúng theo kế hoạch tài chính đã lập. |

**3. Hoạt động: Luyện tập**

**Câu 1.** Em đồng tình với nhận định nào dưới đây? Vì sao?

**a) Mục tiêu*.*** HS củng cố tri thức vừa khám phá; rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống trong việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.

**b) Nội dung.** Học sinh làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể

**c) Sản phẩm.**

- HS chỉ ra được ý kiến của bản thân và lý giải cho từng trường hợp cụ thể

Em đồng tình với các nhận định a, b, d.

Em không đồng tình với ý kiến c.

\* Giải thích: kế hoạch tài chính cá nhân giúp chúng ta chủ động trong chi tiêu hàng ngày, hàng tháng và có những khoản tiền tiết kiệm, đầu tư sinh lời. Nếu không lên kế hoạch quản lí chi tiêu thì sẽ rất dễ dẫn đến tình trạng tiêu xài hoang phí, bất hợp lí.

**d) Tổ chức thực hiện**

**Giao nhiệm vụ học tập:**

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể

**Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

**Báo cáo, thảo luận**

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

**Kết luận, nhận định**

*-* Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tìm hiểu về tài chính cá nhân.

**Bài tập 2:** Em hãy đọc các trường hợp sau và giúp các nhân vật lựa chọn loại kế hoạch tài chính cá nhân phù hợp.

**a) Mục tiêu*.*** HS liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân trong việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.

**b) Nội dung.** HS đọc từng trường hợp trong SGK, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ bằng cách nêu nhận xét của mình về hành vi của các nhân vật

**c) Sản phẩm.**

- HS chỉ ra được

- Trường hợp 1: K nên lập kế hoạch tài chính ngắn hạn

 - Trường hợp 2: Anh M nên lập kế hoạch tài chính cá nhân trung hạn.

**d) Tổ chức thực hiện**

**Giao nhiệm vụ học tập:**

GV yêu cầu HS đọc từng trường hợp trong SGK, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ bằng cách nêu nhận xét của mình về hành vi của các nhân vật

**Thực hiện nhiệm vụ.**

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

**Báo cáo, thảo luận**

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

**Kết luận, nhận định**

*-* Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tìm hiểu kế hoạch tài chính cá nhân

**Bài tập 3:** Em hãy lập một kế hoạch tài chính cá nhân theo các định hướng sau:

**a) Mục tiêu*.*** HS củng cố tri thức vừa khám phá; rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống trong việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.mỗi nhóm tiến hành xây dựng một kế hoạch tài chính cá nhân theo các yêu cầu sau:

**b) Nội dung.** Học sinh làm việc theo nhóm, mỗi nhóm tìm hiểu và hoàn thành 1 kế hoạch tài chính cá nhân cho nhóm mình

*a. Hãy xác định mục tiêu tài chính cá nhân mà em muốn đạt được trong 1 tháng, 3 tháng, 6 tháng và 1 năm tiếp theo.*

*b. Lựa chọn loại kế hoạch phù hợp với các mục tiêu đã xác định.*

*c. Lập kế hoạch tài chính cá nhân tương ứng để theo dõi và thực hiện.*

*d. Đến cuối tuần, cuối tháng, hãy tổng kết lại xem mình thực hiện được bao nhiêu phần trăm so với mục tiêu đã đề ra.*

**c) Sản phẩm.**

- HS nhận biết và chỉ ra được những việc cần làm nhằm thực hiện tốt được kế hoạch tài chính của bản thân.

- **Bước 1:** Đánh giá tình hình tài chính cá nhân.

=> Mỗi tháng em được bố mẹ cho 1.000.000 đồng tiền tiêu vặt.

- **Bước 2:** Đặt mục tiêu tài chính cá nhân.

=> Tiết kiệm được 1000.000 đồng trong vòng 3 tháng

- **Bước 3:** Phân chia dòng tiền cho các quỹ: tiêu dùng, tiết kiệm, đầu tư, trả nợ và dự phòng cho trường hợp khẩn cấp,... trong vòng 1 tháng

Quỹ tiêu dùng: 50% => 500 nghìn/tháng

Quỹ tiết kiệm: 20% => 200 nghìn/tháng

Quỹ đầu tư: 10% => 100 nghìn/tháng

Quỹ trả nợ: 10% => 100 nghìn/tháng

Quỹ dự phòng: 10% => 100 nghìn/tháng

Quỹ trả nợ và dự phòng nếu không dùng đến sẽ được bổ sung vào quỹ tiết kiệm.

- **Bước 4:** Lập kế hoạch hoạt động cụ thể cho từng quỹ và xác định thời hạn hoàn thành mục tiêu.

=> Thời hạn hoàn thành là 3 tháng.

- **Bước 5:**Thực hiện đúng theo kế hoạch tài chính đã lập.

**d) Tổ chức thực hiện**

**Giao nhiệm vụ học tập:**

GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm lần lượt các chủ đề:

Học sinh làm việc theo nhóm, mỗi nhóm tìm hiểu và hoàn thành 1 kế hoạch tài chính cá nhân cho nhóm mình

*a. Hãy xác định mục tiêu tài chính cá nhân mà em muốn đạt được trong 1 tháng, 3 tháng, 6 tháng và 1 năm tiếp theo.*

*b. Lựa chọn loại kế hoạch phù hợp với các mục tiêu đã xác định.*

*c. Lập kế hoạch tài chính cá nhân tương ứng để theo dõi và thực hiện.*

*d. Đến cuối tuần, cuối tháng, hãy tổng kết lại xem mình thực hiện được bao nhiêu phần trăm so với mục tiêu đã đề ra.*

**Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm

- Nghiên cứu và lựa chọn nội dung để xây dựng kế hoạch tài chính của nhóm mình

+ Dự kiến nội dung,

+ Số tiền

+ Thời gian.

**Báo cáo, thảo luận**

- Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời

**Kết luận, nhận định.**

Thực hiện tốt kế hoạch tài chính cá nhân sẽ thực hiện được điều này. Phải liệt kê những thứ rất cần cho cuộc sống như thức ăn, nước uổng, điện, phương tiện đi lại,... cân nhắc để mua sắm những thứ cần thiết này với chất lượng và giá cả phải chăng, phù hợp với túi tiền. Hơn nữa, phải sử dụng những vật dụng thiết yếu một cách tiết kiệm, hiệu quả,...

**4. Hoạt động: Vận dụng**

**Câu 1.** Em hãy sưu tầm một số quy tắc hoặc công cụ hỗ trợ quản lí tài chính cá nhân hiệu quả và áp dụng vào việc lập kế hoạch tài chính cá nhân của bản thân.

**a) Mục tiêu.** HS tự giác áp dụng những điểu đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới chủ động lập kế hoạch tài chính cá nhân phù hợp.

**b) Nội dung.** GV hướng dẫn HS tìm hiểu một số quy tắc hoặc công cụ hỗ trợ quản lí tài chính cá nhân hiệu quả và áp dụng vào việc lập kế hoạch tài chính cá nhân của bản thân

+ Có thể tham khảo người lớn hoặc trên phương tiện mạng xã hội

**c) Sản phẩm.**

- Bài viết của học sinh, đưa ra được các quy tắc hoặc công cụ hỗ trợ quản lí tài chính cá nhân hiệu quả và áp dụng vào việc lập kế hoạch tài chính cá nhân của bản thân.

Phương pháp quán lí tài chính 50/30/20 (50% tổng thu nhập cho nhu cầu thiết yếu, 30% tổng thu nhập cho chi phí linh hoạ, 20% còn lại cho tích lũy)

Phương pháp quản lí tài chính cá nhân 6 cái lọ

Hạn chế sử dụng thẻ tín dụng

Dùng tiền nhàn rỗi để đầu tư sinh lời

Sử dụng sổ tay để ghi chép

Sử dụng excel để quản lí chi tiêu

Các ứng dụng quản lí tài chính cá nhân, như skillhub, Finhay, PocketGuard, Money Helper,...

**d) Tổ chức thực hiện**

**Giao nhiệm vụ học tập:**

GV hướng dẫn HS tìm hiểu một số quy tắc hoặc công cụ hỗ trợ quản lí tài chính cá nhân hiệu quả và áp dụng vào việc lập kế hoạch tài chính cá nhân của bản thân

+ Có thể tham khảo người lớn hoặc trên phương tiện mạng xã hội

**Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh làm việc ở nhà,

- Bài viết của học sinh, đưa ra được các quy tắc hoặc công cụ hỗ trợ quản lí tài chính cá nhân hiệu quả và áp dụng vào việc lập kế hoạch tài chính cá nhân của bản thân

**Báo cáo thảo luận**

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ bài viết của mình

- Hoặc giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

**Kết luận, nhận định.**

*-* Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về kế hoạch tài chính cá nhân.

**Câu 2.** Một số khẩu hiệu tuyên truyền về việc kiểm soát tài chính cá nhân và sử dụng kế hoạch tài chính cá nhân hiệu quả:.

**a) Mục tiêu.** HS tăng cường ý thức và kĩ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo trong việc lập và thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân.

**b) Nội dung**. GV hướng dẫn HS xây dựng khẩu hiệu tuyên truyền về việc kiểm soát tài chính cá nhân và sử dụng kế hoạch tài chính cá nhân hiệu quả

**c) Sản phẩm.**

- Bài viết của học sinh, đó là dự kiến các khẩu hiệu cũng như nêu được ý nghĩa, ý tưởng của các khẩu hiệu đó

**d) Tổ chức thực hiện**

**Giao nhiệm vụ học tập:**

GV hướng dẫn HS xây dựng khẩu hiệu tuyên truyền về việc kiểm soát tài chính cá nhân và sử dụng kế hoạch tài chính cá nhân hiệu quả

**Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh làm việc ở nhà, bài viết phải thể hiện rõ quan điểm của bản thân

**Báo cáo thảo luận**

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ bài viết của mình

- Hoặc giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

**Kết luận, nhận định**

*-* Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về lựa chọn mô hình sản xuất kinh doanh

**TCT: 34**

Họ và tên: ………………………….

Lớp: ……………….

# NỘI DUNG ÔN KIỂM TRA HỌC KỲ 1

**MÔN: GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 10**

## PHẦN TRẮC NGHIỆM

**Câu 1:** *Xét về mặt bản chất của nền kinh tế, việc điều tiết của cơ chế thị trường được ví như*

**A.** mệnh lệnh. **B.** bàn tay vô hình.

**C.** thượng đế. **D.** Nhà nước.

**Câu 2:** *Một trong những chức năng của giá cả thị trường là chức năng*

**A.** vận hành. **B.** thông tin.

**C.** điều tiết. **D.** điều hành.

**Câu 3:** *Cơ chế thị trường là*

1. cơ chế hoạt động tự do không cần theo quy luật.
2. cơ chế phục vụ cho lợi ích tối đa của người tiêu dùng.
3. cơ chế tự điều chỉnh tuân theo các quy luật kinh tế.
4. cơ chế hoạt động theo ý chí của nhà nước.

**Câu 4:** *Căn cứ vào phương thức thu thuế, thuế được phân loại thành*

**A.** thuế tiêu dùng và thuế thu nhập. **B.** thuế tiêu dùng và thuế tài sản.

**C.** thuế trực thu và thuế gián thu. **D.** thuế doanh nghiệp và thuế cá nhân.

**Câu 5:** *Một trong những chức năng của giá cả thị trường là góp phần cung cấp thông tin để các chủ thể sản xuất đưa ra quyết định*

**A.** mở rộng sản xuất. **B.** phân hóa giàu nghèo.

**C.** phân chia lợi nhuận. **D.** ứng dụng công nghệ.

**Câu 6:** *Nguồn nào dưới đây* ***không*** *được tính vào thu ngân sách nhà nước?*

1. Thuế, phí, lệ phí có tính chất thuế như thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, …
2. Hoạt động sự nghiệp có thu của các đơn vị sự nghiệp công như trường học công, …
3. Lợi tức góp vốn từ tổ chức kinh tế, thu hổi vốn từ tổ chức kinh tế, bán, cho thuê tài sản nhà

nước.

1. Khoản vaỵ, viện trợ không hoàn lại từ nước ngoài cho các doanh nghiệp.

**Câu 7:** *Nội dung nào dưới đây* ***không*** *đúng về chức năng của giá cả thị trường?*

1. Là căn cứ để người tiêu dùng điều tiết tiêu dùng.
2. Là căn cứ để người sản xuất kinh doanh thu hẹp sản xuất.
3. Là công cụ để thực hiện xoá đói giảm nghèo.
4. Là động lực thúc đẩy sản xuất kinh doanh.

**Câu 8:** *Trong nền kinh tế hàng hóa, nội dung nào dưới đây* ***không*** *thể hiện ưu điểm cơ chế thị trường?*

**A.** Điều tiết, quản lý nền kinh tế. **B.** Thúc đẩy hội nhập quốc tế.

**C.** Phân phối tối ưu nguồn lực. **D.** Ứng dụng khoa học và công nghệ.

**Câu 9:** *Theo Luật ngân sách nhà nước, nội dung nào* ***không*** *đúng về vai trò của ngân sách nhà nước?*

1. Ngân sách nhà nước là công cụ đề điều tiết thị trường.
2. Ngân sách nhà nước duy trì hoạt động của bộ máy nhà nước.
3. Ngân sách nhà nước đảm bảo nhu cầu chi tiêu của mọi người dân trong xã hội.
4. Ngân sách nhà nước điều tiết thu nhập dân cư.

**Câu 10:** *Nhóm chi nào sau đây* ***không*** *được tính vào nhóm chi của ngân sách nhà nước?*

1. Nhóm chi đầu tư phát triển nhằm tăng cường cơ sở vật chất và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cho doanh nghiệp.
2. Nhóm chi trả nợ và viện trợ để Nhà nước trả các khoản vay và làm nghĩa vụ quốc tế.
3. Nhóm chi dự trữ quốc gia phục vụ việc dự trữ cho các biến động bất ngờ như dịch bệnh, thiên

tai, ...

1. Nhóm chi thường xuyên nhằm duy trì hoạt động của bộ máy nhà nước như lương, công tác, hội

họp, ...

**Câu 11:** *Một trong những vai trò của thuế biểu hiện ở việc, nhà nước sử dụng thuế là công cụ để*

**A.** đầu cơ tích trữ. **B.** kiềm chế tăng trưởng.

**C.** gia tăng thất nghiệp. **D.** điều tiết thu nhập.

**Câu 12:** *Một trong những ưu điểm của mô hình hộ sản xuất kinh doanh là*

**A.** dễ tạo việc làm. **B.** dễ trốn thuế.

**C.** dễ huy động vốn. **D.** có nguồn vốn lớn.

**Câu 13:** *Một trong những ưu điểm của mô hình hộ sản xuất kinh doanh là*

**A.** quản lý gọn nhẹ. **B.** có nhiều công ty con.

**C.** vốn đầu tư lớn. **D.** huy động nhiều lao động.

**Câu 14:** *Loại thuế điều tiết trực tiếp vào thu nhập hoặc tài sản của người nộp thuế gọi là gì?*

**A.** Thuế giá trị gia tăng. **B.** Thuế gián thu.

**C.** Thuế tiêu thụ đặc biệt. **D.** Thuế trực thu.

**Câu 15:** *Nhận định nào dưới đây nói về nhược điểm của cơ chế thị trường?*

**A.** Phân phối tối ưu các nguồn lực. **B.** Tiềm ẩn nguy cơ khủng hoảng.

**C.** Thúc đẩy liên kết kinh tế trong nước. **D.** Kích thích ứng dụng công nghệ.

**Câu 16:** *Ngân sách nhà nước là*

1. khoảng dự trù thu chi từ dân và cho dân.
2. bản dự trù thu chi tài chính của Nhà nước trong một khoảng thời gian nhất định.
3. khoản thu của những quan hệ kinh tế phát sinh trong thị trường kinh tế.
4. quỹ tiền tệ tập trung chi cho cơ sở hạ tầng và an sinh xã hội.

**Câu 17:** *Một trong những vai trò quan trọng của sản xuất kinh doanh là góp phần*

**A.** tạo ra hàng hóa. **B.** giải quyết việc làm.

**C.** thúc đẩy khủng hoảng. **D.** tàn phá môi trường.

**Câu 18:** *Nội dung nào dưới đây* ***không*** *thể hiện chức năng của giá cả thị trường?*

1. Cung cấp thông tin cho các chủ thể kinh tế.
2. Tạo ra nguồn của cải vật chất cho người tiêu dùng.
3. Công cụ để quản lý, điều tiết nền kinh tế.
4. Phân bổ nguồn lực giữa các ngành sản xuất.

**Câu 19:** *Ngân sách nhà nước do cơ quan nào quyết định để đảm bảo thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước?*

**A.** Cơ quan địa phương. **B.** Chính phủ.

**C.** Chủ tịch nước. **D.** Cơ quan có thẩm quyền.

**Câu 20:** *Sản xuất kinh doanh* ***không*** *có vai trò nào dưới đây?*

**A.** Tạo ra sản phẩm, hàng hóa. **B.** Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng.

**C.** Thúc đẩy khủng hoảng kinh tế. **D.** Tạo việc làm cho người lao động.

**Câu 21:** *Ngân sách nhà nước* ***không*** *thực hiện vai trò nào dưới đây?*

**A.** Điều tiết thị trường. **B.** Nâng tỷ lệ thất nghiệp.

**C.** Kiềm chế lạm phát. **D.** Bình ổn giá cả.

**Câu 22:** *Phát biểu nào sau đây* ***không*** *đúng về cơ chế thị trường?*

1. Cơ chế thị trường kìm hãm doanh nghiệp cải tiến và ứng dụng khoa học công nghệ, hợp lí hoá sản xuất.
2. Cơ chế thị trường kích thích tối đa hoạt động và tạo động lực sáng tạo cho các chủ thể kinh tế.
3. Cơ chế thị trường kích thích mọi doanh nghiệp phải linh hoạt để cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ có chất lượng.
4. Cơ chế thị trường có những ưu điểm nhưng cũng tiềm ẩn những nhược điểm nội tại của nó.

**Câu 23:** *Giá bán thực tế của hàng hoá do tác động qua lại giữa các chủ thể kinh tế trên thị trường tại một thời điểm, địa điểm nhất định được gọi là*

**A.** giá trị sử dụng. **B.** giá cả cá biệt.

**C.** giá cả hàng hóa. **D.** giá cả thị trường.

**Câu 24:** *Theo quy định của pháp luật, mô hình hộ sản xuất kinh doanh được đăng kí kinh doanh tại*

**A.** không cố định địa điểm. **B.** một địa điểm.

**C.** hai địa điểm. **D.** nhiều địa điểm.

**Câu 25:** *Ngân sách nhà nước* ***không*** *gồm các khoản chi nào?*

**A.** Cải cách tiền lương. **B.** Dự trữ quốc gia.

**C.** Bổ sung quỹ dự trữ tài chính. **D.** Các khoản chi quỹ từ thiện.

**Câu 26:** *Trong sản xuất và kinh doanh hàng hóa, mặt tích cực của cơ chế thị trường thể hiện ở việc, các chủ thể kinh tế nhằm giành nhiều lợi nhuận về mình đã không ngừng*

1. hủy hoại tài nguyên thiên nhiên.
2. phân hóa giàu nghèo.
3. tạo ra hàng hóa, dịch vụ.
4. ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ.

**Câu 27:** *Một trong những vai trò của thuế biểu hiện ở việc nhà nước sử dụng thuế là công cụ để thực hiện*

**A.** công bằng xã hội. **B.** đầu cơ tích trữ.

**C.** huy động vốn. **D.** điều tiết thị trường.

**Câu 28:** *Trường hợp nào dưới đây được gọi là bội chi ngân sách nhà nước?*

**A.** Tổng thu lớn hơn tổng chi. **B.** Tổng thu nhỏ hơn tổng chi.

**C.** Tổng thu nhỏ hơn hoặc bằng tổng chi. **D.** Tổng thu bằng tổng chi.

**Câu 29:** *Số tiền phải trả cho một hàng hoá để bù đắp những chi phí sản xuất và lưu thông hàng hoá đó được gọi là*

**A.** giá cả. **B.** giá cả hàng hoá.

**C.** giá cả thị trường. **D.** giá trị sử dụng.

**Câu 30:** *Ý kiến nào dưới đây* ***không*** *đúng khi nói về đặc điểm của ngân sách nhà nước?*

1. Ngân sách nhà nước tạo lập nguồn vốn, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
2. Ngân sách nhà nước được thiết lập và thực thi vì lợi ích chung.
3. Ngân sách nhà nước phải được Quốc hội thông qua.
4. Ngân sách nhà nước do Chính phủ tổ chức thực hiện.

**Câu 31:** *Mô hình sản xuất kinh doanh có đặc điểm đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 4 hợp tác xã tự nguyện thành lập và hợp tác, tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh được gọi là*

**A.** hợp tác xã. **B.** liên hiệp hợp tác xã.

**C.** công ty cổ phần. **D.** công ty hợp danh.

**Câu 32:** *Đâu* ***không*** *phải là chức năng của giá cả thị trường?*

1. Chức năng thông tin.
2. Công cụ để Nhà nước thực hiện quản lí Nhà nước.
3. Chức năng phán bổ các nguồn lực.
4. Chức năng lưu thông hàng hoá.

**Câu 33:** *Mô hình sản xuất kinh doanh nào dưới đây là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, được thành lập trên tinh thần tự nguyện vì lợi ích chung của các thành viên?*

**A.** Doanh nghiệp tư nhân. **B.** Công ty cổ phần.

**C.** Mô hình hộ sản xuất kinh doanh. **D.** Mô hình hợp tác xã.

**Câu 34:** *Một trong những vai trò cơ bản của ngân sách nhà nước là góp phần*

1. chia đều sản phẩm thặng dư.
2. hoàn trả trực tiếp cho người dân.
3. duy trì hoạt động bộ máy nhà nước.
4. phân chia mọi nguồn thu nhập.

**Câu 35:** *Nội dung nào dưới đây* ***không*** *phải là chức năng của giá cả thị trường?*

1. Điều tiết hành vi của người tiêu dùng.
2. Thừa nhận giá trị của hàng hóa.
3. Điều tiết quy mô sản xuất của các doanh nghiệp.
4. Cung cấp thông tin cho các chủ thể kinh tế.

**Câu 36:** *Doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp là loại hình doanh nghiệp nào dưới đây?*

**A.** Doanh nghiệp tư nhân. **B.** Công ty cổ phần.

**C.** Liên hiệp hợp tác xã. **D.** Công ty hợp danh.

**Câu 37:** *Theo quy định của Luật Quản lý thuế, người nộp thuế có quyền*

1. đăng ký thuế khi tiến hành hoạt động phát sinh thuế.
2. được cung cấp thông tin về việc nộp thuế.
3. nộp thuế đúng thời hạn quy định.
4. kê khai đầy đủ các loại thuế phải nộp.

**Câu 38:** *Một trong những ưu điểm của cơ chế thị trường là*

1. xuất hiện nhiều hàng giả.
2. hủy hoại môi trường sống.
3. cung cấp thông tin cho các chủ thể kinh tế.
4. phát huy tối đa tiềm năng của mọi chủ thể.

**Câu 39:** *Khi các chủ thể kinh tế căn cứ vào các thông tin của giá cả thị trường để đưa ra các quyết định phù hợp nhằm thu được lợi nhuận về mình là nói đến*

**A.** ưu điểm của cơ chế thị trường. **B.** hạn chế của giá cả thị trường.

**C.** khái niệm giá cả thị trường. **D.** chức năng giá cả thị trường.

**Câu 40:** *Một trong những đặc điểm của doanh nghiệp tư nhân là không có*

**A.** tư cách pháp nhân. **B.** hóa đơn thuế.

**C.** tài sản cố định. **D.** luật sư hỗ trợ.

**Câu 41:** *Nội dung nào dưới đây* ***không*** *phản ánh quyền của người dân về ngân sách nhà nước?*

**A.** Quyền kiến nghị kiểm toán ngân sách nhà nước. **B.** Được biết về thông tin ngân sách.

**C.** Được nhận tiền trực tiếp từ ngân sách. **D.** Giám sát hiệu quả sử dụng ngân sách.

**Câu 42:** *Loại thuế nào dưới đây là hình thức thuế gián thu?*

**A.** Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp. **B.** Thuế xuất nhập khẩu.

**C.** Thuế sử dụng đất nông nghiệp. **D.** Thuế thu nhập cá nhân.

**Câu 43:** *Theo quy định của Luật ngân sách thì ngân sách địa phương là các khoản thu và các khoản chi ngân sách nhà nước thuộc nhiệm vụ chi của cấp*

**A.** trung ương. **B.** địa phương.

**C.** địa phương. **D.** nhà nước.

**Câu 44:** *Đâu* ***không phải*** *là đặc điểm của ngân sách nhà nước?*

1. Ngân sách nhà nước được Quốc hội giám sát trực tiếp.
2. Ngân sách nhà nước thực thi vì lợi ích chung của toàn thể quốc gia.
3. Ngân sách nhà nước huy động nguồn tài chính.
4. Ngân sách nhà nước được Quốc hội thông qua trước khi thi hành.

**Câu 45:** *Chị N phát biểu rằng, ngân sách nhà nước được dùng để huy động tiềm lực tài chính nếu không thì Nhà nước sẽ không thể thực hiện được chức năng và nhiệm vụ của mình. Phát biểu của chị N nhằm khẳng định*

1. đặc điểm của ngân sách nhà nước.
2. chức năng của ngân sách nhà nước.
3. vai trò của ngân sách nhà nước.
4. khái niệm của ngân sách nhà nước.

**Câu 46:** *Theo quy định của Luật ngân sách thì ngân sách nhà nước bao gồm ngân sách*

**A.** cấp trung ương. **B.** cấp địa phương.

**C.** trung ương và địa phương. **D.** trung ương và quốc gia.

**Câu 47:** *Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, đối mặt với thách thức cạnh tranh từ các nước khác có cùng lợi thế về xuất khẩu hàng dệt may, doanh nghiệp dệt may Việt Nam cần lựa chọn việc làm nào dưới đây để đứng vững và phát triển trong cơ chế thị trường?*

**A.** Cắt giảm chi phí xử lí chất thải. **B.** Cắt giảm chi phí nhân công.

**C.** Đầu tư đổi mới công nghệ. **D.** Mở rộng quy mô sản xuất.

**Câu 48:** *Một trong những vai trò của thuế đó là*

1. nguồn tài chính quan trọng của nhà nước.
2. nguồn tài chính quan trọng của doanh nghiệp.
3. nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước.
4. nguồn thu duy nhất của ngân sách nhà nước.

**Câu 49:** *Một trong những ưu điểm của cơ chế thị trường là*

**A.** phân bổ mọi nguồn thu nhập. **B.** chi đều mọi nguồn lợi nhuận.

**C.** đổi mới tổ chức sản xuất. **D.** tận diệt nguồn tài nguyên.

**Câu 50:** *Quá trình con người sử dụng sức lao động, vốn, kỹ thuật, tài nguyên thiên nhiên để tạo ra hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho thị trường và thu được lợi nhuận được gọi là hoạt động*

**A.** sản xuất kinh doanh. **B.** thực nghiệm khoa học.

**C.** lao động. **D.** chính trị - xã hội.

**Câu 51:** *Theo quy định của pháp luật, những người có thu nhập cao phải trích một khoản tiền từ phần thu nhập của mình để nộp vào ngân sách Nhà nước được gọi là*

**A.** thuế tiêu thụ đặc biệt. **B.** thuế nhập khẩu.

**C.** thuế giá trị gia tăng. **D.** thuế thu nhập cá nhân.

**Câu 52:** *Hành vi của chủ thể kinh tế nào sau đây vận dụng tốt cơ chế thị trường?*

1. Doanh nghiệp mở rộng vùng trồng nguyên liệu khi đơn hàng của các đối tác tăng cao.
2. Cửa hàng vật tư y tế B đã tăng giá khẩu trang y tế khi nhu cẩu mua của người dân tăng cao.
3. Công ty H ngưng bán xăng dầu và tích trữ khi nghe tin giá xăng tăng lên.
4. Tiệm thuốc T đẩy giá thuốc lên khi thấy trên thị trường thuốc khan hiếm.

**Câu 53:** *Thuế gián thu là gì?*

1. Thuế đánh vào thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp.
2. Thuế điều tiết trực tiếp vào thu nhập hoặc tài sản của người nộp thuế.
3. Thuế thu được từ người có thu nhập cao.
4. Thuế điều tiết gián tiếp thông qua giá cả hàng hoá, dịch vụ.

**Câu 54:** *Một trong những vai trò quan trọng của sản xuất kinh doanh là cung cấp hàng hóa, dịch vụ nhằm*

1. đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.
2. thúc đẩy khủng hoảng kinh tế.
3. duy trì tình trạng thất nghiệp.
4. hạn chế tăng trưởng kinh tế địa phương.

**Câu 55:** *Mô hình sản xuất kinh doanh nào dưới đây có đặc điểm đồng sở hữu, do ít nhất 7 thành viên tự nguyện thành lập và hợp tác, tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh?*

**A.** Hộ sản xuất kinh doanh. **B.** Liên hiệp hợp tác xã.

**C.** Công ty cổ phần. **D.** Hợp tác xã.

## PHẦN TỰ LUẬN

1. **Vai trò của sản xuất kinh doanh**

+ Cung cấp nguyên vật liệu cho quá trình sản xuất.

+ Cung cấp hàng hoá, dịch vụ cho người tiêu dùng.

+ Giải quyết việc làm cho người lao động.

+ Thúc đẩy phát triển kinh tế.

## Một số mô hình sản xuất kinh doanh

* 1. **Mô hình hộ sản xuất kinh doanh**

Do một cá nhân hoặc một hộ gia đình làm chủ; sử dụng dưới 10 lao động và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ.

Có quy mô nhỏ lẻ, quản lí gọn nhẹ, dễ tạo việc làm nhưng khó huy động vốn.

## Mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân; do ít nhất 7 thành viên tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lí.

Liên hiệp hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân; do ít nhất 4 hợp tác xã tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lý.

## Mô hình doanh nghiệp

Gồm 6 loại hình doanh nghiệp:

*Doanh nghiệp tư nhân*: do một cá nhân làm chủ; không có tư cách pháp nhân; chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình.

*Công ty hợp danh*: ít nhất hai thành viên là cá nhân, kinh doanh dưới một tên chung (gọi là thành viên hợp danh) và thành viên góp vốn; có tư cách pháp nhân.

*Công ty TNHH một thành viên*: một thành viên là cá nhân hoặc tổ chức; có tư cách pháp nhân.

*Công ty TNHH hai thành viên trở lên*: ít nhất hai thành viên là cá nhân hoặc tổ chức (tối đa 50 thành viên); có tư cách pháp nhân.

*Công ty cổ phần*: hình thành bằng vốn đóng góp của nhiều người; ít nhất 3 cổ đông (người góp cổ phần) là cá nhân hoặc tổ chức; có tư cách pháp nhân; được phát hành cổ phiếu.

*Doanh nghiệp Nhà nước*: Nhà nước nắm giữ lớn hơn 50% vốn.

## Vai trò của thuế

Thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước.

Thuế là công cụ điều tiết kinh tế vĩ mô như kiềm chế lạm phát, ổn định giá cả, kích thích đầu tư tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững.

Thuế là công cụ điều tiết thu nhập, thực hiện công bằng an sinh xã hội.

## Đặc điểm của ngân sách nhà nước

Ngân sách Nhà nước là kế hoạch tài chính của quốc gia được Quốc hội thông qua, do Chính phủ tổ chức thực hiện dưới sự giám sát trực tiếp của Quốc hội.

Ngân sách Nhà nước được thiết lập và thực thi vì mục tiêu mưu cầu lợi ích chung cho toàn thể quốc gia.

Ngân sách Nhà nước phản ánh mối tương quan giữa quyền lập pháp và quyền hành pháp.

## Vai trò của ngân sách nhà nước

Tạo lập nguồn vốn lớn, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và huy động nguồn tài chính. Là công cụ để Nhà nước thực hiện việc điều tiết các hoạt động kinh tế và xã hội. Điều tiết thu nhập dân cư, hạn chế sự bất bình đẳng xã hội.

## Quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc thực hiện pháp luật về ngân sách Nhà nước

Công dân có quyền:

* Được sử dụng hàng hoá, dịch vụ công cộng và hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.
* Được cung cấp thông tin, tham gia giám sát cộng đồng về tài chính - ngân sách.

Công dân có nghĩa vụ:

* Sử dụng các khoản đầu tư từ ngân sách nhà nước đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.
* Nộp các khoản vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

**TCT: 35**

**KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ I**

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐAK LAK **TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ** -------------------- *(Đề thi có 4 trang)* | **ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2022 - 2023 MÔN: GD kinh tế và pháp luật 10** *Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian phát đề)* |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Họ và tên: ...................................................................... | Số báo danh: ............. | **Mã đề 001** |

**PHẦN TRẮC NGHIỆM (7Đ)**

1. Hoạt động phân phối trao đổi đóng vai trò như thế nào giữa sản xuất và tiêu dùng?

**A.** Trung gian, kết nối. **B.** Triệt tiêu, hủy bỏ.

**C.** Tách rời, tách biệt. **D.** Liên kết, quyết định.

1. Toàn bộ các khoản thu chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước được gọi là gì?

**A.** Kinh phí dự trù. **B.** Ngân sách nhà nước.

**C.** Thuế. **D.** Kinh phí phát sinh.

1. Nội dung nào sau đây **không** phải là vai trò của ngân sách nhà nước?

**A.** Công cụ quan trọng để Nhà nước điều tiết thị trường.

**B.** Tạo lập quỹ dự trữ quốc gia để phòng chống thiên tai, dịch bệnh và một số nhiệm vụ đột xuất, cấp thiết.

**C.** Điều tiết dân cư, hạn chế sự bất bình đẳng xã hội.

**D.** Cung cấp nguồn tài chính để duy trì hoạt động của bộ máy nhà nước.

1. Ngân sách nhà nước do cơ quan nào quyết định để đảm bảo thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của nhà nước?

**A.** Cơ quan nhà nước có thẩm quyền. **B.** Cơ quan địa phương.

**C.** Chủ tịch nước. **D.** Chính phủ.

1. Thuế là một khoản nộp ngân sách nhà nước có tính chất

**A.** tự nguyện. **B.** bắt buộc.

**C.** không bắt buộc. **D.** cưỡng chế.

1. Thuế có vai trò gì?

**A.** Là nguồn thu chính của ngân sách nhà nước.

**B.** Là công cụ quan trọng để nhà nước điều tiết thị trường.

**C.** Góp phần điều tiết thu nhập, thực hiện công bằng xã hội.

**D.** Cả 3 đáp án trên đều đúng.

1. Loại thuế nhằm điều tiết việc sản xuất và tiêu dùng xã hội cũng như nhập khẩu hàng hóa được gọi là gì?

**A.** Thuế giá trị gia tăng. **B.** Thuế tiêu thụ đặc biệt.

**C.** Thuế thu nhập cá nhân. **D.** Thuế nhập khẩu.

1. Sản xuất kinh doanh là hoạt động sản xuất ra sản phẩm hàng hóa hoặc dịch vụ để đáp ứng nhu cầu của thị trường với mục đích chính là gì?

**A.** Thu được lợi nhuận. **B.** Hướng đến lợi ích của Nhà nước.

**C.** Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng. **D.** Hướng đến lợi ích của cộng đồng.

1. Sản xuất kinh doanh có vai trò gì?

**A.** Đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu của xã hội.

**B.** Tạo ra việc làm, thu nhập cho người lao động, gia đình, xã hội và chủ thể kinh doanh.

**C.** Làm ra sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

**D.** Cả 3 đáp án trên đều đúng.

1. Điều kiện nào **không** cần thiết khi thành lập hộ sản xuất kinh doanh?

**A.** Do cá nhân hoặc một nhóm người là công dân Việt Nam.

**B.** Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

**C.** Có vốn trên 3 tỉ.

**D.** Đủ 18 tuổi.

1. Mô hình hợp tác xã sản xuất kinh doanh hoạt động dựa trên những nguyên tắc gì?

**A.** Bình đẳng và dân chủ trong quản lí.

**B.** Tự nguyện, tự chủ, bình đẳng và dân chủ trong quản lí.

**C.** Tự nguyện, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lí.

**D.** Tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lí.

1. Doanh nghiệp có những đặc điểm gì?

**A.** Có tính kinh doanh. **B.** Có tính hợp pháp.

**C.** Có tính tổ chức. **D.** Cả 3 đáp án trên đều đúng.

1. Đến thời hạn tín dụng, người vay có nghĩa vụ và trách nhiệm gì?

**A.** Hoàn trả cả vốn gốc và lãi vô điều kiện. **B.** Hoàn trả lãi vô điều kiện.

**C.** Hoàn trả vốn gốc vô điều kiện. **D.** Chỉ hoàn trả vốn gốc hoặc lãi.

1. Tín dụng có đặc điểm cơ bản nào sau đây?

**A.** Có tính hoàn trả cả gốc lẫn lãi. **B.** Có tính tạm thời.

**C.** Dựa trên sự tin tưởng. **D.** Cả 3 đáp án trên đều đúng.

1. Khái niệm thể hiện quan hệ kinh tế giữa chủ thể sở hữu và chủ thể sử dụng nguồn vốn nhàn rỗi người vay theo nguyên tắc hoàn trả có kì hạn cả vốn gốc và lãi được gọi là gì?

**A.** Hỗ trợ. **B.** Vay vốn. **C.** Trả góp. **D.** Tín dụng.

1. Tín dụng nhà nước không có đặc điểm nào sau đây?

**A.** Tính cưỡng chế. **B.** Tính chính trị **C.** Tính xã hội. **D.** Tính tin cậy.

1. Để mở rộng việc làm ăn ra nước ngoài, sau một thời gian tìm hiểu, anh A quyết định đem vốn đến Thái Lan kinh doanh sản phẩm thân thiện với môi trường. Anh A đã thực hiện hoạt động kinh tế cơ bản nào sau đây?

**A.** Phân phối. **B.** Trao đổi. **C.** Mua bán. **D.** Tiêu dùng.

1. Để bán được sản phẩm ti vi tại nước Mĩ, hãng Sony đã thay đổi chiến lược kinh doanh của mình tại Mĩ. Thay vì giảm giá, khuyến mãi, hãng đã đăng báo, tạp chí, quảng cáo nhằm tái tạo hình tượng sản phẩm. Việc thay đổi chiến lược kinh doanh này thể hiện hãng sony đã vận dụng chức năng nào của thị trường?

**A.** Chức năng thông tin. **B.** Chức năng điều tiết trong sản xuất.

**C.** Chức năng thừa nhận giá trị hàng hóa. **D.** Chức năng thực hiện giá trị sử dụng.

1. Khi xem bản tin thời tiết, ông K biết phía bắc phải chịu một đợt rét đậm, rét hại làm nguồn cung cấp trái cây giảm mạnh. Ông K đã mang 150 kg trái cây bán cho thương lái phía bắc vì bán được giá cao nên ông thu được nhiều lợi nhuận hơn. Ông K đã vận dụng chức năng nào của thị trường?

**A.** Chức năng điều tiết. **B.** Chức năng thừa nhận giá trị sử dụng.

**C.** Chức năng thừa nhận giá trị của hàng hóa. **D.** Chức năng thay đổi thu hoạch.

1. Việc tạo lập và sử dụng ngân sách nhà nước được tiến hành trên cơ sở nào?

**A.** Luật Bảo vệ bí mật nhà nước. **B.** Luật Ngân sách nhà nước.

**C.** Luật Bồi thường nhà nước. **D.** Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước.

1. Nhà nước có quyền gì đối với các khoản thu, chi của ngân sách nhà nước?

**A.** Quyền sử dụng. **B.** Quyền quyết định.

**C.** Quyền sở hữu và quyết định. **D.** Quyền sở hữu.

1. Doanh nghiệp sản xuất ô tô X bán xe ô tô, trong quá trình vận hành, khói bụi từ xe ô tô gây ô nhiễm môi trường. Vậy doanh nghiệp X phải đóng loại thuế gì?

**A.** Thuế giá trị gia tăng. **B.** Thuế tiêu thụ đặc biệt.

**C.** Thuế bảo vệ môi trường. **D.** Thuế nhập khẩu.

1. Anh P có thu nhập cao tại doanh nghiệp X, anh phải trích một khoản tiền từ phần thu nhập để nộp vào ngân sách nhà nước theo loại thuế gì?

**A.** Thuế giá trị gia tăng. **B.** Thuế tiêu thụ đặc biệt.

**C.** Thuế thu nhập cá nhân. **D.** Thuế nhập khẩu.

1. Ông G làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của cơ sở sản xuất K. Mô hình sản xuất kinh doanh của ông được gọi là gì?

**A.** Công ti TNHH 1 thành viên. **B.** Công ti TNHH 2 thành viên.

**C.** Doanh nghiệp tư nhân. **D.** Công ti cổ phần.

1. Sinh viên sư phạm được hỗ trợ học phí, chi phí sinh hoạt mỗi tháng trong suốt năm học. Đổi lại, sau khi tốt nghiệp, sinh viên phải phục vụ ngành giáo dục theo quy định. Sinh viên cần sử dụng dịch vụ tín dụng nào?

**A.** Tín dụng tiêu dùng. **B.** Tín dụng ngân hàng.

**C.** Tín dụng thương mại. **D.** Tín dụng nhà nước.

1. Công ti C thường xuyên bán chịu thức ăn nuôi tôm cho hộ kinh doanh của ông D. Sau mỗi chu kì nuôi tôm, ông D sẽ hoàn trả lại số tiền lãi và tiền vốn ban đầu cho Công ti C sử dụng dịch vụ tín dụng nào?

**A.** Tín dụng tiêu dùng. **B.** Tín dụng ngân hàng.

**C.** Tín dụng thương mại. **D.** Tín dụng nhà nước.

1. Để có thêm vốn thực hiện dự án chăn nuôi, anh X hỏi ý kiến vợ và mẹ của mình, sau đó anh X quyết định đến ngân hàng đề nghị được vay tiền. Sau khi xem xét mục đích, hiệu quả sử dụng vốn, khả năng hoàn trả nợ vay, phía ngân hàng hoàn toàn tin tưởng và quyết định cho anh vay 100 triệu đồng với lãi suất ưu đãi, thời hạn vay 2 năm. Anh X cam kết sẽ hoàn trả đầy đủ số tiền vay cộng phần tiền lãi đúng kì hạn như đã thỏa thuận với ngân hàng. Trong trường hợp này, chủ thể sở hữu (người cho vay) là ai?

**A.** Ngân hàng. **B.** Mẹ anh X. **C.** Anh X. **D.** Vợ anh X.

1. Để đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, ngân hàng Y thực hiện giảm lãi suất cho các khoản vay sản xuất kinh doanh đối với khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp. Cụ thể, với khách hàng doanh nghiệp, mức lãi suất cho vay là 5%/năm. Với khách hàng là cá nhân vay vốn kinh doanh, mức lãi suất cho vay là 6%/năm. Ngoài ra, đối với các nhu cầu vay tiêu dùng như mua nhà, xây sửa nhà, mua xe ô tô … khách hàng có thể vay vốn với lãi suất ưu đãi cố định trong 12 tháng đầu tiên. Chủ thể vay trong trường hợp trên là ai?

**A.** Ngân hàng Y. **B.** Cá nhân.

**C.** Cá nhân và doanh nghiệp. **D.** Doanh nghiệp.

**PHẦN TỰ LUẬN (3Đ)**

**Câu 1.** Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào sau đây? Vì sao?

1. Chỉ có người sản xuất hàng hoá mới cần đến thị trường.
2. Giá cả thị trường là yếu tố dẫn dắt hoạt động của các chủ thể kinh tế trên thị trường.

**Câu 2.** Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” kêu gọi các tổ chức, cá nhân ưu tiên mua sắm, sử dụng hàng Việt Nam thay vì sử dụng hàng nhập khẩu có chất lượng, giá cả, công dụng tương đương; tạo điều kiện cho các doanh nghiệp Việt Nam phát triển sản xuất kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng và đóng góp cho ngân sách nhà nước. Cuộc vận động đã phát huy mạnh mẽ lòng yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, tự tôn dân tộc, xây dựng văn hóa tiêu dùng của người Việt Nam, có ý nghĩa sâu sắc đối với sự phát triển bền vững của kinh tế đất nước.

1. *Nêu nhận xét của em về cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.*
2. *Em đã cùng gia đình hưởng ứng cuộc vận động này như thế nào?*

***------ HẾT ------***

**ĐÁP ÁN**

**PHẦN TỰ LUẬN**

**Câu 1:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Điểm** |
| 1. Không đồng tình   - Vì chủ thể nào cũng cần đến thị trường trong nền kinh tế thị trường.   1. Đồng tình   - Vì đây là một chức năng của giá cả thị trường. | **0,25Đ**  **0,25Đ**  **0,25Đ**  **0,25Đ** |

**Câu 2:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Điểm** |
| 1. Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”:  * Phát huy mạnh mẽ lòng yêu nước. * Ý chí tự lực, tự cường, tự tôn dân tộc. * Xây dựng văn hoá tiêu dùng của người Việt Nam. * Có ý nghĩa sâu sắc đối với sự phát triển bền vững nền kinh tế đất nước. | **0,25Đ**  **0,25Đ**  **0,25Đ**  **0,25Đ** |
| 1. Hưởng ứng:  * Tuyên truyền, ủng hộ cuộc vận động đến gia đình, người than, bạn bè. * Ưu tiên tiêu dùng hàng hóa do các doanh nghiệp Việt Nam sản xuất. | **0,5Đ**  **0,5Đ** |